

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG, THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG NHẬN QUÀ TẶNG CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC
NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC VÀ 80 NĂM NGÀY QUỐC
KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(Kèm theo Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1	Phạm Văn Mãng	Ba Đình	TB(28%)	132138	500.000			
2	Phạm Văn Ý	Ba Đình	TB(25%)	132130	500.000			
3	Phạm Văn Đông	Ba Đình	TB(21 %)	132142	500.000			
4	Phạm Thị Hiền	Ba Đình	TB(28%)	132134	500.000			
5	Nguyễn Văn Ngọc	Ba Đình	TB(41%)	46635	500.000			
6	Võ Thị Hồng	Ba Đình	TB(34%)	62595	500.000			
7	Phạm Văn Chia	Ba Đình	TB(31%)	27882	500.000			
8	Phạm Văn Bách	Ba Đình	TB(21%)	47440	500.000			
9	Phạm Thị Bay	Ba Đình	TB(45%)	85357	500.000			
10	Phạm Văn Hư	Ba Đình	TB(21 %)	25960	500.000			
11	Phạm Văn Thái	Ba Đình	TB(41%)	11371	500.000			
12	Phạm Thị Hồng	Ba Đình	TB(41%)	24949	500.000			
13	Phạm Văn Phân	Ba Đình	TB(61%)	24189	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
14	Phạm Văn Đích	Ba Đình	BB(50%)	1168	500.000			
15	Phạm Văn Lầy	Ba Đình	BB(45%)	1354	500.000			
16	Phạm Văn Tiểu	Ba Đình	BB(45%)	1182	500.000			
17	Phạm Thị Nan	Ba Đình	BB(50%)	1184	500.000			
18	Phạm Văn Tom	Ba Đình	BB(50%)	1185	500.000			
19	Phạm Văn Re	Ba Đình	BB(50%)	1157	500.000			
20	Phạm Văn Nu	Ba Đình	BB(50%)	1315	500.000			
21	Phạm Văn Bu	Ba Đình	BB(45%)	843	500.000			
22	Phạm Thị Xé	Ba Đình	BB(50%)	865	500.000			
23	Phạm Văn Moát	Ba Đình	BB(50%)	853	500.000			
24	Phạm Văn Vúp	Ba Đình	BB(45%)	852	500.000			
25	Phạm Thị Thiên	Ba Đình	BB(45%)	851	500.000			
26	Phạm Văn Đóc	Ba Đình	BB(45%)	380	500.000			
27	Phạm Văn Ách	Ba Đình	BB(45%)	247	500.000			
28	Phạm Văn Xênh	Ba Đình	BB(45%)	240	500.000			
29	Phạm Văn Đông	Ba Đình	BB(50%)	239	500.000			
30	Phạm Thị Long	Ba Đình	BB(50%)	228	500.000			
31	Phạm Văn Xác	Ba Đình	BB(45%)	209	500.000			
32	Phạm Văn Rùa	Ba Đình	BB(50%)	116	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
33	Phạm Văn Bôn	Ba Đình	BB(50%)	114	500.000			
34	Phạm Văn U	Ba Đình	BB(50%)	111	500.000			
35	Phạm Thị Bích	Ba Đình	BB(45%)	59	500.000			
36	Phạm Văn Nem	Ba Đình	BB(55%)	512	500.000			
37	Phạm Văn Trường	Ba Đình	BB(55%)	238	500.000			
38	Phạm Văn Thênh	Ba Đình	BB(55%)	130	500.000			
39	Phạm Văn Tinh	Ba Đình	BB(55%)	79	500.000			
40	Phạm Văn Léch	Ba Đình	BB(55%)	74	500.000			
41	Trần Đình Đò	Ba Đình	BB(66%)	74429	500.000			
42	Phạm Thị Xuân	Ba Đình	BB(66%)	74424	500.000			
43	Phạm Thị Điền	Ba Đình	BB(66%)	74407	500.000			
44	Phạm Văn Hen	Ba Đình	BB(61 %)	74600	500.000			
45	Phạm Văn Rê	Ba Đình	BB(61 %)	74596	500.000			
46	Phạm Thị Mong	Ba Đình	BB(68%)	74594	500.000			
47	Phạm Thị Quyên	Ba Đình	BB(66%)	74435	500.000			
48	Phạm Thị Nhét	Ba Đình	BB(66%)	74432	500.000			
49	Phạm Văn Hâng	Ba Đình	BB(61%)	74430	500.000			
50	Phạm Thị Thôi	Ba Đình	BB(61%)	74428	500.000			
51	Phạm Thị Déo	Ba Đình	BB(61%)	74428	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
52	Phạm Thị Chum	Ba Đình	BB(61%)	74417	500.000			
53	Phạm Văn Trò	Ba Đình	BB(62%)	74416	500.000			
54	Phạm Văn Tích	Ba Đình	BB(61%)	74415	500.000			
55	Phạm Thị Ách	Ba Đình	BB(62%)	74414	500.000			
56	Phạm Văn Nghị	Ba Đình	BB(64%)	74413	500.000			
57	Phạm Thị Vết	Ba Đình	BB(61%)	74410	500.000			
58	Phạm Thị Hu	Ba Đình	BB(66%)	74408	500.000			
59	Phạm Thị Dơ	Ba Đình	BB(61%)	74405	500.000			
60	Phạm Thị Niên	Ba Đình	BB(68%)	74403	500.000			
61	Phạm Thị Vũ	Ba Đình	BB(66%)	74400	500.000			
62	Phạm Thị Hút	Ba Đình	BB(66%)	74299	500.000			
63	Phạm Thị Dờ	Ba Đình	BB(68%)	74397	500.000			
64	Phạm Thị Nur	Ba Đình	BB(68%)	74396	500.000			
65	Phạm Văn Tô	Ba Đình	BB(61%)	74392	500.000			
66	Phạm Thị Ban	Ba Đình	BB(62%)	70476	500.000			
67	Phạm Thị Bon	Ba Đình	BB(62%)	70474	500.000			
68	Phạm Văn Đon	Ba Đình	BB(61%)	70443	500.000			
69	Phạm Văn Dừa	Ba Đình	BB(62 %)	70043	500.000			
70	Phạm Văn Mĩ	Ba Đình	BB(64%)	67899	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
71	Phạm Thị Sáp	Ba Đình	BB(67%)	67438	500.000			
72	Phạm Văn Răng	Ba Đình	BB(65%)	67449	500.000			
73	Phạm Thị Hiếu	Ba Đình	BB(61%)	67452	500.000			
74	Phạm Văn Téo	Ba Đình	BB(61%)	67895	500.000			
75	Phạm Văn Mỏ	Ba Đình	BB(61%)	67900	500.000			
76	Phạm Văn Đít	Ba Đình	BB(61%)	67901	500.000			
77	Phạm Văn Hạ	Ba Đình	BB(61%)	66559	500.000			
78	Phạm Thị Sẻ	Ba Đình	BB(61%)	66560	500.000			
79	Phạm Thị Chiến	Ba Đình	BB(61%)	66568	500.000			
80	Phạm Thị Hương	Ba Đình	BB(61%)	66561	500.000			
81	Phạm Văn Diết	Ba Đình	BB(61%)	66582	500.000			
82	Phạm Văn Hai	Ba Đình	BB(61%)	66579	500.000			
83	Phạm Văn Nhanh	Ba Đình	BB(61%)	660	500.000			
84	Phạm Thị Lố	Ba Đình	BB(72%)	74426	500.000			
85	Phạm Thị Di	Ba Đình	BB(72%)	74422	500.000			
86	Phạm Thị Dừa	Ba Đình	BB(81%)	74418	500.000			
87	Phạm Thị Manh	Ba Đình	Tuất Liệt sỹ hưởng ĐXND	49594	500.000		Vợ	Phạm Văn Thập(Tháp)
88	Phạm Thị Hoi	Ba Đình	Tuất 1 liệt sỹ	5972	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
89	Phạm Thị Đề	Ba Đình	Tuất 1 liệt sỹ	3761	500.000			
90	Phạm Thị Dong	Ba Đình	Tuất 1 liệt sỹ	21290	500.000			
91	Phạm Thị Ru	Ba Đình	Tuất 1 liệt sỹ	4135	500.000			
92	Phạm Thị Bay	Ba Đình	Tuất 1 liệt sỹ	3725	500.000			
93	Nguyễn Thị Dung	Ba Đình	Tuất 1 liệt sỹ	2686	500.000			
94	Phạm Thị Ba	Ba Đình	Tuất 1 liệt sỹ	56577	500.000			
95	Phạm Thị Lang	Ba Đình	Tù, đầy	81394	500.000			
96	Phạm Thị Nữ(ba)	Ba Đình	Tù, đầy	78032	500.000			
97	Phạm Thị Bỉ	Ba Đình	CCGĐCMCB	11714	500.000			
98	Đỗ Thị Xuân	Ba Đình	CCGĐCMCB	10343	500.000			
99	Phạm Thị Nía	Ba Đình	CCGĐCMCB	5980	500.000			
100	Phạm Văn Âu	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21264	500.000		Con	Phạm Văn Leng
101	Phạm Thị Bò (Vo)	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	18815	500.000		Cháu	Phạm Thị Kreng
102	Phạm Thị Chăm	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3728	500.000		Con	Phạm Thị Hí
103	Phạm Thị Chép	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3852	500.000		Con	Phạm Văn Gun
104	Phạm Văn Tria	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	6540	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhẫu
105	Phạm Văn Chunh	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	4158	500.000		Anh	Phạm Văn Chăng
106	Phạm Thị Déo	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3736	500.000		Con	Phạm Văn Leo
107	Phạm Văn Dôn	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3730	500.000		Con	Phạm Văn Láy

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
108	Phạm Văn Đồi	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3704	500.000		Cháu	Phạm Văn Ngọc
109	Phạm Văn Đơn	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	5973	500.000		Cháu	Phạm Thị Han
110	Phạm Văn Đơn	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21245	500.000		Con	Phạm Văn Lã
111	Phạm Văn Ước	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3727	500.000		Cháu	Phạm Văn Sắp
112	Phạm Văn Ước	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21307	500.000		Cháu	Phạm Văn Thô
113	Phạm Thị Dã	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21276	500.000		Em	Phạm Văn Hồng(Hồng)
114	Phạm Thị Hằng	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3754	500.000		Em	Phạm Văn Sương
115	Phạm Thị Hè	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	2669	500.000		Con	Phạm Văn Giêng
116	Phạm Thị Im	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	49608	500.000		Con	Phạm Văn Sao
117	Phạm Thị Lan	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3887	500.000		Dâu	Nguyễn Thị Đồ
118	Phạm Văn Lờ	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	18940	500.000		Con	Phạm Văn Nê
119	Huỳnh Thị Luân	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	4373	500.000		Con	Huỳnh Luân
120	Phạm Thị Mui	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	5969	500.000		Con	Phạm Văn Ya
121	Phạm Thị Nghe	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	2557	500.000		Chị	Phạm Văn Thanh
122	Phạm Thị Nhi	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	4569	500.000		Em dâu	Phạm Thị Ngái
123	Phạm Thị Pạ(Bê)	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	18813	500.000		Em	Phạm Văn Điền
124	Phạm Văn Phay	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3721	500.000		Anh	Phạm Văn Phía
125	Phạm Văn Phường	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	4567	500.000		Cháu	Phạm Thị Đin
126	Phạm Thị Sẻ	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	2707	500.000		Chị	Phạm Thị Lan

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
127	Phạm Thị Tác	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	1716	500.000		Dâu	Phạm Văn Gõ (gô)
128	Phạm Văn Tề	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	8652	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhũa
129	Phạm Văn Thênh	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	5968	500.000		Cháu	Phạm Văn Hờn
130	Phạm Văn Thu	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	4161	500.000		Cháu	Phạm Thị Nhúi(nhúi)
131	Phạm Thị Nhiệp	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	54122	500.000		Cháu	Phạm Văn Xăm
132	Phạm Văn Xát (Xác)	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3718	500.000		Cháu	Phạm Văn Múa
133	Phạm Văn Noan	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	5971	500.000		Cháu	Phạm Văn Rị
134	Phạm Văn Gó	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	2684	500.000		Cháu	Phạm Văn Goi
135	Phạm Văn Lỏa	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3705	500.000		Cháu	Phạm Văn Hước
136	Phạm Thị Lá	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	4570	500.000		Cháu	Phạm Văn Dế
137	Phạm Thị Út	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	2704	500.000		Vợ	Phạm Văn Dịu
138	Phạm Văn Nưm	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21265	500.000		Cháu	Phạm Văn Bói
139	Phạm Thị Deo(Déo)	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	2703	500.000		Chị	Phạm Văn Dệch
140	Phạm Thị Pa Rơ	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3723	500.000		Con	Phạm Văn Sóc
141	Phạm Thị Hòa(Hoà)	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	4580	500.000		Con	Phạm Văn Nho
142	Phạm Thị Ru	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3762	500.000		Con	Phạm Văn Rèm
143	Phạm Văn Ói	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3763	500.000		Em	Phạm Văn Rôm
144	Phạm Thị Dong (Giang)	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	4568	500.000		Con	Phạm Văn Chuôi
145	Phạm Thị Biếp	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	19356	500.000		Cháu	Phạm Văn Thác

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
146	Phạm Thị Pồ(Phổ)	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	22306	500.000		Em	Phạm Văn Tháo
147	Phạm Văn Thuốc	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	22287	500.000		Em	Phạm Văn Hịa
148	Phạm Văn Quàu	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	18811	500.000		Cháu	Phạm Văn Gò
149	Phạm Văn Quàu	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	22410	500.000		Cháu	Phạm Văn Kiêm
150	Phạm Văn Quàu	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	41528	500.000		Cháu	Phạm Văn Lợi
151	Phạm Văn Hâng	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21295	500.000		Em	Phạm Văn Hừ
152	Phạm Văn Diếc	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3710	500.000		Con	Phạm Văn Nhẫu
153	Phạm Văn Ích	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	2682	500.000		Con	Phạm Văn Nhóa
154	Phạm Thị Ó	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	49595	500.000		Cháu	Đinh Văn Héo
155	Phạm Thị Dờ	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	1713	500.000		Con	Phạm Văn Gôn
156	Phạm Thị Điền	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3732	500.000		Con	Phạm Văn Nhea
157	Phạm Văn Sa	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3316	500.000		Cháu	Phạm Thị Ắng
158	Trần Thanh Hùng	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	54114	500.000		Con	Trần Châu Loan
159	Phạm Văn Nát	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	22281	500.000		Em	Phạm Văn Đanh
160	Phạm Thị Trênh	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	18924	500.000		Con	Phạm Văn Leng
161	Phạm Văn Rê	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21300	500.000		Em	Phạm Thị Chín
162	Phạm Thị Tộc	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3724	500.000		Con	Phạm Văn Bay
163	Phạm Văn Quyên	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21230	500.000		Cháu	Phạm Văn Phóc
164	Phạm Thị Mã	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	26436	500.000		Em	Đinh Văn Chế(Thế)

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
165	Phạm Thị Riều	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	26442	500.000		Chị	Phạm Văn Ruynh
166	Phạm Văn Hạ	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21262	500.000		Em	Phạm Văn Nhảy
167	Nguyễn Thanh Tạo	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	2112	500.000		Cháu	Đình Văn Theo
168	Phạm Thị Xích	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	01253	500.000		Con	Phạm Văn Biểu
169	Phạm Văn Hốp	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	5963	500.000		Em	Phạm Văn Háy
170	Phạm Thị Đầy	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21249	500.000		Cháu	Phạm Văn Thi
171	Phạm Văn Đon	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21242	500.000		Cháu	Phạm Pờ Ruôn
172	Đình Văn Nhân	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3306	500.000		Con	Phạm Văn Pa Nói
173	Phạm Thị Tiêu	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	6794	500.000		Cháu	Phạm Thị Cây
174	Phạm Thị Tác	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	QN 3719	500.000		Cháu dâu	Phạm Văn Tăng
175	Phạm Thị Nghin	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21275	500.000		Con	Phạm Văn Mai
176	Phạm Thị Nuôi	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	18814	500.000		Em dâu	Phạm Văn Bầy
177	Phạm Thị Ne	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	QN/LS 5970	500.000		Con	Phạm Văn Ghiêu
178	Phạm Thị Léa	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21269	500.000		Con	Phạm Văn Lá
179	Phạm Văn Sông	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21279	500.000		Cháu	Phạm Văn Chu
180	Phạm Thị Xé	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	24483	500.000		Chị	Đình Văn Giấy
181	Phạm Văn Phường	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	4134	500.000		Cháu	Phạm Văn Rin
182	Trịnh Xin	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	54117	500.000		Con	Trịnh Hiền
183	Phạm Thị Chiến	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21284	500.000		Chị	Phạm Văn Hôm

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
184	Phạm Thị Vên	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21229	500.000		Cháu	Phạm Thị Gét
185	Phạm Văn Lôi	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	21274	500.000		Con	Phạm Văn Lũ
186	Phạm Văn Lôi	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	1768	500.000		Con	Phạm Thị Gót
187	Phạm Văn Xíp	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	35394	500.000		Cháu	Phạm Văn Gieo
188	Phạm Văn Xuân	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	26396	500.000		Cháu	Phạm Văn Đạt
189	Phạm Văn Xác	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3760	500.000		Cháu	Phạm Văn Mai
190	Phạm Thị Tới	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	2686	500.000		Chắc	Phạm Văn Gự(Cự)
191	Phạm Thị Mác	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	18936	500.000		Em	Phạm Văn Dí
192	Phạm Văn Trật	Ba Đình	Thờ cúng liệt sỹ	3734	500.000		Cháu	Phạm Văn Duông
193	Phạm Văn Roi	Ba Bích	TB 21%	67400QNCK	500.000			
194	Phạm Văn Mao	Ba Bích	TB 21%	28303NBAQ	500.000			
195	Phạm Văn Trò	Ba Bích	TB 21%	132048QNCK	500.000			
196	Phạm Thị Chui	Ba Bích	TB 21%	132051QNCK	500.000			
197	Phạm Văn Đoàn	Ba Bích	TB 24%	132049QNCK	500.000			
198	Phạm Văn Ghin	Ba Bích	TB 21%	132046QNCK	500.000			
199	Phạm Thị Long	Ba Bích	TB 30%	139022QNCK	500.000			
200	Phạm Văn Răng	Ba Bích	TB 31%	140920QNCK	500.000			
201	Phạm Văn Hưa	Ba Bích	TB 21%	100255BD/CK	500.000			
202	Phạm Văn Nghét	Ba Bích	TB 65%	21693NNT	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
203	Phạm Văn Hon	Ba Bích	TB 21%	138657	500.000			
204	Phạm Văn Lách	Ba Bích	BB 45%	221QN/BN	500.000			
205	Phạm Thị Góa	Ba Bích	BB 50%	1280QN/BN	500.000			
206	Phạm Thị Ní	Ba Bích	BB 50%	1281QN/BN	500.000			
207	Phạm Thị Uề	Ba Bích	BB 50%	1193QN/BN	500.000			
208	Phạm Thị Miếu	Ba Bích	BB 50%	1341QN/BN	500.000			
209	Phạm Văn Nhế	Ba Bích	BB 45%	1332QN/BN	500.000			
210	Phạm Văn Nhảy	Ba Bích	BB 45%	1192QN/BN	500.000			
211	Phạm Văn Nỉ	Ba Bích	BB 55 %	749QN/BN	500.000			
212	Phạm Văn Đợi	Ba Bích	BB 61%	489	500.000			
213	Phạm Văn Đền	Ba Bích	BB 61%	12577	500.000			
214	Phạm Văn Tổ	Ba Bích	BB 61%	3801	500.000			
215	Phạm Văn Vói	Ba Bích	BB 61%	748QN/BB	500.000			
216	Phạm Văn Mỗ	Ba Bích	BB 64%	67546BQ/K5	500.000			
217	Phạm Văn Gự	Ba Bích	BB 65%	67546BQ/K5	500.000			
218	Phạm Văn Nhìa	Ba Bích	BB 65%	67919BQ/K5	500.000			
219	Phạm Văn Danh	Ba Bích	BB 65%	67917BQ/K5	500.000			
220	Phạm Văn Lướt	Ba Bích	BB 61%	67915BQ/K5	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
221	Phạm Văn Tuổi	Ba Bích	BB 61%	67912BQ/K5	500.000			
222	Phạm Văn Ruông	Ba Bích	BB 61%	67911/BQ/K5	500.000			
223	Phạm Văn Xoi	Ba Bích	BB 61%	67910BQ/K5	500.000			
224	Phạm Thị Đường	Ba Bích	BB 64%	67906BQ/K5	500.000			
225	Phạm Văn Mua	Ba Bích	BB 61%	67905BQ/K5	500.000			
226	Phạm Văn Com	Ba Bích	BB 64%	67903BQ/K5	500.000			
227	Phạm Thị Bé	Ba Bích	BB 61%	6690BQ/K5	500.000			
228	Phạm Thị Hoanh	Ba Bích	BB 62%	73439BB/K5	500.000			
229	Phạm Thị Say	Ba Bích	CCGĐCMCB	5244 QN/CC	500.000			
230	Phạm Thị Úi	Ba Bích	CCGĐCMCB	6034 QN/CC	500.000			
231	Phạm Thị Rỗ	Ba Bích	CCGĐCMCB	10337 QN/CC	500.000			
232	Phạm Thị Chon	Ba Bích	Tù, đầy	103451	500.000			
233	Phạm Thị Chân	Ba Bích	Tù, đầy	103476	500.000			
234	Phạm Thị Tỏi	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22423	500.000		Cháu	Phạm Văn Dần
235	Phạm Văn Gối	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22417	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhứt
236	Phạm Thị Ăn (Ang)	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22270	500.000		Em	Phạm Văn Nốc
237	Phạm Thị Dít (Rít)	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22414	500.000		Cháu	Phạm Văn Đê
238	Phạm Văn Chúc	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18907	500.000		Em	Phạm Văn Bộc

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
239	Phạm Thị Nhía	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18905	500.000		Em	Phạm Văn Để (Để)
240	Phạm Văn Đon	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18795	500.000		Cháu	Phạm Văn Khẩu
241	Phạm Văn Lệ	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22413	500.000		Anh	Phạm Trồng
242	Phạm Thị Thân	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22421	500.000		Cháu	Phạm Văn Chá
243	Phạm Thị Cửu	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22411	500.000		Cháu	Phạm Văn Tường (Tương)
244	Phạm Thị Cửu	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18794	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhép
245	Phạm Văn Tura	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22416	500.000		Cháu	Phạm Văn Ta
246	Phạm Văn Dư	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22415	500.000		Cháu	Phạm Văn Tập
247	Phạm Thị Tắc	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18793	500.000		Em	Phạm Văn Tức
248	Phạm Văn Đuốc	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18775	500.000		Cháu	Phạm Văn Vú
249	Phạm Văn Rũa (Rura)	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22302	500.000		Em	Phạm Văn Rí
250	Phạm Văn Đoàn	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18779	500.000		Anh	Phạm Văn Thung
251	Phạm Văn Róc	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22271	500.000		Cháu	Phạm Văn Hành
252	Phạm Thị Nhi	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22419	500.000		Cháu	Phạm Văn Hờ (Bí danh Hô)
253	Phạm Văn Minh	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	35396	500.000		Cháu	Phạm Văn Thông
254	Phạm Văn Dư	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	3707	500.000		Con	Phạm Văn Hùng
255	Phạm Văn Thúa	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	3716	500.000		Cháu	Phạm Văn Ết
256	Phạm Văn Đoàn	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	3713	500.000		Con	Phạm Văn Mất

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
257	Phạm Thị Rồ	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	3759	500.000		Chị	Phạm Văn Chết
258	Phạm Văn Ênh	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	3757	500.000		Cháu	Phạm Văn Lu
259	Phạm Thị Cháp	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22278	500.000		Em	Phạm Văn A (Chi)
260	Phạm Thị Đui (Đuoi)	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	6550	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhó
261	Phạm Thị Chót	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18902	500.000		Cháu	Phạm Văn Chiêu
262	Phạm Thị Phôn	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	5938	500.000		Cháu	Phạm Văn Rìa
263	Phạm Văn Tên	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	36037	500.000		Con	Phạm Văn Đêm
264	Phạm Thị Hên	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18918	500.000		Chị	Phạm Văn Nhâm
265	Phạm Thị Dếp	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	49511	500.000		Chị	Phạm Văn Diêu (Bí danh Đêu)
266	Phạm Văn Cóc	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	5934	500.000		Cháu	Phạm Văn Mới
267	Phạm Văn Cóc	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	49604	500.000		Cháu	Phạm Thị Thín
268	Phạm Văn Cóc	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	2779	500.000		Con	Phạm Thị Đàng
269	Phạm Văn Nhảy	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	2779	500.000		Em	Phạm Văn Nhân
270	Phạm Thị Điêm	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18777	500.000		Em	Phạm Văn Trâm
271	Phạm Văn Lách	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18850	500.000		Cháu	Phạm Văn Nghĩa
272	Phạm Văn Đền	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22420	500.000		Cháu	Phạm Văn Vút
273	Phạm Thị Đia	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22283	500.000		Em	Phạm Văn Hình
274	Phạm Văn Ý	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22304	500.000		Cậu	Phạm Văn Hoay

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
275	Phạm Văn Ý	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	35352	500.000		Em	Phạm Văn Ghê
276	Phạm Văn Diết	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	24473	500.000		Cháu	Phạm Văn Thành
277	Phạm Văn Lâm	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	5937	500.000		Cháu	Phạm Văn Mang
278	Phạm Văn Nhui	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22422	500.000		Cháu	Phạm Văn Nghĩ
279	Đinh Pa Rẻ	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	18844	500.000		Em	Phạm Văn K'Lối
280	Đinh Pa Rẻ	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	22378	500.000		Em	Phạm Ka Lẻ (Bí danh Phạm Văn K'Lẻ)
281	Phạm Văn Hon	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	5717	500.000		Anh	Phạm Văn Núi
282	Phạm Văn Thuốc	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	5935	500.000		Con	Phạm Văn Lèo
283	Phạm Văn Nít	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	3767	500.000		Cháu	Phạm Văn Dừa
284	Phạm Thị Nha	Ba Bích	Thờ cúng liệt sĩ	3758	500.000		Cháu	Phạm Văn Loan
285	Phạm Thị Say	Ba Điền	TB 41%	118321	500.000			
286	Phạm Văn Lá	Ba Điền	TB 21%	85310	500.000			
287	Phạm Văn Chi	Ba Điền	TB 21%	105201	500.000			
288	Phạm Thị Thiết	Ba Điền	TB 41%	105384	500.000			
289	Phạm Văn Tài	Ba Điền	TB 41%	105321	500.000			
290	Phạm Văn Kỳ	Ba Điền	TB 41%	105155	500.000			
291	Phạm Văn Lươi	Ba Điền	TB 23%	105275	500.000			
292	Phạm Thị Triệu	Ba Điền	TB 21%	190902	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
293	Phạm Văn Vòng	Ba Điền	TB 21%	135587	500.000			
294	Phạm Văn Tích	Ba Điền	TB 26%	12510	500.000			
295	Phạm Văn Nó	Ba Điền	BB 45%	19	500.000			
296	Phạm Văn Thanh	Ba Điền	BB 45%	20	500.000			
297	Phạm Thị Đi	Ba Điền	BB 50%	32	500.000			
298	Phạm Văn Lương	Ba Điền	BB 45%	44	500.000			
299	Phạm Văn Ngon	Ba Điền	BB 45%	230	500.000			
300	Phạm Văn Tiến	Ba Điền	BB 45%	317	500.000			
301	Phạm Văn Nhà	Ba Điền	BB 50%	1205	500.000			
302	Phạm Thị Siêng	Ba Điền	BB 50%	1297	500.000			
303	Phạm Văn Tân	Ba Điền	BB 50%	281	500.000			
304	Phạm Văn Huy	Ba Điền	BB 55%	411	500.000			
305	Phạm Văn Đoàn	Ba Điền	BB 64%	67411	500.000			
306	Phạm Thị Bê	Ba Điền	BB 61%	67410	500.000			
307	Phạm Thị Sự	Ba Điền	BB 61%	67406	500.000			
308	Phạm Văn Đáy	Ba Điền	BB 63%	67405	500.000			
309	Phạm Văn Thiên	Ba Điền	BB 64%	67404	500.000			
310	Phạm Văn Nhánh	Ba Điền	BB 61%	66563	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
311	Phạm Thị Hương	Ba Điền	BB 63%	67408	500.000			
312	Phạm Thị Kê	Ba Điền	BB 62%	70429	500.000			
313	Phạm Văn Tới	Ba Điền	BB 68%	73031	500.000			
314	Phạm Thị Đông	Ba Điền	BB 61%	74557	500.000			
315	Phạm Thị Lợi	Ba Điền	BB 61%	74592	500.000			
316	Phạm Văn Nghênh	Ba Điền	BB 61%	34	500.000			
317	Phạm Văn Chịu	Ba Điền	BB 61%	647	500.000			
318	Phạm Văn Trầu	Ba Điền	BB 61%	1171	500.000			
319	Phạm Văn Ngư	Ba Điền	BB 63%	67442	500.000			
320	Phạm Văn Thành	Ba Điền	BB 68%	67931	500.000			
321	Phạm Văn Bân	Ba Điền	BB 63%	67928	500.000			
322	Phạm Thị Trí	Ba Điền	BB 63%	67927	500.000			
323	Phạm Thị Lễ	Ba Điền	BB 62%	67926	500.000			
324	Phạm Văn Nghép	Ba Điền	BB 63%	6792	500.000			
325	Phạm Văn Tâm	Ba Điền	BB 61%	67923	500.000			
326	Phạm Văn Đến	Ba Điền	BB 61%	67922	500.000			
327	Phạm Văn Bời	Ba Điền	BB 63%	67921	500.000			
328	Phạm Văn Chiến	Ba Điền	BB 65%	67920	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
329	Phạm Văn Bốn	Ba Điền	CĐHHTT	40	500.000			
330	Phạm Văn Chia	Ba Điền	CĐHHTT	674	500.000			
331	Phạm Thị Thúc	Ba Điền	CĐHHTT	38	500.000			
332	Phạm Thị Thiên	Ba Điền	CCGĐCMCB	4343	500.000			
333	Phạm Thị Phê	Ba Điền	CCGĐCMCB	5219	500.000			
334	Phạm Văn Hiền	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	10064	500.000		Em ruột	Phạm Văn Méo
335	Phạm Thị Thiết	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	10063	500.000		Em ruột	Phạm Văn Đu (Du)
336	Phạm Văn Tinh	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22427	500.000		Anh ruột	Phạm Tất (Ngếch)
337	Phạm Văn Đáy	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	10030	500.000		Con ruột	Phạm Văn Thường
338	Phạm Thị Sách	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	10066	500.000		Em	Phạm Văn Ách
339	Phạm Văn Thi	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	10011	500.000		Con ruột	Phạm Văn Phần
340	Phạm Văn Vui	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	10006	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Dàn
341	Phạm Thị Say	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22433	500.000		Chị ruột	Phạm Văn Dũng
342	Phạm Văn Nghênh	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22431	500.000		Chú ruột	Phạm Văn Ngóat
343	Phạm Văn Nghèo	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22441	500.000		Anh ruột	Phạm Văn Nga
344	Phạm Thị Krêu	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22436	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Đồng
345	Phạm Văn Sương	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22266	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Nghèo
346	Phạm Thị In	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22432	500.000		Em ruột	Phạm Văn Gỏi

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
347	Phạm Thị Vu (U)	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22430	500.000		Cháu ruột	Phạm Dê
348	Phạm Thị Thu	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22274	500.000		Em	Phạm Văn Dân
349	Phạm Thị Song	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22443	500.000		Em ruột	Phạm Văn Khí
350	Phạm Thị Ôn	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22440	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Ta
351	Phạm Thị Yên	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22437	500.000		Em ruột	Phạm Văn Lợi
352	Phạm Thị Ngura	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22426	500.000		Chị ruột	Phạm Văn Lê
353	Phạm Thị Đun	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22439	500.000		Em ruột	Phạm Văn Lênh
354	Phạm Văn Hiền	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22434	500.000		Em ruột	Phạm Văn Tiêu
355	Phạm Thị Tiến	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22428	500.000		Chị ruột	Phạm Trinh (Nghe)
356	Phạm Thị Sa	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22275	500.000		Em	Phạm Văn Tâm
357	Đinh Thị Ba	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22301	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Hui
358	Phạm Văn Krê	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22442	500.000		Chị ruột	Phạm Huyền
359	Phạm Thị Bóp	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22438	500.000		Em ruột	Phạm Văn Quên
360	Phạm Văn Teo	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	10065	500.000		Em ruột	Phạm Văn Tách
361	Phạm Văn Hách	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	35454	500.000		Chị ruột	Phạm Bé
362	Phạm Thị Thối	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	41521	500.000		Em	Phạm Văn Ách
363	Phạm Thị Oi	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	57653	500.000		Chị ruột	Phạm Văn Đắp
364	Phạm Văn Un	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	001256	500.000		Con ruột	Phạm Văn Klam

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
365	Phạm Thị In	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	2325	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Nuri
366	Phạm Văn Nghèo	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22342	500.000		Cháu ruột	Phạm Lệ
367	Phạm Văn Trách	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	3309	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Phom
368	Phạm Thị Bê	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	3307	500.000		Chị ruột	Phạm Văn Nhoi
369	Phạm Văn Đáy	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	3715	500.000		Em ruột	Phạm Văn Nhiên
370	Phạm Thị Su	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4566	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Viều
371	Phạm Văn Tình (Ngo)	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4564	500.000		Con	Phạm Văn Huỳnh
372	Phạm Thị Hua	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4565	500.000		Chị ruột	Phạm Văn Óa
373	Phạm Văn Đúi	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4563	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Hương
374	Phạm Văn Éo	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4579	500.000		Chị ruột	Phạm Văn Nháp
375	Phạm Thị Huệ	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4771	500.000		Con	Phạm Văn Nun
376	Phạm Văn Chơ	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4772	500.000		Con	Phạm Văn Hầy
377	Phạm Thị Om	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4775	500.000		Con	Phạm Văn Hí
378	Phạm Thị Bóp	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4776	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Ngã
379	Phạm Thị Thiết	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4774	500.000		Cháu	Phạm Thị Chút
380	Phạm Thị Sa	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4773	500.000		Con	Phạm Văn Tú
381	Phạm Thị Út	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4790	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Cúra
382	Phạm Văn Chanh	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	5091	500.000		Cháu ruột	Phạm Thị Điết

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
383	Nguyễn Công Thân	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	35356	500.000		Em ruột	Nguyễn Lâm Lạc
384	Phạm Thị Anh	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	5092	500.000		Con	Phạm Văn Vùm
385	Phạm Văn Tài	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4574	500.000		Con	Phạm Văn Dung
386	Phạm Thị Nam	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22351	500.000		Em ruột	Phạm Văn Sổ
387	Phạm Văn Đúi	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	10046	500.000		Em	Phạm Văn Đều
388	Phạm Thị Thoi (ói)	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	35349	500.000		Con ruột	Phạm Văn Khoai
389	Phạm Văn Đáy	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	10026	500.000		Em	Phạm Văn Đanh
390	Phạm Văn Lá	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	41520	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Hợi
391	Phạm Văn Lá	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4778	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Kèm
392	Phạm Thị Suốc	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22435	500.000		Em	Phạm Văn Quynh
393	Phạm Thị Krêu	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	56586	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Danh
394	Phạm Văn Cà Rằm	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4576	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Nhút
395	Phạm Văn Cà Rằm	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	4777	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Nhệ
396	Phạm Văn Treo	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	22267	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Chí
397	Phạm Thị Ne	Ba Điền	Thờ cúng liệt sĩ	3308	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Cư
398	Trương Thị Ba	Ba Động	TB (24%)	140916 QN-CK	500.000			
399	Nguyễn Tài Báu	Ba Động	TB (32%)	132489 QN-CK	500.000			
400	Trần Thị Tuyết Bảy	Ba Động	TB (61%)	58657 QN-CK	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
401	Nguyễn Đình Chín	Ba Động	TB (41%)	11322 NB-CK	500.000			
402	Võ Thành Công	Ba Động	TB (21%)	204 QN-CK	500.000			
403	Ngô Thị Hiệp	Ba Động	TB (41%)	79543 QN-CK	500.000			
404	Huỳnh Thị Hộ	Ba Động	TB (21%)	143451 QN-CK	500.000			
405	Nguyễn Đức Hoa	Ba Động	TB (41%)	60845 QN-AQ	500.000			
406	Nguyễn Thị Hoài	Ba Động	TB (42%)	65076 QN-AQ	500.000			
407	Huỳnh Thị Học	Ba Động	TB (36%)	37351 NB-CK	500.000			
408	Võ Thị Hồng	Ba Động	TB (41%)	60806 QN-CK	500.000			
409	Nguyễn Thị Hồng	Ba Động	TB (61%)	67955 QN-CK	500.000			
410	Huỳnh Hữu Duy Ka	Ba Động	TB (51%)	43918 NB-CK	500.000			
411	Phạm Văn Minh	Ba Động	TB (21%)	62635 QN-CK	500.000			
412	Trần Hồng Minh	Ba Động	TB (21%)	138	500.000			
413	Nguyễn Mười	Ba Động	TB (41%)	120356 QN-CK	500.000			
414	Võ Văn Nga	Ba Động	TB (21%)	128028 QN-CK	500.000			
415	Trần Thị Nga	Ba Động	TB (21%)	143449 QN-CK	500.000			
416	Huỳnh Văn Ngan	Ba Động	TB (41%)	7117 N-NH	500.000			
417	Nguyễn Thị Hiếu	Ba Động	TB (32%)	119019 QN-CK	500.000			
418	Lê Thị Phong	Ba Động	TB (24%)	135688 QN-CK	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
419	Thái Thị Phương	Ba Động	TB (35%)	31	500.000			
420	Huỳnh Hữu Thắng	Ba Động	TB (21%)	81397 QN-CK	500.000			
421	Trần Đức Thi	Ba Động	TB (21%)	140922 QN-CK	500.000			
422	Nguyễn Thọ	Ba Động	TB (31%)	5509 T-Q	500.000			
423	Trần Văn Tiên	Ba Động	TB (41%)	79490 QN-CK	500.000			
424	Trần Thị Tịnh	Ba Động	TB (28%)	30	500.000			
425	Thái Tư	Ba Động	TB (61%)	27998 QN-CK	500.000			
426	Nguyễn Ty	Ba Động	TB (31%)	78411 AQ-K5	500.000			
427	Nguyễn Văn Vui	Ba Động	TB (68%)	533 NB-CK	500.000			
428	Nguyễn Thị Vy	Ba Động	TB (26%)	118904 QN-CK	500.000			
429	Võ Thị Cúc	Ba Động	BB (61%)	1134	500.000			
430	Trương Thị Sự	Ba Động	BB (63%)	3803	500.000			
431	Tạ Xuân Trường	Ba Động	BB (61%)	11769 T-BQ	500.000			
432	Nguyễn Trọng	Ba Động	CCGĐCMCB	10314	500.000			
433	Hà Đức Thanh	Ba Động	CCGĐCMCB	11581	500.000			
434	Nguyễn Thị Song	Ba Động	CCGĐCMCB	4321 QN/CC	500.000			
435	Nguyễn Thị Ở	Ba Động	CCGĐCMCB	10325 QN/CC	500.000			
436	Nguyễn Thị Nguyệt	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1423 NB/LS	500.000		con ruột liệt sỹ	Nguyễn A

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
437	Trần Thị Lan	Ba Động	Tuất 01 liệt sỹ	3931 QN/LS	500.000		Vợ liệt sỹ	Nguyễn Bé
438	Ngô Thị Thóa	Ba Động	Tuất 01 liệt sỹ	55417 NB/LS	500.000		Vợ liệt sỹ	Trần Văn Bông
439	Trần Thị Hương	Ba Động	Tuất 01 liệt sỹ	24460 NB/LS	500.000		Vợ liệt sỹ	Nguyễn Thanh Đoàn
440	Nguyễn Thị Lưu	Ba Động	Tuất 01 liệt sỹ	2677 NB/LS	500.000		Vợ liệt sỹ	Nguyễn Húa
441	Phan Quang Quỳnh	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	53703 NB/LS	500.000		Cháu ruột liệt sỹ	Phan Lên
442	Nguyễn Thị Xuân	Ba Động	Tuất 01 liệt sỹ	13771 NB/LS	500.000		Vợ liệt sỹ	Phạm Lý
443	Võ Thị Lượng	Ba Động	Tuất 01 liệt sỹ	3291 NB/LS	500.000		Vợ liệt sỹ	Mai Thề
444	Nguyễn Văn Đăng	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	477736NB/LS	500.000		con ruột liệt sỹ	Nguyễn Trung
445	Bùi Tiến Sỹ (Nguyễn Thị Hiếu)	Ba Động	Tuất 01 liệt sỹ	1929	500.000		con liệt sỹ	Bùi Quế
446	Ôn Thị Việt	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	136NB/LS	500.000		con ruột liệt sỹ	Ôn Trí
447	Nguyễn Tài Báu	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1280	500.000		con ruột duy nhất	Nguyễn Thâm
448	Nguyễn Vọng	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24463	500.000		Em ruột liệt sỹ	Nguyễn Chí
449	Lê Quốc Vương	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1421	500.000		Cháu ruột liệt sỹ	Lê Bôn
450	Nguyễn Thanh Tâm	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24457	500.000		Cháu ruột liệt sỹ	Nguyễn Nữa
451	Nguyễn Thị Bông	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	53803	500.000		Chị con chú ruột	Trần Tấn Đạo
452	Phạm Thị Bửu	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	2189	500.000		con ruột liệt sỹ	Phan Văn Trinh
453	Trịnh Thị Có	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	3292	500.000		Chị cùng mẹ khác cha	Phạm Thị Liễu
454	Võ Đình Cư	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1425	500.000		con ruột liệt sỹ	Võ Ký

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
455	Nguyễn Dũng	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	54861	500.000		Cháu gọi bác ruột	Nguyễn Nghĩ
456	Phan Tiến Dũng	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	47219	500.000		Cháu gọi bác ruột	Phan Văn Mạnh
457	Phan Tiến Dũng	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	18859	500.000		con ruột liệt sỹ	Phan Sơn Hà
458	Nguyễn Văn Đặng	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	26383	500.000		Cháu gọi cô ruột	Nguyễn Thị Muôn
459	Võ Thị Đến	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	5248	500.000		con ruột liệt sỹ	Võ Để
460	Lê Minh Điền	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24465	500.000		Em ruột liệt sỹ	Lê Minh Thái
461	Trương Thị Giảng	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	3293	500.000		Em ruột liệt sỹ	Trương Thị Lai
462	Hà Thị Giới	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1139	500.000		con dâu liệt sỹ	Nguyễn Cam
463	Hà Thị Giới	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1669	500.000		con dâu liệt sỹ	Trần Thị Hà
464	Đỗ Thị Hải	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	46860	500.000		Chị dâu liệt sỹ	Nguyễn Thị Cường
465	Đỗ Thị Hải	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	46837	500.000		con dâu liệt sỹ	Nguyễn Thị Hùng
466	Huỳnh Thị Hoa	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	5251	500.000		Cháu gọi chú ruột	Huỳnh Dư
467	Trần Thị Hoa	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	26398	500.000		Em ruột liệt sỹ	Hồ Quang Bốn
468	Bùi Văn Hòa	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	26589	500.000		Cháu gọi cậu ruột	Nguyễn Giã
469	Trịnh Văn Hồng	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	53804	500.000		con ruột liệt sỹ	Trịnh Nơi
470	Trần Minh Hôn	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	6829	500.000		Em ruột liệt sỹ	Trần Hồng
471	Huỳnh Huynh	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	2691	500.000		con ruột liệt sỹ	Nguyễn Thị Phú
472	Huỳnh Tín	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	2185	500.000		Cháu ruột liệt sỹ	Huỳnh Ngọc

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
473	Nguyễn Anh Viên	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	53329	500.000		Cháu ruột liệt sỹ	Nguyễn Thảo
474	Trần Thanh Lâm	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	3440	500.000		Cháu ruột liệt sỹ	Trần Cây
475	Nguyễn Thị Liễu	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1429	500.000		Em ruột liệt sỹ	Huỳnh Hùng
476	Hoàng Tấn Lực	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	5251	500.000		Cháu gọi cậu ruột	Lê Đậu
477	Hoàng Tấn Lực	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24475	500.000		Cháu gọi cậu ruột	Lê Chờ
478	Trần Thị Nga	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	5249	500.000		Cháu gọi dì ruột	Trần Thị Lý
479	Huỳnh Tấn Ngọc	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	57375	500.000		Em ruột liệt sỹ	Huỳnh Thị Minh Đệ
480	Trần Văn Ngọc	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1427	500.000		Cháu gọi cậu ruột	Nguyễn Chiêm
481	Trần Văn Ngọc	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24461	500.000		Cháu gọi cậu ruột	Nguyễn Hồng Thái
482	Huỳnh Hữu Nhân	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	3320	500.000		con ruột liệt sỹ	Huỳnh Hữu Cự
483	Nguyễn Thanh Huy	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24464	500.000		Cháu gọi cậu ruột	Nguyễn Văn Sơn
484	Phan Thị Quá	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	6695	500.000		con ruột liệt sỹ	Phan Mùi
485	Đặng Kim Quang	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	3294	500.000		Em ruột liệt sỹ	Đặng Thị Ba
486	Đỗ Thị Quân	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1428	500.000		Chị ruột liệt sỹ	Đỗ Em
487	Nguyễn Hữu Quê	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	6039	500.000		con ruột liệt sỹ	Nguyễn Lên
488	Trương Quang Roi	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24444	500.000		Em ruột liệt sỹ	Trương Quang On
489	Trương Quang Roi	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	2655	500.000		con ruột liệt sỹ	Trương Quang Thảo
490	Thái Ngọc Sơn	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24445	500.000		con ruột liệt sỹ	Thái Ngọc Nhị

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
491	Nguyễn Thị Sự	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	53701	500.000		Chị dâu liệt sĩ	Võ Tiến Dũng
492	Nguyễn Thị Sự	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	2692	500.000		con dâu liệt sĩ	Võ Gần
493	Võ Văn Sỹ	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	35327	500.000		Anh con di ruột	Đinh Tiên Sơn
494	Phan Quang Tấn	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	3866	500.000		Cháu nội liệt sĩ	Phan Quang Chi
495	Phạm Văn Tâm	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	2678	500.000		Em ruột liệt sĩ	Phạm Thị Ân
496	Nguyễn Anh Tuấn	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	5250	500.000		Cháu gọi bác ruột	Nguyễn Thân
497	Nguyễn Minh Tuấn	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	6797	500.000		Cháu gọi di ruột	Phạm Thị Hồng
498	Trần Anh Tuấn	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	26397	500.000		Em ruột liệt sĩ	Trần Lăng
499	Nguyễn Văn Tư	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	1422	500.000		Em ruột liệt sĩ	Nguyễn Nguồn
500	Huỳnh Hữu Có	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	41551	500.000		Anh ruột liệt sĩ	Huỳnh Út
501	Nguyễn Văn Thống	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24457	500.000		Em ruột liệt sĩ	Nguyễn Tấn Thành
502	Ng.T.Kim Thủy	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	2657	500.000		Cháu gọi ông họ	Đặng Trung Si
503	Phan Văn Thương	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	56588	500.000		Cháu gọi Ông	Phan Văn Đạt
504	Bùi Quang Trúc	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	40147	500.000		cháu gọi ông cố	Nguyễn Thứ
505	Lê Ngọc Truyền	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	24468	500.000		Cháu gọi bác ruột	Lê Hồng Minh
506	Huỳnh Thị Xuân	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	2190	500.000		con ruột liệt sĩ	Khoan Thị Được
507	Thới Thị Xuân	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	2214	500.000		Cháu gọi cậu ruột	Thới Dữ
508	Vũ Hà Bích Diệp	Ba Động	Thờ cúng liệt sĩ	46835	500.000		con ruột liệt sĩ	Võ Quốc

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
509	Phạm Văn Sỹ	Ba Tiêu	Thương binh	18786	500.000			
510	Võ Thi Tám	Ba Tiêu	Thương binh	124609	500.000			
511	Phạm Văn Nát	Ba Tiêu	Bệnh binh	51	500.000			
512	Phạm Văn Y	Ba Tiêu	Bệnh binh	69	500.000			
513	Phạm Văn Hôi	Ba Tiêu	Bệnh binh	70	500.000			
514	Phạm Thị Lan	Ba Tiêu	Bệnh binh	342	500.000			
515	Phạm Văn Eó	Ba Tiêu	Bệnh binh	371	500.000			
516	Phạm Văn Rách	Ba Tiêu	Bệnh binh	484	500.000			
517	Phạm Văn Ổ	Ba Tiêu	Bệnh binh	810	500.000			
518	Phạm Văn Ngỏ	Ba Tiêu	Bệnh binh	918	500.000			
519	Phạm Văn Hành	Ba Tiêu	Bệnh binh	936	500.000			
520	Phạm Quang Viểu	Ba Tiêu	Bệnh binh	1289	500.000			
521	Phạm Trung Ó	Ba Tiêu	Bệnh binh	1200	500.000			
522	Phạm Thị Ai	Ba Tiêu	Bệnh binh	1163	500.000			
523	Phạm Văn Vân	Ba Tiêu	Bệnh binh	943	500.000			
524	Phạm Văn Mã	Ba Tiêu	Bệnh binh	16253	500.000			
525	Phạm Văn Hỷ	Ba Tiêu	Bệnh binh	36	500.000			
526	Phạm Văn Phớt	Ba Tiêu	Bệnh binh	1381	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
527	Phạm Thị Sỹ	Ba Tiêu	Bệnh binh	1388	500.000			
528	Phạm Thị Hồ	Ba Tiêu	Bệnh binh	66539	500.000			
529	Phạm Thị Đũa	Ba Tiêu	Bệnh binh	67346	500.000			
530	Phạm Văn Ứt	Ba Tiêu	Bệnh binh	67909	500.000			
531	Phạm Văn Lê	Ba Tiêu	Bệnh binh		500.000			
532	Phạm Văn Hốt	Ba Tiêu	Bệnh binh		500.000			
533	Phạm Thị Nghê	Ba Tiêu	Bệnh binh		500.000			
534	Phạm Thị Rong	Ba Tiêu	Bệnh binh		500.000			
535	Phạm Văn Nít	Ba Tiêu	NCC ĐXCĐ	241	500.000			
536	Phạm Thị Bùm	Ba Tiêu	Người HĐCM bị địch bắt tù đầy	90162	500.000			
537	Phạm Thị Ban	Ba Tiêu	Tuất liệt sĩ	4661	500.000		Con	Phạm Văn Dân
538	Phạm Thị Nghé	Ba Tiêu	Tuất liệt sĩ	18861	500.000		Cháu	Phạm Văn Đạt
539	Phạm Thị Đũa	Ba Tiêu	Tuất liệt sĩ	35386	500.000		Cháu	Phạm Văn Đình
540	Phạm Văn Ách	Ba Tiêu	TCLS	3301	500.000		Cháu	Phạm Văn Dút (Vi)
541	Phạm Thị Kênh	Ba Tiêu	TCLS	18798	500.000		Em	Phạm Văn Gường
542	Phạm Văn Ngành	Ba Tiêu	TCLS	41535	500.000		Chị	Phạm Văn Hà Mé
543	Phạm Thị An	Ba Tiêu	TCLS	24451	500.000		Chị	Phạm Văn Ha Ri
544	Phạm Văn Éo	Ba Tiêu	TCLS	18865	500.000		Cháu	Phạm Văn Hẹn

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
545	Phạm Thị Mối	Ba Tiêu	TCLS	4138	500.000		Cháu	Phạm Văn Hĩa
546	Phạm Thị Ró	Ba Tiêu	TCLS	3861	500.000		Cháu	Phạm Văn Hiên
547	Phạm Văn Xây	Ba Tiêu	TCLS	18800	500.000		Chị	Phạm Văn K Nia
548	Phạm Thị Ai	Ba Tiêu	TCLS	41534	500.000		Em	Phạm Thị Khê
549	Phạm Văn Trang	Ba Tiêu	TCLS	18805	500.000		Cháu	Phạm Văn Lít
550	Phạm Thị Nghít	Ba Tiêu	TCLS	4143	500.000		Cháu	Phạm Văn Vôi
551	Phạm Văn Vạch	Ba Tiêu	TCLS	3302	500.000		Cháu	Phạm Văn Ma Rí
552	Phạm Thị Ngãi	Ba Tiêu	TCLS	24487	500.000		Cháu	Phạm Văn Mãng
553	Phạm Thi Đi	Ba Tiêu	TCLS	18808	500.000		con	Phạm Văn Mưu
554	Phạm Văn Nát	Ba Tiêu	TCLS	3731	500.000		em	Phạm Văn Nảy
555	Phạm Văn Nam	Ba Tiêu	TCLS	24454	500.000		Anh	Phạm Văn Nỹ
556	Phạm Văn Buông	Ba Tiêu	TCLS	22448	500.000		Chị	Phạm Văn Ngạch
557	Phạm Văn Thơ	Ba Tiêu	TCLS	18933	500.000		Cháu	Phạm Thị Nghé
558	Đình Văn Lang	Ba Tiêu	TCLS	18806	500.000		Con	Phạm Văn Ngơì
559	Phạm Thị Kênh	Ba Tiêu	TCLS	35388	500.000		Cháu	Đình Văn Nhô
560	Phạm Văn Hế	Ba Tiêu	TCLS	3305	500.000		Em	Phạm Văn Ồi
561	Phạm Thị Ninh	Ba Tiêu	TCLS	18932	500.000		Cháu	Phạm Văn Quyền
562	Phạm Thị Trắc	Ba Tiêu	TCLS	35371	500.000		Cháu	Phạm Văn Rập

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
563	Phạm Thị Lý	Ba Tiêu	TCLS	18862	500.000		Cháu	Phạm Văn Rể
564	Phạm Thị Riêng	Ba Tiêu	TCLS	24484	500.000		Em	Phạm Văn Rể
565	Phạm Thị Ếu	Ba Tiêu	TCLS	24527	500.000		con	Phạm Văn Ta
566	Phạm Văn Nam	Ba Tiêu	TCLS	18930	500.000		Em	Phạm Văn Tập
567	Phạm Văn Éo	Ba Tiêu	TCLS	132	500.000		Cháu	Phạm Ngọc Thiện
568	Phạm Văn Hòa	Ba Tiêu	TCLS	3303	500.000		Cháu	Phạm Văn Toàn
569	Phạm Thị Ti	Ba Tiêu	TCLS	18799	500.000		Em	Phạm Văn Tương
570	Phạm Thị Trắc	Ba Tiêu	TCLS	24481	500.000		Cháu	Phạm Văn Ước
571	Phạm Xuân Ân	Ba Tiêu	TCLS	24469	500.000		Em	Phạm Văn Vo
572	Phạm Văn Hòa	Ba Tiêu	TCLS	6542	500.000		Cháu	Phạm Văn Lôi
573	Phạm Văn Rui	Ba Tiêu	TCLS	204	500.000		Cháu	Phạm Văn Xôn
574	Phạm Thị Lý	Ba Tiêu	TCLS	18919	500.000		Vợ	Lê Văn Tấn
575	Phạm Văn Khôn	Ba Tiêu	TCLS	18807	500.000		con	Phạm Văn Vùi
576	Phạm Thị Triệu	Ba Tiêu	TCLS	3304	500.000		Vợ	Phạm Văn Nghiệp
577	Võ Thị Tám	Ba Tiêu	TCLS	49114	500.000		vợ	Hà Huy Sơn
578	Phạm Thị Hưng	Ba Tiêu	TCLS	18929	500.000		Vợ	Phạm Văn Lễ
579	Trần Thanh Lượng	Ba Tiêu	TCLS	57707	500.000		Con	Trần Lương
580	Phạm Thị Hiền	Ba Cung	TB 29%	118299	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
581	Huỳnh Công Đồi	Ba Cung	TB 27%	122058	500.000			
582	Huỳnh Thị Đậu	Ba Cung	TB 21%	140936	500.000			
583	Đinh Văn Nura	Ba Cung	TB 21%	136771	500.000			
584	Phạm Văn Ề	Ba Cung	TB 21%	46744	500.000			
585	Phạm Văn Rồ (Rờ)	Ba Cung	TB 22%	26150	500.000			
586	Phạm Văn Đậu	Ba Cung	TB 21%	85414	500.000			
587	Nguyễn Thị Lý	Ba Cung	TB 43%	105284	500.000			
588	Phạm Thanh Ưông	Ba Cung	BB 50%	409	500.000			
589	Phạm Văn Dách	Ba Cung	BB 50%	350	500.000			
590	Phạm Văn Bồn	Ba Cung	BB 50%	315	500.000			
591	Phạm Thị Tùng	Ba Cung	BB 50%	56	500.000			
592	Phạm Văn Ne	Ba Cung	BB 45%	55	500.000			
593	Phạm Văn Háy	Ba Cung	BB 50%	53	500.000			
594	Phạm Văn Quý	Ba Cung	BB 55%	314	500.000			
595	Phạm Văn Lĩa	Ba Cung	BB 62%		500.000			
596	Đinh Văn Trinh	Ba Cung	BB 61%		500.000			
597	Phạm Văn Chòi	Ba Cung	BB 61%	35	500.000			
598	Phạm Văn Nháy	Ba Cung	CĐHHTT	10	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
599	Dương Thanh Ba	Ba Cung	CĐHHTT	5	500.000			
600	Phạm Thị Ấy	Ba Cung	CĐHHTT	11	500.000			
601	Phạm Thị Eo	Ba Cung	CCGĐCM	5637	500.000			
602	Phạm Thị Gót	Ba Cung	CCGĐCM	6297	500.000			
603	Dương Thị Lễ	Ba Cung	Tuất Liệt sĩ	50802	500.000			
604	Đặng Thị Bảy	Ba Cung	Tuất Liệt sĩ	25752	500.000			
605	Phạm Thị Gôi	Ba Cung	Thờ cúng LS	35339	500.000		Cháu	Phạm Văn Ấy
606	Phạm Văn Nên	Ba Cung	Thờ cúng LS	43939	500.000		Em rể	Phạm Văn Tỏi
607	Phạm Văn Ề	Ba Cung	Thờ cúng LS	18887	500.000		Anh rể	Phạm Văn Phích
608	Phạm Thị Lĩa	Ba Cung	Thờ cúng LS	QNLS2651	500.000		Thiêm	Phạm Văn Rua
609	Nguyễn Thị Luyến	Ba Cung	Thờ cúng LS	952	500.000		Em dâu	Đinh Văn Tàu
610	Phạm Văn Lôi	Ba Cung	Thờ cúng LS	18848	500.000		Em	Phạm Văn Thao
611	Phạm Thị Rang	Ba Cung	Thờ cúng LS	41529	500.000		Cháu	Phạm Văn Điều
612	Phạm Văn Ói	Ba Cung	Thờ cúng LS	3297	500.000		Cháu	Phạm Thị Vong
613	Phạm Văn Đất	Ba Cung	Thờ cúng LS	56624	500.000		Cháu	Phạm Văn Khốp
614	Phạm Thị Trinh (Trinh)	Ba Cung	Thờ cúng LS	3322	500.000		Con	Phạm Văn KMó
615	Phạm Thị Đẻ	Ba Cung	Thờ cúng LS	18816	500.000		Cháu	Phạm Văn Lòi (Lói)
616	Phạm Thị Đẻ (Đẻ)	Ba Cung	Thờ cúng LS	3295	500.000		Con	Phạm Văn Neo

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
617	Phạm Thị Gót (Gốc)	Ba Cung	Thờ cúng LS	47210	500.000		Chị dâu	Phạm Văn Trỏ
618	Phạm Thị Ngấp (Ngán)	Ba Cung	Thờ cúng LS	22379	500.000		Cháu	Phạm Văn Răng
619	Phạm Thị Nay	Ba Cung	Thờ cúng LS	18843	500.000		Cháu	Phạm Văn Ước
620	Phạm Văn Nhanh	Ba Cung	Thờ cúng LS	001252	500.000		Em	Phạm Văn Né
621	Phạm Thị Rinh	Ba Cung	Thờ cúng LS	47233	500.000		Con	Phạm Văn Ngó
622	Phạm Thị Khia	Ba Cung	Thờ cúng LS	35348	500.000		Em	Phạm Văn Ia (Ya)
623	Phạm Văn Lắc	Ba Cung	Thờ cúng LS	47737	500.000		Cháu	Phạm Văn Chắt
624	Phạm Văn Lắc	Ba Cung	Thờ cúng LS	41563	500.000		Cháu	Phạm Văn Phanh
625	Phạm Văn Lắc	Ba Cung	Thờ cúng LS	22285	500.000		Cháu	Phạm Văn Dết (Duổi)
626	Phạm Văn Bon	Ba Cung	Thờ cúng LS	49612	500.000		Cháu	Phạm Văn Miêu
627	Phạm Văn Mê	Ba Cung	Thờ cúng LS	35400	500.000		Cháu	Phạm Văn Phê (Thê)
628	Phạm Văn Mê	Ba Cung	Thờ cúng LS	18840	500.000		Con	Phạm Văn Phi
629	Phạm Thị Lý	Ba Cung	Thờ cúng LS	35344	500.000		Em dâu	Phạm Văn Nát
630	Phạm Văn Lòi	Ba Cung	Thờ cúng LS	3298	500.000		Con	Phạm Văn Nhữa
631	Phạm Thị Re	Ba Cung	Thờ cúng LS	18849	500.000		Cháu	Phạm Văn Chếp
632	Phạm Văn Lênh	Ba Cung	Thờ cúng LS	3296	500.000		Con	Phạm Văn Năng
633	Phạm Văn Né (Lê)	Ba Cung	Thờ cúng LS	18846	500.000		Cháu	Phạm Thị Nhé
634	Phạm Văn Lại	Ba Cung	Thờ cúng LS	41525	500.000		cháu	Phạm Văn Nói

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
635	Phạm Thị Trê	Ba Cung	Thờ cúng LS	54118	500.000		Cháu	Phạm Văn Quê
636	Phạm Thị Hạ (Hả)	Ba Cung	Thờ cúng LS	22377	500.000		Chị dâu	Phạm Văn Ran
637	Phạm Thị Loan	Ba Cung	Thờ cúng LS	18942	500.000		Cháu	Phạm Văn Sâm
638	Phạm Thị Chai	Ba Cung	Thờ cúng LS	22374	500.000		Cháu	Phạm Văn Sát
639	Phạm Thị Nanh	Ba Cung	Thờ cúng LS	QNLS2650	500.000		Em	Phạm Văn Bân
640	Phạm Văn Chôi	Ba Cung	Thờ cúng LS	18841	500.000		Em	Phạm Văn Chê
641	Phạm Thị Ruộng	Ba Cung	Thờ cúng LS	2862	500.000		Con	Phạm Thị Chít
642	Phạm Thị Hiền	Ba Cung	Thờ cúng LS	22389	500.000		Cô	Phạm Văn Đậu
643	Phạm Thị Ảnh	Ba Cung	Thờ cúng LS	22387	500.000		Cháu	Phạm Văn Diệu
644	Phạm Thị Ảnh	Ba Cung	Thờ cúng LS	22388	500.000		Cháu	Phạm Văn Đó
645	Phạm Thị Huy	Ba Cung	Thờ cúng LS	1378	500.000		Em	Phạm Thị Đôn
646	Phạm Văn Vốp (Vót)	Ba Cung	Thờ cúng LS	18845	500.000		Em	Phạm Văn Gai
647	Phạm Văn Đó	Ba Cung	Thờ cúng LS	22312	500.000		Cháu	Phạm Văn Lun
648	Phạm Văn Đêm (Đem)	Ba Cung	Thờ cúng LS	22375	500.000		Cháu	Phạm Văn Ngải
649	Phạm Văn Nam	Ba Cung	Thờ cúng LS	41533	500.000		cháu	Phạm Văn Nhon
650	Phạm Thị Hon	Ba Cung	Thờ cúng LS	18842	500.000		Chị dâu	Phạm Văn Rum (Cam)
651	Phạm Thị Bá	Ba Cung	Thờ cúng LS	56590	500.000		Con	Phạm Văn Trảy
652	Phạm Thị On (Ôn)	Ba Cung	Thờ cúng LS	QNLS4753	500.000		Con	Phạm Văn Trường

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
653	Phạm Thị Mun	Ba Cung	Thờ cúng LS	QN1251	500.000		Cháu	Phạm Thị Xom
654	Phạm Thị Kiều	Ba Cung	Thờ cúng LS	57986	500.000		Em	Phạm Văn Đều
655	Trịnh Thị Nỹ	Ba Cung	Thờ cúng LS	47234	500.000		Em	Nguyễn Văn Là
656	Trương Quang Bích	Ba Cung	Thờ cúng LS	1257	500.000		Con	Trương Quang Lục
657	Nguyễn Thị Lý	Ba Cung	Thờ cúng LS	1001	500.000		Em	Nguyễn Đình Thông
658	Phạm Thị Bửu	Ba Cung	Thờ cúng LS	22294	500.000		Cháu	Phạm Văn Rin
659	Phạm Thị Bửu	Ba Cung	Thờ cúng LS	41542	500.000		Cháu	Phạm Văn Ré
660	Lê Thị Má	Thị trấn Ba Tơ	TNLS hưởng hàng tháng	23263	500.000			
661	Nguyễn Thị Vạn	Thị trấn Ba Tơ	TNLS hưởng hàng tháng	53332	500.000			
662	Phạm Thị Triết	Thị trấn Ba Tơ	TNLS hưởng hàng tháng	135	500.000			
663	Huỳnh Thị Bốn	Thị trấn Ba Tơ	TNLS hưởng hàng tháng	24459	500.000			
664	Trương Thị Mười	Thị trấn Ba Tơ	TNLS hưởng hàng tháng	2187	500.000			
665	Phạm Hà Thục	Thị trấn Ba Tơ	TNLS hưởng hàng tháng	47224	500.000			
666	Phạm Thị Hối	Thị trấn Ba Tơ	TNLS hưởng hàng tháng	21244	500.000			
667	Phạm Thị Ra	Thị trấn Ba Tơ	TNLS hưởng hàng tháng	35353	500.000			
668	Phạm Thị Băng	Thị trấn Ba Tơ	TNLS hưởng hàng tháng	18882	500.000			
669	Ngô Thị Nguyệt	Thị trấn Ba Tơ	TB 31%	43858	500.000			
670	Phạm Thị Đủ	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	132034	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
671	Võ Thị Kim Cúc	Thị trấn Ba Tơ	TB 32%	132479	500.000			
672	Bùi Thanh Hải	Thị trấn Ba Tơ	TB 24%	132327	500.000			
673	Phạm Thị Ánh Tuyết	Thị trấn Ba Tơ	TB 25%	47672	500.000			
674	Ngô Thị Minh Thương	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	133843	500.000			
675	Huỳnh Thị Lệ	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	135970	500.000			
676	Đào Thị Thủy	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	137287	500.000			
677	Phạm Hồng An	Thị trấn Ba Tơ	TB 22%	1935	500.000			
678	Phạm Đình Tân	Thị trấn Ba Tơ	TB 27%	138971	500.000			
679	Nguyễn Tấn Nhất	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	139582	500.000			
680	Ngô Thị Thanh Lề	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	138974	500.000			
681	Phạm Ngọc Cường	Thị trấn Ba Tơ	TB 24%	139157	500.000			
682	Đình Văn Đáy	Thị trấn Ba Tơ	TB 25%	78409	500.000			
683	Võ Thị Thanh Bình	Thị trấn Ba Tơ	TB 31%	78446	500.000			
684	Nguyễn Thanh Danh	Thị trấn Ba Tơ	TB 24%	140937	500.000			
685	Đình Quang Cư	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	78735	500.000			
686	Nguyễn Thanh Hải	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	143431	500.000			
687	Nguyễn Thị Thanh Giăng	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	70971	500.000			
688	Nguyễn Thị Phòng	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	143453	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
689	Nguyễn Được	Thị trấn Ba Tơ	TB 22%	143446	500.000			
690	Huỳnh Thị Thanh Huyền	Thị trấn Ba Tơ	TB 25%	143465	500.000			
691	Nguyễn Thắng	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	201	500.000			
692	Võ Thị Kim Liên	Thị trấn Ba Tơ	TB 1%	143432	500.000			
693	Bùi Thanh Long	Thị trấn Ba Tơ	TB 33%	10815	500.000			
694	Trần Thị Nông	Thị trấn Ba Tơ	TB 27%	138958	500.000			
695	Nguyễn Xuân Thụy	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	10045	500.000			
696	Nguyễn Thị Bích Liên	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	38099	500.000			
697	Đinh Văn Nhất	Thị trấn Ba Tơ	TB 45%	12551	500.000			
698	Nguyễn Khắc Độ	Thị trấn Ba Tơ	TB 47%	3658	500.000			
699	Phạm Thị Quyên	Thị trấn Ba Tơ	TB 31%	105149	500.000			
700	Huỳnh Thị Lệ Thu	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	105094	500.000			
701	Nguyễn Quốc Sự	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	4604	500.000			
702	Nguyễn Minh	Thị trấn Ba Tơ	TB 28%	105203	500.000			
703	Trần Văn Dũng	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	16407	500.000			
704	Phạm Văn Hiệu	Thị trấn Ba Tơ	TB 51%	27379	500.000			
705	Lê Thị Hồng Tia	Thị trấn Ba Tơ	TB 55%	9472	500.000			
706	Đinh Thị Sơn	Thị trấn Ba Tơ	TB 34%	85359	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
707	Nguyễn Thị Mai	Thị trấn Ba Tơ	TB 31%	67611	500.000			
708	Phạm Văn Dăm	Thị trấn Ba Tơ	TB 31%	30671	500.000			
709	Nguyễn Thị Năm	Thị trấn Ba Tơ	TB 45%	79479	500.000			
710	Lê Hữu Phước	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	81393	500.000			
711	Đoàn Thị Thúy Vân	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	85346	500.000			
712	Phạm Tấn Tài	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	32	500.000			
713	Huỳnh Thị Thúy Mùi	Thị trấn Ba Tơ	TB 24%	55	500.000			
714	Nguyễn Thị Thủy	Thị trấn Ba Tơ	TB 45%	85355	500.000			
715	Huỳnh Thị Bốn	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	68146	500.000			
716	Đinh Văn Đê	Thị trấn Ba Tơ	TB 35%	28293	500.000			
717	Lê Minh Khánh	Thị trấn Ba Tơ	TB 55%	29802	500.000			
718	Phạm Thị Nhất	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	98297	500.000			
719	Lê Văn An	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	28946	500.000			
720	Trần Trung Chánh	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	62709	500.000			
721	Trần Quang Thê	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	62785	500.000			
722	Phạm Công Chánh	Thị trấn Ba Tơ	TB 38	113049	500.000			
723	Lê Tấn Ba	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	113056	500.000			
724	Tạ Thị Thu Nguyệt	Thị trấn Ba Tơ	TB 42%	123445	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
725	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thị trấn Ba Tơ	TB 42%	123444	500.000			
726	Đặng Ngọc Đạo	Thị trấn Ba Tơ	TB 37%	114116	500.000			
727	Mai Thị Cúc	Thị trấn Ba Tơ	TB 31%	114043	500.000			
728	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thị trấn Ba Tơ	TB 22%	117540	500.000			
729	Trương Thị Thanh Liên	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	118312	500.000			
730	Bùi Quang Tam	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	118916	500.000			
731	Nguyễn Thị Cúc	Thị trấn Ba Tơ	TB 24%	120727	500.000			
732	Lê Thị Tuyết Nhung	Thị trấn Ba Tơ	TB 22%	117657	500.000			
733	Nguyễn Thị Cúc	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	128026	500.000			
734	Bùi Thi Lệ Hoa	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	46700	500.000			
735	Đinh Thị Hoa	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	46707	500.000			
736	Lê Thị Xuân Hương	Thị trấn Ba Tơ	TB 45%	127924	500.000			
737	Trần Minh Hoàng	Thị trấn Ba Tơ	TB 27%	46636	500.000			
738	Bùi Thị Hồng Đào	Thị trấn Ba Tơ	TB 28%	122293	500.000			
739	Nguyễn Thị Hồng Chanh	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	127922	500.000			
740	Nguyễn Thị Sương	Thị trấn Ba Tơ	TB 41%	127188	500.000			
741	Trần Thị Kim Hoa	Thị trấn Ba Tơ	TB 46%	124921	500.000			
742	Nguyễn Thị Đức	Thị trấn Ba Tơ	TB 29%	122349	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
743	Nguyễn Thị Hồng Chín	Thị trấn Ba Tơ	TB 42%	124997	500.000			
744	Phạm Xuân Treo	Thị trấn Ba Tơ	TB 32%	127165	500.000			
745	Nguyễn Thị Diễm	Thị trấn Ba Tơ	TB 37%	130209	500.000			
746	Nguyễn Thị Công	Thị trấn Ba Tơ	TB 32%	130039	500.000			
747	Trương Thị Mười	Thị trấn Ba Tơ	TB 61%	62374	500.000			
748	Võ Thị Bảy	Thị trấn Ba Tơ	TB 65%	2958	500.000			
749	Nguyễn Tấn Đăng	Thị trấn Ba Tơ	TB 61%	12741	500.000			
750	Ngô Xuân Đạo	Thị trấn Ba Tơ	TB 61%	4559	500.000			
751	Hồ Thị Hoa	Thị trấn Ba Tơ	TB 43%	123380	500.000			
752	Phạm Thị Hối	Thị trấn Ba Tơ	TB21%	68419	500.000			
753	Phạm Thị Đu	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	108152	500.000			
754	Phạm Văn Chênh	Thị trấn Ba Tơ	TB 21%	52748	500.000			
755	Phạm Thị Bảy	Thị trấn Ba Tơ	TB	58525	500.000			
756	Nguyễn Thị Ba	Thị trấn Ba Tơ	TB 28%	173462	500.000			
757	Nguyễn Văn Thanh	Thị trấn Ba Tơ	TB 28%	64219	500.000			
758	Nguyễn Ngọc Huệ	Thị trấn Ba Tơ	TB 43%	234251	500.000			
759	Phạm Văn Lang	Thị trấn Ba Tơ	BB 50%	41	500.000			
760	Phạm Thị Nía	Thị trấn Ba Tơ	BB 55%	30	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
761	Phạm văn Triền	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	67484	500.000			
762	Phạm Văn Ngơ	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	40	500.000			
763	Phạm Quốc Anh	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	16254	500.000			
764	Nguyễn Chí Thanh	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	16460	500.000			
765	Phạm Thị Ngun	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	1364	500.000			
766	Phạm Văn Đũa	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	1368	500.000			
767	Phạm Văn Chỗ	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	1336	500.000			
768	Phạm Văn Ghê	Thị trấn Ba Tơ	BB 63%	67890	500.000			
769	Phạm Văn Ghi	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	67888	500.000			
770	Phạm Văn Thía	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	67885	500.000			
771	Phạm Thị Lâm	Thị trấn Ba Tơ	BB 65%	68887	500.000			
772	Phạm Trung Nguyên	Thị trấn Ba Tơ	BB 65%	67433	500.000			
773	Phạm Thị Le	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	66576	500.000			
774	Phạm Văn Te	Thị trấn Ba Tơ	BB 50%	1176	500.000			
775	Phạm Văn Ếu	Thị trấn Ba Tơ	BB 50%	1158	500.000			
776	Phạm Thị Chê	Thị trấn Ba Tơ	BB 50%	1248	500.000			
777	Phạm Văn Liễu	Thị trấn Ba Tơ	BB 50%	1247	500.000			
778	Phạm Văn Xem	Thị trấn Ba Tơ	BB 45%	1161	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
779	Phạm Văn Ân	Thị trấn Ba Tơ	BB 50%	1162	500.000			
780	Đình Loi Tang	Thị trấn Ba Tơ	BB 50%	336	500.000			
781	Phạm Văn Hàng	Thị trấn Ba Tơ	BB 50%	319	500.000			
782	Phạm Văn Đồi	Thị trấn Ba Tơ	BB 55%	332	500.000			
783	Phạm Thị Tới	Thị trấn Ba Tơ	BB 68%	74616	500.000			
784	Phạm Thị Te	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	74611	500.000			
785	Phạm Văn Hy	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	74607	500.000			
786	Phạm Văn Tía	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	74605	500.000			
787	Phạm Văn Tóc	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	74603	500.000			
788	Phạm Thị Lun	Thị trấn Ba Tơ	BB 68%	74601	500.000			
789	Phạm Văn Trói	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	74598	500.000			
790	Phạm Thị Trinh	Thị trấn Ba Tơ	BB 64%	67470	500.000			
791	Phạm Văn Nghé	Thị trấn Ba Tơ	BB 61%	1173	500.000			
792	Võ Tám	Thị trấn Ba Tơ	BB62%	98679	500.000			
793	Phạm Huy Phương	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	41	500.000			
794	Lâm Thanh Hồng	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	45	500.000			
795	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	105	500.000			
796	Phạm Văn Tang	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	103	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
797	Nguyễn Thị Thu	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	100	500.000			
798	Thái Thị Châu	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	3	500.000			
799	Huỳnh Thị Nở	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	485	500.000			
800	Phạm Văn Ung	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	522	500.000			
801	Phạm Thị Triết	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	528	500.000			
802	Huỳnh Văn Đông	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	537	500.000			
803	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	498	500.000			
804	Nguyễn Thanh Hợp	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	541	500.000			
805	Phạm Thị Sự	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	551	500.000			
806	Phạm Đức Trinh	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	525	500.000			
807	Phạm Thị Gổ	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	102	500.000			
808	Phạm Thị Thạch	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	1	500.000			
809	Phạm Văn Nunh	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)	558	500.000			
810	Phạm Quý Đôn	Thị trấn Ba Tơ	CĐHHTT (trực tiếp)		500.000			
811	Phạm Thị Thước	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	5653	500.000			
812	Phạm Thị Ồi	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	6210	500.000			
813	Phạm Thị Hà	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	10348	500.000			
814	Lê Thị Lựu	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	10350	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
815	Phạm Thị Điền	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	10353	500.000			
816	Phạm Thị Xuôi	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	10363	500.000			
817	Nguyễn Thị Đính	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	11068	500.000			
818	Phạm Văn Khôi	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	11136	500.000			
819	Huỳnh Thị Hoa	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	11375	500.000			
820	Phạm Thị Ne	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	612	500.000			
821	Phạm Thị Bí	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	613	500.000			
822	Phạm Thị Bờ	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	292	500.000			
823	Phạm Thị Lý	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	279	500.000			
824	Phạm Thị Bia	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	4687	500.000			
825	Phạm Thị In	Thị trấn Ba Tơ	CCGĐCMCB	4684	500.000			
826	Lê Thị Chuyện	Thị trấn Ba Tơ	tù, đầy	1725	500.000			
827	Phạm Thị Khách	Thị trấn Ba Tơ	tù, đầy	103522	500.000			
828	Trần Bốn	Thị trấn Ba Tơ	tù, đầy	23	500.000			
829	Nguyễn Văn Năm	Thị trấn Ba Tơ	tù, đầy	78038	500.000			
830	Phạm Thị Bị	Thị trấn Ba Tơ	tù, đầy	103453	500.000			
831	Phạm Thị Bay	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22399	500.000		cháu	Phạm Thị Ké (kẻ)
832	Phạm Văn Bó	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1717	500.000		con	Phạm Văn Quyết

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
833	Huỳnh Thị Bốn	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41527	500.000		chị	Huỳnh Thanh Năm
834	Huỳnh Thị Bốn	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22424	500.000		em	Huỳnh Mới
835	Phạm Thị Cô	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18944	500.000		cháu	Phạm Văn Xi
836	Thái Thị Châu	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1315	500.000		con	Thới Thị Vạn
837	Trần Trung Chính	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1426	500.000		cháu	Trần Lực
838	Phạm Văn Chính	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	35341	500.000		cháu	Phạm Văn Mân
839	Phạm Văn Dăm	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	51617	500.000		con	Phạm Văn Chren
840	Phạm Văn Dỗi	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18880	500.000		cháu	Phạm Văn Thoang
841	Phạm Văn Đóch	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	56591	500.000		cháu	Phạm Văn Thắng
842	Đình Đời	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18866	500.000		con	Đình Văn Diếp
843	Phạm Thị Đợi (hình)	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18943	500.000		con	Phạm Văn Ghin
844	Phạm Thị Đua	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	54579	500.000		cháu	Phạm Văn Ghin (gin)
845	Phạm Thị Êm	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22407	500.000		em	Phạm Văn Đò
846	Phạm Văn Dỗi	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	5962	500.000		anh	Phạm Văn Kăn
847	Phạm Văn Ghiên	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	26434	500.000		em	Phạm Thúc (Ghía)
848	Phạm Văn Gò	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	3755	500.000		con	Phạm Văn Bích
849	Phạm Thị Hà	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18939	500.000		con	Phạm Thị Huyềnh
850	Nguyễn Thanh Hải	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	40560	500.000		cháu	Nguyễn Dur

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
851	Nguyễn Thanh Hải	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	40561	500.000		cháu	Nguyễn Mười
852	Phạm Thị Ham	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	47218	500.000		con	Phạm Văn Viên
853	Hồ Hanh	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	5781	500.000		con	Hồ Đồng
854	Lê Thị Thanh Hoa	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	26443	500.000		chị dâu	Phạm Văn In
855	Huỳnh Thị Lệ Hoa	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1484	500.000		con	Võ Thị Nghiêm
856	Huỳnh Thị Lệ Hoa	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1554	500.000		con	Huỳnh Lại
857	Phạm Thị Hới	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	2706	500.000		chị	Phạm Văn Ngheo,
858	Phạm Văn Hới	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	6793	500.000		cháu	Đình Lôn
859	Lê Thị Hồng	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1576	500.000		con	Lê Phẩm
860	Phạm Văn Huy	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18945	500.000		cháu	Phạm Văn Lan
861	Huỳnh Thị Hương	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	5932	500.000		con	Huỳnh Kiệt
862	Phạm Thị Íp	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22305	500.000		cháu	Phạm Văn Nem
863	Phạm Thị Króc	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41556	500.000		cháu	Phạm Văn Biếc
864	Phạm Văn Ký	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18883	500.000		anh	Phạm Văn Trá
865	Phạm Thị Khách	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	35393	500.000		em	Phạm Văn Khôi
866	Phạm Thị Khách	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41532	500.000		em	Phạm Thị Chép
867	Phạm Văn Bó	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22400	500.000		anh	Phạm Văn Gió
868	Phạm Văn Lâm	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18941	500.000		cháu	Phạm Văn Hang

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
869	Phạm Văn Lang	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18815	500.000		cháu	Phạm Văn Dê
870	Phạm Văn Lang	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41530	500.000		cháu	Phạm Văn Trợ
871	Trương Công Lập	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	24466	500.000		con	Trương Thanh
872	Phạm Thị Lăng	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	54115	500.000		con	Phạm Văn Ngôm
873	Phạm Thị Lệ	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	5959	500.000		con	Phạm Văn Kiên
874	Phạm Thị Lục	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22405	500.000		em	Phạm Văn Đót
875	Phạm Thị Lý	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22403	500.000		em	Phạm Văn Thiên
876	Phạm Thị Hạ	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	35346	500.000		cháu	Phạm Văn Hộ
877	Đinh Thị Mác	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	10009	500.000		con	Phạm Văn Lước (luốc)
878	Đặng Văn Minh	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1855	500.000		cháu	Huỳnh Thời
879	Trương Thị Mười	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	5247	500.000		em	Trương Quang Phẩm
880	Phạm Thị Mương	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	6716	500.000		chị	Phạm Thị Mêm
881	Nguyễn Văn Nam	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1140	500.000		con	Nguyễn Hương
882	Trần Duy Nam	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41793	500.000		cháu	Trần Duy Ân
883	Phạm Thị Năm	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41560	500.000		em	Phạm Thị Nhem,
884	Nguyễn Thị Năm	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	51618	500.000		em	Huỳnh Thị Tiên
885	Phạm Văn Nунh	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	56587	500.000		chú	Phạm Văn Lạc
886	Phạm Thị Nư	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18810	500.000		cháu	Phạm Văn Nề

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
887	Phạm Thị Ngọc	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	10023	500.000		con	Phạm Văn Ngắt
888	Phạm Thị Nhó (nhó)	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	3743	500.000		em	Phạm Văn Hằng
889	Phạm Thị Ổ	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	35364	500.000		em	Phạm Văn Cua
890	Phạm Thị Ồi	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	6787	500.000		cháu	Phạm Thị Hách (ba)
891	Phạm Văn Ốp	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	3752	500.000		cháu	Phạm Văn Rứa
892	Phạm Văn Ốp	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18915	500.000		con	Phạm Văn Nói
893	Phạm Văn Ốp	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	47214	500.000		cháu	Phạm Văn Đào
894	Phạm Văn Ốp	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41526	500.000		cháu	Phạm Văn Niên
895	Phạm Văn Ốp	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18809	500.000		cháu	Phạm Văn Bờ
896	Phạm Thị Pen	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	3717	500.000		cháu	Phạm Thị Đây
897	Phạm Thị Pen	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	5960	500.000		chị	Phạm Văn Gôi
898	Nguyễn Chi Duy Minh Phụng	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	53335	500.000		cháu	Nguyễn Thanh Sum
899	Nguyễn Thị Minh Phượng	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	38946	500.000		cháu	Nguyễn Thị Nguyệt
900	Phạm Xuân Quây	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18934	500.000		cháu	Phạm Văn Rúi
901	Phạm Xuân Quây	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22404	500.000		cháu	Phạm Văn Quang
902	Phạm Thị Xuyên	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	4165	500.000		chị	Phạm Văn Dêu
903	Phạm Thị Song	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22401	500.000		em	Phạm Dinh
904	Phạm Thị Song	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41531	500.000		chị	Phạm Thị Thu

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
905	Nguyễn Thái Sơn	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	5758	500.000		cháu	Nguyễn Tiểu
906	Nguyễn Thái Sơn	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	2465	500.000		cháu	Trần Thị Nhĩ
907	Đinh Thị Sơn	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18832	500.000		em	Phạm Văn Rura
908	Đinh Thị Sơn	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	24512	500.000		em	Phạm Khinh
909	Nguyễn Thái Sơn	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	45571	500.000		cháu	Nguyễn Vê
910	Bùi Quang Tam	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1566	500.000		con	Trần Thị Phường
911	Phạm Thị Tám	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	2326	500.000		em dâu	Phạm Văn Miêu
912	Phạm Thị Tám	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	51616	500.000		con	Phạm Văn Khiếp
913	Phạm Thị Tang	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	2752	500.000		con	Phạm Văn Nước
914	Phạm Thị Te	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	35402	500.000		em	Phạm Văn Ní
915	Phạm Văn Tình	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22397	500.000		em	Phạm Thị Siêng
916	Phạm Văn Tình	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22408	500.000		em	Phạm Văn Đo
917	Phạm Văn Tốt	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18821	500.000		em	Phạm Văn Thao
918	Đỗ Thanh Tùng	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	50801	500.000		cháu	Đỗ Bé
919	Võ Sĩ Mẹo	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	6785	500.000		con	Võ Giỏi
920	Đinh Tiếp Tuyển	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1714	500.000		cháu	Phạm Văn Khâm
921	Lê Quang Thành	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	19901	500.000		cháu	Lê Quang Nhựt
922	Võ Duy Thảo	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	2656	500.000		con	Võ Hương

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
923	Nguyễn Văn Thêu	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41541	500.000		con	Nguyễn Đòn
924	Phạm Đình Thông	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	6802	500.000		con	Phạm Thị Nha
925	Nguyễn Thị Minh Thủy	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	26387	500.000		con	Nguyễn Dừa
926	Ngô Thị Minh Thương	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	2990	500.000		em	Ngô Mới
927	Huỳnh Văn Thương	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	47228	500.000		con	Huỳnh Thân
928	Ngô Thị Minh Thương	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	40828	500.000		em	Ngô Ứng
929	Phạm Văn Trắc	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18822	500.000		cháu	Phạm Thị Nho
930	Phạm Văn Trơ	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	5958	500.000		con	Phạm Thị Ôn
931	Phạm Văn Trù	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	22273	500.000		cháu	Phạm Văn Tiến
932	Phạm Thị Trước	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	1254	500.000		con	Phạm Văn Riều
933	Phạm Thị Trường	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	18935	500.000		cháu	Phạm Văn Hú
934	Phạm Văn Việt	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	47237	500.000		cháu	Phạm Văn Thích
935	Phạm Thị Vớ	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	51615	500.000		con	Phạm Văn Sang
936	Phan Tấn Vũ	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	7574	500.000		cháu	Phan Ty
937	Đinh Văn Nam	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	4751	500.000		cháu	Đinh Văn Hề
938	Phạm Văn Te	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	286	500.000		cháu	Phạm Văn Tây
939	Phạm Văn Bảy	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	5933	500.000		cháu	Phạm Văn Tùng
940	Nguyễn Thị Hiền	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	41751	500.000		con	Nguyễn Thị Còn

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
941	Đinh Tô Lâm	Thị trấn Ba Tơ	Thờ cúng liệt sĩ	6752	500.000		cháu	Phạm Thị Ở
942	Phạm Thị Hiểu (Tôn)	Ba Khâm	Thương binh 21%	124716	500.000			
943	Phạm Văn Thừa	Ba Khâm	Thương binh 24%	124714	500.000			
944	Trần Phương Đông	Ba Khâm	Thương binh 35%	28335	500.000			
945	Phạm Văn Trung	Ba Khâm	Thương binh 47%	1280332	500.000			
946	Phạm Văn Đe (B)	Ba Khâm	Bệnh binh 45%	339	500.000			
947	Phạm Văn Bắc	Ba Khâm	Bệnh binh 50%	179	500.000			
948	Phạm Văn Ghi	Ba Khâm	Bệnh binh 50%	214	500.000			
949	Phạm Văn Nhứt	Ba Khâm	Bệnh binh 50%	215	500.000			
950	Phạm Thị Xin	Ba Khâm	Bệnh binh 50%	793	500.000			
951	Phạm Thị Xẻ	Ba Khâm	Bệnh binh 50%	1291	500.000			
952	Phạm Văn Thố	Ba Khâm	Bệnh binh 61%	558	500.000			
953	Phạm Văn Thôi	Ba Khâm	Bệnh binh 62%	70453	500.000			
954	Phạm Văn Nhúi	Ba Khâm	Bệnh binh 67%	67552	500.000			
955	Phạm Thị Ngựa	Ba Khâm	CCGĐCMCB	2515	500.000			
956	Phạm Thị Nhum	Ba Khâm	CCGĐCMCB	6120	500.000			
957	Phạm Văn Xĩa	Ba Khâm	TCLS	18947	500.000		Con	Phạm Văn Thương
958	Phạm Thị Xiếu(Xiú)	Ba Khâm	TCLS	24446	500.000		Em	Phạm Xuôi

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
959	Phạm Thị Xên	Ba Khâm	TCLS	18763	500.000		Em	Phạm Văn Riết
960	Phạm Thị Runh (Run)	Ba Khâm	TCLS	18833	500.000		Em	Phạm Văn Dân
961	Phạm Văn Méo	Ba Khâm	TCLS	41557	500.000		Con	Phạm Văn Thê
962	Phạm Thị Nhích	Ba Khâm	TCLS	18830	500.000		Cháu	Phạm Văn Rã
963	Phạm Văn Đô	Ba Khâm	TCLS	5951	500.000		Con	Phạm Văn Đồng
964	Phạm Văn Xưng	Ba Khâm	TCLS	24474	500.000		Cháu	Phạm Văn Linh
965	Phạm Thị Điếc	Ba Khâm	TCLS	53334	500.000		Cháu	Phạm Văn Đường
966	Phạm Thị Điếc	Ba Khâm	TCLS	24470	500.000		Cháu	Phạm Tên
967	Phạm Thị Tô	Ba Khâm	TCLS	24506	500.000		Em	Phạm Văn Liên
968	Phạm Thị Tê	Ba Khâm	TCLS	18912	500.000		Em	Phạm Văn Bầm
969	Phạm Thị Đào	Ba Khâm	TCLS	24507	500.000		Em	Phạm Văn Đang
970	Phạm Thị Nhân	Ba Khâm	TCLS	24472	500.000		Con	Phạm Nghĩa
971	Phạm Thị Nhân	Ba Khâm	TCLS	47215	500.000		Chị	Đinh Thị Thôi
972	Phạm Thị Gối	Ba Khâm	TCLS	5956	500.000		Cháu	Phạm Văn Run
973	Phạm Thị Gở	Ba Khâm	TCLS	5950	500.000		Cháu	Phạm Văn Rỏ
974	Phạm Văn Thành	Ba Khâm	TCLS	18831	500.000		Cháu	Phạm Văn Tú
975	Phạm Văn Dui	Ba Khâm	TCLS	18949	500.000		Em	Phạm Văn Deo
976	Phạm Thị Tiếp	Ba Khâm	TCLS	24517	500.000		Em	Phạm Dói

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
977	Phạm Thị Hịa	Ba Khâm	TCLS	6544	500.000		Cháu	Phạm Văn Tử
978	Phạm Văn Dung	Ba Khâm	TCLS	18879	500.000		Cháu	Phạm Văn Dương
979	Phạm Văn Phía	Ba Khâm	TCLS	3299	500.000		Con	Phạm Thị Nghiều
980	Phạm Thị Choan	Ba Khâm	TCLS	41550	500.000		Cháu	Phạm Văn Thật
981	Phạm Thị Ghíp	Ba Khâm	TCLS	6792	500.000		Cháu	Phạm Văn Réa
982	Phạm Văn Bực	Ba Khâm	TCLS	24511	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhung (Nhiên)
983	Phạm Văn Dưa	Ba Khâm	TCLS	6790	500.000		Con	Phạm Văn Húa
984	Phạm Văn Ghênh	Ba Khâm	TCLS	6548	500.000		Anh	Phạm Văn Bang
985	Phạm Thị Đê	Ba Khâm	TCLS	5957	500.000		Con	Phạm Văn Nhúa
986	Phạm Thị Đê	Ba Khâm	TCLS	6789	500.000		Em	Phạm Văn Đôn
987	Phạm Văn Chét	Ba Khâm	TCLS	6545	500.000		Cháu	Phạm Văn Thiệt
988	Phạm Văn Gúc	Ba Khâm	TCLS	6791	500.000		Cháu	Phạm Văn Nanh
989	Phạm Thị Rao	Ba Khâm	TCLS	18759	500.000		Em	Phạm Văn Đặc
990	Phạm Thị Rỳ	Ba Khâm	TCLS	18760	500.000		Em	Phạm Văn Tin
991	Phạm Văn Nhứt	Ba Khâm	TCLS	2106	500.000		Anh	Phạm Văn Thân(Than)
992	Phạm Thị Đưa	Ba Khâm	TCLS	24515	500.000		Em	Phạm Văn Ghí
993	Phạm Thị Nhúi	Ba Khâm	TCLS	5953	500.000		Con	Phạm Văn Trữ
994	Phạm Thị Yêu	Ba Khâm	TCLS	24510	500.000		Cháu	Phạm Văn Thiên

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
995	Phạm Thị Hơ	Ba Lẽ	TB 25%	143450	500.000			
996	Phạm Thị Cúc	Ba Lẽ	TB 21%	120429	500.000			
997	Phạm Văn Lặc	Ba Lẽ	TB 28%	118311	500.000			
998	Phạm Văn Thết	Ba Lẽ	TB 41%	28331	500.000			
999	Phạm Văn Thợ	Ba Lẽ	BB 50%	813	500.000			
1000	Phạm Văn Cân	Ba Lẽ	BB 50%	378	500.000			
1001	Phạm văn Luông	Ba Lẽ	BB 50%	235	500.000			
1002	Phạm Văn Kia	Ba Lẽ	BB 61%	70108	500.000			
1003	Phạm Văn Ết	Ba Lẽ	BB 61%	70406	500.000			
1004	Phạm Văn Đồi	Ba Lẽ	BB 61%	70407	500.000			
1005	Phạm Văn Móc	Ba Lẽ	BB 61%	741	500.000			
1006	Phạm Thị Tin	Ba Lẽ	CCGĐCMCB	6147	500.000			
1007	Phạm Văn Xanh	Ba Lẽ	CCGĐCMCB	5859	500.000			
1008	Phạm Thị Hơ	Ba Lẽ	CCGĐCMCB	5447	500.000			
1009	Phạm Văn Lăn	Ba Lẽ	CCGĐCMCB	5446	500.000			
1010	Phạm Thị Hút	Ba Lẽ	CCGĐCMCB	4816	500.000			
1011	Phạm Văn Ung	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	18911	500.000		Cháu	Phạm Văn Go
1012	Phạm Thị Nghệ	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	18768	500.000		Cháu	Phạm văn Rít

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1013	Phạm Thị Gurn	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	18870	500.000		Cháu	Phạm Văn Rang
1014	Phạm Thị Hách (Hút)	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	18871	500.000		Chị	Phạm Văn Rúa
1015	Phạm Thị Bé	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	5H - 425B	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhung
1016	Phạm Văn Nảy	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	25398	500.000		Cháu	Phạm Văn Xím
1017	Phạm Thị Kía	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35399	500.000		Chị	Phạm Văn Trong
1018	Phạm Văn Tinh	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35451	500.000		Cháu	Phạm Văn Cầu
1019	Phạm Văn Dếp	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35456	500.000		Cháu	Phạm Lanh
1020	Phạm Văn Vong	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35453	500.000		Cháu	Phạm Văn Xanh
1021	Phạm Văn Xom	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35401	500.000		Anh	Phạm Văn Anh
1022	Phạm Thị Tông	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35340	500.000		Cháu	Phạm Văn Lên
1023	Phạm Văn Quê	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35350	500.000		Em	Phạm Văn Bang
1024	Phạm Văn Gầy	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35397	500.000		em	Phạm Văn Đoàn
1025	Phạm Thị Long	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	41540	500.000		Cháu	Phạm Văn Chiêu
1026	Phạm Văn Khép	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	49615	500.000		Cháu	Đình Nguôn
1027	Phạm Văn Giúp	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	50803	500.000		Em	Phạm Văn Trùm
1028	Phạm Văn Độc	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	19026	500.000		Em	Phạm Văn Đồng
1029	Phạm Văn Đoàn	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	4197	500.000		Con	Phạm Văn Kiều
1030	Phạm Văn Thợ	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35450	500.000		em	Phạm Văn Đất

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1031	Phạm Văn Gòn	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	2248	500.000		Cháu	Phạm Văn Giá
1032	Phạm Văn Cần	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	18867	500.000		Em	Phạm Văn Đen
1033	Phạm Văn Thét	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	18769	500.000		Em	Phạm Văn Ninh
1034	Phạm Thị Sạ	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	18838	500.000		Cháu	Phạm Văn Ch Ríêu
1035	Phạm Văn Minh	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	QN/LS 3756	500.000		Em	Phạm Thị Mũa
1036	Phạm Thị Nhiêm	Ba Lẽ	Thờ cúng liệt sĩ	35449	500.000		Em	Phạm Văn Nhân
1037	Phạm Văn Sát	Ba Nam	TB 28%	85337	500.000			
1038	Phạm Văn Nó	Ba Nam	BB 45%	60	500.000			
1039	Phạm Văn Bí	Ba Nam	BB 55%	149	500.000			
1040	Phạm Ngọc Ôn	Ba Nam	BB 61%	1435	500.000			
1041	Phạm Thị Sầm	Ba Nam	CCGĐCMCB	11015	500.000			
1042	Phạm Văn Măng	Ba Nam	CĐHHTT	97	500.000			
1043	Phạm Thị Nhôi	Ba Nam	CĐHHTT	91	500.000			
1044	Phạm Thị Ngậy	Ba Nam	CĐHHTT	95	500.000			
1045	Phạm Văn Sát	Ba Nam	Thờ cúng liệt sĩ	22362	500.000		Cháu	Đinh Rạch
1046	Phạm Văn Bí	Ba Nam	Thờ cúng liệt sĩ	22381	500.000		Cháu	Đinh Văn Giao
1047	Phạm Văn Mỏ	Ba Nam	Thờ cúng liệt sĩ	22289	500.000		Em	Đinh Văn Mâu
1048	Phạm Thị Tũa	Ba Nam	Thờ cúng liệt sĩ	22310	500.000		Em	Đinh Văn Thấp

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1049	Phạm Thị Le	Ba Nam	Thờ cúng liệt sĩ	22282	500.000		Em	Đinh Văn Tang
1050	Phạm Thị Nghệ	Ba Nam	Thờ cúng liệt sĩ	22284	500.000		Em	Đinh Văn Tân
1051	Đinh Thị Lan	Ba Ngạc	Thương binh 37%	132210	500.000			
1052	Phạm Văn Dũng	Ba Ngạc	Thương binh 24%	140900	500.000			
1053	Phạm Văn Hoát	Ba Ngạc	Thương binh 21%	143440	500.000			
1054	Phạm Văn Bía	Ba Ngạc	Thương binh 21%	135695	500.000			
1055	Phạm Văn Rười	Ba Ngạc	Thương binh 24%	143443	500.000			
1056	Phạm Văn Xa Rút	Ba Ngạc	Thương binh 21%	143445	500.000			
1057	Phạm Văn Tông	Ba Ngạc	Thương binh 21%	135696	500.000			
1058	Phạm Xuân Bách	Ba Ngạc	Thương binh 21%	143441	500.000			
1059	Phạm Thị Ổ	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	372	500.000			
1060	Phạm Văn Đắc	Ba Ngạc	Bệnh binh 45%	45	500.000			
1061	Phạm Minh Ê	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	1198	500.000			
1062	Phạm Văn Hoàng	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	34	500.000			
1063	Phạm Văn Lếch	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	1170	500.000			
1064	Phạm Văn Ma Ranh	Ba Ngạc	Bệnh binh 45%	22	500.000			
1065	Phạm Văn Máu	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	103	500.000			
1066	Phạm Văn Nêm	Ba Ngạc	Bệnh binh 45%	824	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1067	Phạm Văn Nghanh	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	508	500.000			
1068	Phạm Văn Nhoà	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	373	500.000			
1069	Phạm Văn Núi	Ba Ngạc	Bệnh binh 45%	750	500.000			
1070	Phạm Văn Ó	Ba Ngạc	Bệnh binh 45%	38	500.000			
1071	Phạm Văn Phun	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	1201	500.000			
1072	Phạm Văn Răng	Ba Ngạc	Bệnh binh 45%	23	500.000			
1073	Phạm Văn Rời	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	65	500.000			
1074	Phạm Văn Rúng	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	1327	500.000			
1075	Phạm Văn Ta Lang	Ba Ngạc	Bệnh binh 50%	248	500.000			
1076	Phạm Văn Tân	Ba Ngạc	Bệnh binh 45%	374	500.000			
1077	Phạm Thị Lép	Ba Ngạc	Bệnh binh 55%	46	500.000			
1078	Phạm Thị Nhũ	Ba Ngạc	Bệnh binh 55%	71	500.000			
1079	Phạm Thị Tếp	Ba Ngạc	Bệnh binh 55%	27	500.000			
1080	Phạm Văn Luông	Ba Ngạc	Bệnh binh 55%	752	500.000			
1081	Phạm Văn Mút	Ba Ngạc	Bệnh binh 55%	54	500.000			
1082	Phạm Văn Ngheo	Ba Ngạc	Bệnh binh 55%	1316	500.000			
1083	Phạm Xuân Sinh	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	4494	500.000			
1084	Phạm Thị Bích	Ba Ngạc	Bệnh binh 63%	67978	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1085	Phạm Thị K-Roang	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	648	500.000			
1086	Phạm Thị Lú	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	1147	500.000			
1087	Phạm Thị Luân	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	66555	500.000			
1088	Phạm Thị Ma	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	664	500.000			
1089	Phạm Thị Nền	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	70416	500.000			
1090	Phạm Thị Răng	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	67975	500.000			
1091	Phạm Văn Ha Nghi	Ba Ngạc	Bệnh binh 65%	67974	500.000			
1092	Phạm Văn Bời	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	67545	500.000			
1093	Phạm Văn Hen	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	67976	500.000			
1094	Phạm Văn Hênh	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	1149	500.000			
1095	Phạm Văn Hoa	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	1340	500.000			
1096	Phạm Văn Huý	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	1265	500.000			
1097	Phạm Văn K-Dân	Ba Ngạc	Bệnh binh 65%	67420	500.000			
1098	Phạm Văn La	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	1264	500.000			
1099	Phạm Văn Lêm	Ba Ngạc	Bệnh binh 64%	67548	500.000			
1100	Phạm Văn Lộc	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	508	500.000			
1101	Phạm Văn Lý	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	1151	500.000			
1102	Phạm Văn Nóc	Ba Ngạc	Bệnh binh 65%	67971	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1103	Phạm Văn Ổ	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	66580	500.000			
1104	Phạm Văn On	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	70414	500.000			
1105	Phạm Văn Reo	Ba Ngạc	Bệnh binh 63%	67423	500.000			
1106	Phạm Văn Tại	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	67972	500.000			
1107	Phạm Văn Tê	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	70417	500.000			
1108	Phạm Văn Thông	Ba Ngạc	Bệnh binh 64%	67543	500.000			
1109	Phạm Văn Thu	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	67973	500.000			
1110	Phạm Văn Tính	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	1367	500.000			
1111	Phạm Văn Vây	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	70470	500.000			
1112	Phạm Văn Vó	Ba Ngạc	Bệnh binh 61%	66583	500.000			
1113	Phạm Văn Vời	Ba Ngạc	Bệnh binh 62%	67977	500.000			
1114	Phạm Văn Loi	Ba Ngạc	Bệnh binh 72%	70413	500.000			
1115	Phạm Thị Hà Riết	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	6016	500.000			
1116	Phạm Thị Đơi	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	4826	500.000			
1117	Phạm Thị Hít	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	5794	500.000			
1118	Phạm Thị Lin	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	4782	500.000			
1119	Phạm Thị Linh	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	4823	500.000			
1120	Phạm Thị Lót	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	5242	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1121	Phạm Thị Nhay	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	4788	500.000			
1122	Phạm Thị Nhin	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	4830	500.000			
1123	Phạm Thị Nhuất	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	4832	500.000			
1124	Phạm Thị Rĩa	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	4828	500.000			
1125	Phạm Thị Rôm	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	5415	500.000			
1126	Phạm Thị Tiểu	Ba Ngạc	CCGĐCMCB	4778	500.000			
1127	Phạm Thị Bưởi	Ba Ngạc	Tuất liệt sĩ	10005	500.000		Vợ	Đinh Ca Rây
1128	Phạm Thị Ngo	Ba Ngạc	Tuất liệt sĩ	6320	500.000		Vợ	Phạm Văn Pa Tăng
1129	Phạm Thị Vơ Lót	Ba Ngạc	Tuất liệt sĩ	6763	500.000		Vợ	Phạm Văn Hoảng
1130	Phạm Thị Lên	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35368	500.000		Cháu	Đinh Dăng
1131	Phạm Thị Pa Niêm	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10062	500.000		Cháu	Đinh Ghiêm
1132	Phạm Văn Thối	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35372	500.000		Cháu	Đinh Ma
1133	Phạm Thị Khoát	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35381	500.000		Con	Đinh Hoát
1134	Phạm Văn Rười	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10031	500.000		Cháu	Đinh Kim
1135	Phạm Văn Bách	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4780	500.000		Cháu	Đinh Ka Rồ
1136	Phạm Văn Đo	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10040	500.000		Cháu	Đinh Lật
1137	Phạm Văn Hách	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35366	500.000		Cháu	Đinh Lóp
1138	Phạm Văn Tết	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	7928	500.000		Cháu	Đinh Ngoan

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1139	Phạm Văn Ấu	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10025	500.000		Chị	Đinh Nhanh
1140	Phạm Thị Lú	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10059	500.000		Cháu	Đinh Nhâm
1141	Phạm Văn Chun	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4779	500.000		Con	Đinh Pin
1142	Phạm Thị Khoát	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10029	500.000		Em	Đinh Phúc
1143	Phạm Thị Ró	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10020	500.000		Em	Đinh Tát
1144	Phạm Văn Đo	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35359	500.000		Vợ	Đinh Văn Thương
1145	Phạm Thị Ới	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10061	500.000		Em	Đinh Xôn
1146	Phạm Văn Đại	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10045	500.000		Chị	Đinh A Rân
1147	Phạm Thị Rơ	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35373	500.000		Em	Đinh A Rin
1148	Phạm Văn K Riều	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35376	500.000		Cháu	Đinh Ca Doa
1149	Phạm Thị Le	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10019	500.000		Vợ	Đinh Cà Rêu
1150	Phạm Thị Tâm	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10038	500.000		Em	Đinh Cấp
1151	Phạm Văn Dút	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35360	500.000		Em	Đinh Dã
1152	Phạm Thị Trao	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4782	500.000		cháu	Đinh Ha Mữ
1153	Phạm Văn Nào	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10022	500.000		Con	Đinh Hà Ngầm
1154	Phạm Văn Reo	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10082	500.000		Cháu	Đinh Hà Râm
1155	Phạm Thị Tam	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	5096	500.000		Cô	Đinh Ha Tây
1156	Phạm Thị Trái	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35375	500.000		Con	Đinh Hoáy

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1157	Phạm Thị Duông	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35367	500.000		Vợ	Phạm Văn Mác
1158	Phạm Thị Thế	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4789	500.000		Cháu	Đinh Ka Lãi
1159	Phạm Văn Treo	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4781	500.000		Con	Đinh Kái
1160	Phạm Thị Ren	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10058	500.000		Em	Đinh Ma Ní
1161	Phạm Văn Trệ	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10042	500.000		Cháu	Đinh Mặc
1162	Phạm Văn Tấp	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10032	500.000		Cháu	Đinh Ngáy
1163	Phạm Thị Ma	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35378	500.000		Cháu	Đinh Nha Râm
1164	Phạm Thị Oát	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10041	500.000		Em	Đinh Nhon
1165	Phạm Văn Ớt	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4784	500.000		Cháu	Đinh Pa Rỗ
1166	Phạm Văn Pa Lêm	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10039	500.000		Em	Đinh Ta Nấp
1167	Phạm Thị Nhũi	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35377	500.000		Em	Đinh Ta Như
1168	Phạm Thị Ất	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	49602	500.000		cháu	Đinh Tia
1169	Phạm Thị Pa Niêm	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10081	500.000		Em	Đinh Tin
1170	Phạm Thị Dư	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	47238	500.000		Cháu	Đinh Tôn
1171	Phạm Văn Lãng	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35358	500.000		Cháu	Đinh Tun
1172	Phạm Văn Lếch	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35370	500.000		Em	Đinh Thân
1173	Phạm Văn Hoàng	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10014	500.000		Con	Đinh Thị Rên
1174	Phạm Văn Tháy	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	41545	500.000		Chị	Đinh Thọ

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1175	Phạm Văn Mê	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35382	500.000		Em	Đinh Văn Đa
1176	Phạm Thị Khôn	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10043	500.000		Cháu	Đinh Văn Linh
1177	Phạm Thị Nhin	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4786	500.000		Con	Đinh Văn Lung
1178	Phạm Văn Rằng	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4787	500.000		cháu	Đinh Văn Muôn
1179	Phạm Thị Thuốc	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	54113	500.000		Anh	Đinh Văn Ngôn
1180	Phạm Văn Hoàng	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	5939	500.000		Cháu	Đinh Văn Nhâm
1181	Phạm Văn Hè	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35369	500.000		Vợ	Đinh Văn Rê
1182	Phạm Thị Rua	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	26386	500.000		Cháu	Đinh Văn Rều
1183	Phạm Văn Viêu	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	52669	500.000		Cháu	Phạm Văn Rin
1184	Phạm Văn Sợ	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35374	500.000		Con	Đinh Văn Tăng
1185	Phạm Thị Lôi	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35457	500.000		Con	Phạm Bân
1186	Phạm Thị Thái	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35383	500.000		Em	Phạm Len
1187	Phạm Văn Tháy	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6762	500.000		Cháu	Phạm Thị Dẻo
1188	Phạm Văn Thê	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6756	500.000		con	Phạm Thị Đắc
1189	Phạm Thị Non	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6761	500.000		Em	Phạm Thị Pa Ghênh
1190	Phạm Thị Mát	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6755	500.000		Chị	Phạm Văn Bảy
1191	Phạm Văn Thông	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6745	500.000		Con	Phạm Văn Bựi
1192	Phạm Văn Hùng	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6757	500.000		Cháu	Phạm Văn Diêm

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1193	Phạm Văn Mạ	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6750	500.000		Cháu	Phạm Văn Đào
1194	Phạm Thị Gơ	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6746	500.000		Em	Phạm Văn Ên
1195	Phạm Văn Mật	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6742	500.000		con	Phạm Văn Ha La
1196	Phạm Thị Gơ Léch	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4783	500.000		Cháu	Phạm Văn Ha Ro
1197	Phạm Văn Phú	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6747	500.000		Con	Phạm Văn Hía
1198	Phạm Văn Lược	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	1255	500.000		Cháu	Phạm Văn Hoàng
1199	Phạm Văn Tim	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	4788	500.000		Cháu	Phạm Văn Hoay
1200	Phạm Thị Manh	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6741	500.000		Con	Phạm Văn Hoáy
1201	Phạm Thị Trời	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6743	500.000		Cháu	Phạm Văn Lui
1202	Phạm Văn Luông	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6753	500.000		Anh	Phạm Văn Ma Rang
1203	Phạm Văn Hùng	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6760	500.000		Em	Phạm Văn Một
1204	Phạm Văn K Lễ	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6748	500.000		Con	Phạm Văn Năm
1205	Phạm Văn Phai	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6759	500.000		con	Phạm Văn Ông
1206	Phạm Văn Rét	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6744	500.000		Cháu	Phạm Văn Râm
1207	Phạm Thị Phê	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6758	500.000		Em	Phạm Văn Rím
1208	Phạm Thị Nát	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	5940	500.000		Vợ	Phạm Văn Tang
1209	Phạm Thị Phát	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6749	500.000		Con	Phạm Văn Thập
1210	Phạm Văn Hùng	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10049	500.000		Cháu	Phạm Văn Xu

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1211	Phạm Thị Cháp	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10013	500.000		Cháu	Đinh Văn Hiệp
1212	Phạm Văn Nhin	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	6751	500.000		Con	Phạm Văn Rệ
1213	Phạm Thị Yên	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35361	500.000		Em	Đinh Văn Trê
1214	Phạm Thị Nhút	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	53333	500.000		Cháu	Đinh Văn Moát
1215	Phạm Văn Khiên	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10017	500.000		Con	Đinh Thênh
1216	Phạm Thị Bé	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35365	500.000		Cháu	Đinh Lit
1217	Phạm Thị Thín	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	35380	500.000		Cháu	Đinh Sa
1218	Phạm Văn Thân	Ba Ngạc	Thờ cúng liệt sĩ	10050	500.000		Cháu	Đinh Xiêu
1219	Đinh Thị Máy	Ba Tô	Bà mẹ VNAH	529	500.000			
1220	Phạm Văn Hinh	Ba Tô	Thương binh (21%)	135606	500.000			
1221	Phạm Văn Hung	Ba Tô	Thương binh (21%)	132043	500.000			
1222	Phạm Văn Nêu	Ba Tô	Thương binh (21%)	132033	500.000			
1223	Phạm Văn Min	Ba Tô	Thương binh (21%)	132040	500.000			
1224	Hồ thị Kim Luyến	Ba Tô	Thương binh (32%)	126073	500.000			
1225	Phạm Văn Thay	Ba Tô	Thương binh (21%)	60519	500.000			
1226	Phạm Văn Nông	Ba Tô	Thương binh (31%)	28318	500.000			
1227	Phạm Văn Gon	Ba Tô	Thương binh (31%)	3674	500.000			
1228	Phạm Văn Xảy	Ba Tô	Bệnh binh (50%)	1144	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1229	Phạm Văn Nghi	Ba Tô	Bệnh binh (50%)	1190	500.000			
1230	Phạm Văn Tơ	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	1153	500.000			
1231	Phạm Văn Khốt	Ba Tô	Bệnh binh (50%)	1155	500.000			
1232	Phạm Thanh Mong	Ba Tô	Bệnh binh (50%)	933	500.000			
1233	Phạm Văn Tranh	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	932	500.000			
1234	Phạm Văn In	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	406	500.000			
1235	Phạm Văn Vành	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	405	500.000			
1236	Phạm Văn Nhi	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	404	500.000			
1237	Phạm Văn Mạnh	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	403	500.000			
1238	Phạm Văn Vót	Ba Tô	Bệnh binh (50%)	402	500.000			
1239	Phạm Văn Dỗ	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	338	500.000			
1240	Phạm Văn Sỹ	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	337	500.000			
1241	Phạm Văn Nghiã	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	206	500.000			
1242	Phạm Văn Ên	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	128	500.000			
1243	Phạm Văn Đáng	Ba Tô	Bệnh binh (45%)	85	500.000			
1244	Phạm Văn Dẽ	Ba Tô	Bệnh binh (55%)	1149	500.000			
1245	Phạm Thị Long	Ba Tô	Bệnh binh (55%)	499	500.000			
1246	Phạm Văn Tiểu	Ba Tô	Bệnh binh (55%)	86	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1247	Phạm Văn Ia	Ba Tô	Bệnh binh (62%)	70420	500.000			
1248	Phạm Văn Ro	Ba Tô	Bệnh binh (63%)	70422	500.000			
1249	Phạm Văn Chích	Ba Tô	Bệnh binh (63%)	70461	500.000			
1250	Phạm Thị Lác	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	66569	500.000			
1251	Phạm Thị Ấy	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	665705	500.000			
1252	Phạm Thị Ý	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	66572	500.000			
1253	Phạm Thị Đá	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	66571	500.000			
1254	Phạm văn Lo	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	67965	500.000			
1255	Phạm Thị Nê	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	67967	500.000			
1256	Phạm văn Lé	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	67966	500.000			
1257	Phạm Văn Dổ	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	67964	500.000			
1258	Phạm văn Troi	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	67463	500.000			
1259	Phạm Thị Dân	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	67467	500.000			
1260	Phạm Thị Tia	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	67468	500.000			
1261	Phạm văn Dổi	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	67471	500.000			
1262	Phạm Văn Mé	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	1377	500.000			
1263	Phạm Văn Đí	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	1342	500.000			
1264	Phạm Văn Leo	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	1262	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1265	Phạm Thị Chuối	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	4175	500.000			
1266	Phạm Văn Cục	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	23	500.000			
1267	Phạm Văn On	Ba Tô	Bệnh binh (61%)	28	500.000			
1268	Phạm Thị Mía	Ba Tô	CCGĐCMCB	5986	500.000			
1269	Phạm Thị Cậy	Ba Tô	CCGĐCMCB	5658	500.000			
1270	Phạm Văn Vời	Ba Tô	CCGĐCMCB	5449	500.000			
1271	Phạm Thị Đá	Ba Tô	CCGĐCMCB	263	500.000			
1272	Phạm Thị Đò	Ba Tô	CCGĐCMCB	260	500.000			
1273	Phạm Thị Rót	Ba Tô	Đại diện TNLS	5944	500.000		Phạm Văn Lã	Vợ
1274	Phạm Thị Dân	Ba Tô	Đại diện TNLS	12363	500.000		Phạm Văn Thur	Vợ
1275	Phạm Thị Chuối	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	4147	500.000		Phạm Thị Mười	Bác
1276	Phạm Văn Xênh	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22291	500.000		Đinh Văn Hòa	Con
1277	Phạm Văn Góm	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21286	500.000		Phạm Văn Nghin	Con
1278	Phạm Thị Điền	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	54116	500.000		Phạm Văn Đất	Chị
1279	Phạm Thị Khép	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12383	500.000		Phạm Văn Con	Cháu
1280	Phạm Thị Lốp	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22372	500.000		Đinh Văn Nunh	Chị
1281	Phạm Thị Lạc	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22253	500.000		Đinh Văn Du	Em
1282	Phạm Văn Chi	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22385	500.000		Đinh Văn Ủa	Cháu

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1283	Phạm Thị Vi	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	54339	500.000		Đình Quảng Ba	Cháu
1284	Phạm Thị Dề	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22373	500.000		Đình Thăng	Con
1285	Phạm Thị Vát	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	26400	500.000		Phạm Nghin	Cháu
1286	Phạm Thị Nét	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	6799	500.000		Phạm Văn Nhúch	Con
1287	Phạm Thị Lầy	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21259	500.000		Phạm Văn Trắng	Con
1288	Phạm Văn Thốc	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12351	500.000		Phạm Văn Mát	Cháu
1289	Phạm Văn Minh	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12377	500.000		Phạm Văn Muôn	Em
1290	Phạm Thị Lùi	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22269	500.000		Đình Văn Bênh	Con
1291	Phạm Thị Nhoa	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22371	500.000		Đình Văn Ngõ	Em
1292	Phạm Thị Đá	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12354	500.000		Phạm Văn Nhớ	Con
1293	Phạm Thị Dế	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22390	500.000		Đình U	Cháu
1294	Phạm Văn Thìn	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21294	500.000		Phạm Văn Mã	Con
1295	Phạm Thị Sách	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22254	500.000		Đình Văn Xέα	Chị
1296	Phạm Thị Hét	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22308	500.000		Đình Văn Khô	Cháu
1297	Phạm Văn Âm	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22393	500.000		Đình Văn Máy	cháu
1298	Phạm Văn Ớm (Ớn)	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12349	500.000		Phạm Văn Húi	em
1299	Phạm Văn Đui	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21222	500.000		Phạm Văn Hạp	Cháu
1300	Phạm Văn Ớp	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12361	500.000		Phạm Văn Năm	Em

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1301	Phạm Văn Lía	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	4148	500.000		Phạm Văn Tang	Cháu
1302	Phạm Văn In	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21257	500.000		Phạm Văn Dú	Con
1303	Phạm Văn Lôi	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	4154	500.000		Phạm Văn Nhé	Con
1304	Phạm Thị Hiệp	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	6798	500.000		Phạm Văn Rủi	con
1305	Phạm Văn Quế	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12360	500.000		Phạm Văn Hin	Em
1306	Phạm Văn Lợi	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	4141	500.000		Đình Vôn	Cháu
1307	Phạm Thị Rĩa	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	4142	500.000		Đình Văn Nhoa	Cháu
1308	Phạm Thị Xê	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	47221	500.000		Phạm Văn Ri	Con
1309	Phạm Thị Ích	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12359	500.000		Phạm Văn Hanh	Cháu
1310	Phạm Thị Oang	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22313	500.000		Đình Văn Nhí	Em
1311	Phạm Văn Khuya	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	5716	500.000		Phạm Thị Gur	Con
1312	Phạm Thị Chép	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	5212	500.000		Phạm Văn Ta Nghiêm	Cháu
1313	Phạm Thị Lác	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21256	500.000		Phạm Văn Tú	Con
1314	Phạm Thị Đức	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21291	500.000		Phạm Văn Điết	cháu
1315	Phạm Văn Nghi	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12356	500.000		Phạm Văn Hồ	Con
1316	Phạm Thành Mong	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22286	500.000		Đình Văn Đua	Em
1317	Phạm Văn Hoi	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22392	500.000		Đình Văn Tranh	cháu
1318	Phạm Văn Lèo	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22307	500.000		Đình Văn Ghêu	anh

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1319	Phạm Thị Ưa	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	18921	500.000		Phạm Thị Réo	Cháu
1320	Phạm Văn Đồi (Đôi)	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21299	500.000		Phạm Văn Chiến	Con
1321	Phạm Thị Bặc	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22368	500.000		Phạm Văn Triên	Em
1322	Phạm Văn Che	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12339	500.000		Phạm Văn Bốp	Cháu
1323	Phạm Thị Rễ	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22384	500.000		Đình Văn Nha	Cháu
1324	Phạm Văn Đơ	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	18770	500.000		Phạm Văn Sét	Cháu
1325	Phạm Thị Mời	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	6541	500.000		Phạm Thị Mĩa	Chị
1326	Phạm Văn Õa	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12353	500.000		Phạm Văn Bôn	Chị
1327	Phạm Văn Ngúp	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22369	500.000		Đình Văn Thanh	Cháu
1328	Phạm Thị Đông	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21292	500.000		Phạm Văn Nhâm	Con
1329	Phạm Văn Dinh	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21283	500.000		Phạm Văn Minh	Cháu
1330	Phạm Thị Kít	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22394	500.000		Đình Văn Xanh	Cháu
1331	Phạm Thị Thêu	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22370	500.000		Đình Văn Thôn	Cháu
1332	Phạm Thị Dúc	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12346	500.000		Phạm Văn Thi	Cháu
1333	Phạm Thị Diu	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22293	500.000		Đình Văn Mô	Cháu
1334	Phạm Thị Éc	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	51634	500.000		Phạm Văn Nhúc	Cháu
1335	Phạm Thị Dui	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21223	500.000		Phạm Văn Hối	Con
1336	Phạm Thị Hâm	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21258	500.000		Phạm Văn Lệ	Chị

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1337	Phạm Văn Tách	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	47213	500.000		Phạm Văn Xu	Cháu
1338	Phạm Thị Ghiép	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	4152	500.000		Đình Văn Phua	Cháu
1339	Phạm Thị Ui	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22309	500.000		Đình Văn Nhèa	Em
1340	Phạm Văn Miên	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21261	500.000		Phạm Văn Hòn	Cháu
1341	Phạm Thị Má	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12357	500.000		Phạm Văn Ho	Con
1342	Phạm Văn Yêu	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	51632	500.000		Phạm Văn Lâu	Con
1343	Phạm Thị Oách	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21225	500.000		Phạm Văn Hao	Con
1344	Phạm Thị Đi	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22311	500.000		Đình Thị Rá	Chị
1345	Phạm Văn Tý	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	4153	500.000		Phạm Thị Diếc	Cháu
1346	Phạm Thị Thay	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22395	500.000		Đình Xó	Cháu dâu
1347	Phạm Văn Ua	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	35389	500.000		Phạm Văn Hích	Cháu
1348	Phạm Văn Ốp	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12362	500.000		Phạm Văn Dương	Con
1349	Phạm Thị Huông	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	18869	500.000		Phạm Văn Xiếp	Cháu
1350	Phạm Thị Hi	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	5211	500.000		Phạm Văn KBêu	Cháu
1351	Phạm Thị Xía	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	12367	500.000		Phạm Văn Xấp	Cháu
1352	Phạm Thị Trơ	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	4151	500.000		Phạm Văn Phang	Cháu ruột
1353	Phạm Văn Díp	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22383	500.000		Đình Văn Vã	Cháu ruột
1354	Phạm Thị Ý	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	4150	500.000		Phạm Văn Ngút	Con ruột

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1355	Phạm Văn Ba	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	24482	500.000		Phạm Văn Máy	Cháu ruột
1356	Đinh Thị Máy	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	21266	500.000		Phạm Văn Ép	Vợ
1357	Đinh Thị Máy	Ba Tô	Thờ cúng liệt sĩ	22273	500.000		Đinh Văn Nát	Mẹ
1358	Phạm Thị Chử	Ba Thành	TB 25%	143448	500.000			
1359	Phạm Thị Đú	Ba Thành	TB 21%	140899	500.000			
1360	Phạm Văn Chuối	Ba Thành	TB 21%	140903	500.000			
1361	Phạm Văn Ly	Ba Thành	TB 32%	141044	500.000			
1362	Phạm Văn Thung	Ba Thành	TB 24%	140898	500.000			
1363	Phạm Thị Y	Ba Thành	TB 21%	140898	500.000			
1364	Phạm Văn Hói	Ba Thành	TB 24%	139983	500.000			
1365	Phạm Thị Ghệ	Ba Thành	TB 21%	135700	500.000			
1366	Phạm Văn Báy	Ba Thành	TB 21%	135680	500.000			
1367	Phạm Thị Phe	Ba Thành	TB 21%	135697	500.000			
1368	Phạm Thị Đu	Ba Thành	TB 24%	132121	500.000			
1369	Phạm Thị Lãng	Ba Thành	TB 24%	132122	500.000			
1370	Phạm Thị Lan	Ba Thành	TB 31%	124727	500.000			
1371	Phạm Thị Thao	Ba Thành	TB 21%	120386	500.000			
1372	Phạm Thị Gin	Ba Thành	TB 43%	118322	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1373	Phạm Thị Huy	Ba Thành	TB 21%	118324	500.000			
1374	Phạm Thị Điền	Ba Thành	TB 21%	118226	500.000			
1375	Phạm Thị Soi	Ba Thành	TB 21%	117635	500.000			
1376	Phạm Văn Trang	Ba Thành	TB 21%	79400	500.000			
1377	Phạm Văn Ne	Ba Thành	TB 21%	52971	500.000			
1378	Phạm Văn Hó	Ba Thành	TB 41%	105314	500.000			
1379	Phạm Thị Thiều	Ba Thành	TB 21%	67342	500.000			
1380	Phạm Văn Teo	Ba Thành	BB 45%	929	500.000			
1381	Phạm Văn Tong	Ba Thành	BB 50%	923	500.000			
1382	Phạm Thị Đi	Ba Thành	BB 50%	861	500.000			
1383	Đinh Văn Đo	Ba Thành	BB 50%	696	500.000			
1384	Phạm Văn Tỷ	Ba Thành	BB 50%	802	500.000			
1385	Phạm Thị Hích	Ba Thành	BB 45%	801	500.000			
1386	Phạm Văn Lộ	Ba Thành	BB 45%	800	500.000			
1387	Phạm Văn Tơ	Ba Thành	BB 45%	799	500.000			
1388	Phạm Thị Rễ	Ba Thành	BB 45%	797	500.000			
1389	Phạm Văn Nhọc	Ba Thành	BB 50%	256	500.000			
1390	Phạm Văn Mi	Ba Thành	BB 50%	127	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1391	Phạm Văn Tam	Ba Thành	BB 45%	126	500.000			
1392	Phạm Văn Xuân	Ba Thành	BB 50%	125	500.000			
1393	Phạm Thị Thành	Ba Thành	BB 50%	104	500.000			
1394	Phạm Văn Hành	Ba Thành	BB 55%	67	500.000			
1395	Phạm Thị Bảy	Ba Thành	BB 55%	860	500.000			
1396	Phạm Văn Âu	Ba Thành	BB 62%	70456	500.000			
1397	Phạm Thị Vân	Ba Thành	BB 62%	70442	500.000			
1398	Phạm Văn Rời	Ba Thành	BB 61%	70448	500.000			
1399	Phạm Văn Gôn	Ba Thành	BB 62%	70459	500.000			
1400	Phạm Văn Linh	Ba Thành	BB 61%	67958	500.000			
1401	Phạm Văn Lệ	Ba Thành	BB 61%	66586	500.000			
1402	Phạm Thị Quyền	Ba Thành	BB 61%	1350	500.000			
1403	Phạm Văn Ghế	Ba Thành	BB 61%	1349	500.000			
1404	Phạm Văn Tèo	Ba Thành	BB 61%	1351	500.000			
1405	Phạm Văn Xiếc	Ba Thành	BB 61%	629	500.000			
1406	Phạm Văn Gồ	Ba Thành	BB 61%	564	500.000			
1407	Phạm Văn Dể	Ba Thành	BB 61%	43	500.000			
1408	Phạm Thị Ý	Ba Thành	CCCM	5652	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1409	Phạm Thị Thom	Ba Thành	CCCM	6187	500.000			
1410	Phạm Thị Nữ	Ba Thành	CCCM	11075	500.000			
1411	Phạm Thị Du	Ba Thành	CĐHH TT	521	500.000			
1412	Phạm Thị Ghen	Ba Thành	CĐHH TT	20	500.000			
1413	Phạm Văn Ghi	Ba Thành	CĐHH TT	18	500.000			
1414	Phạm Thị Hiêu	Ba Thành	Tù đày	78036	500.000			
1415	Phạm Thị Nú	Ba Thành	Tuất liệt sĩ ĐXND	47233	500.000			
1416	Phạm Văn Bích	Ba Thành	Tuất liệt sĩ	3871	500.000		chồng	Phạm Thị Lan (Lang)
1417	Phạm Thị Guộc	Ba Thành	Tuất liệt sĩ	3859	500.000		vợ	Phạm Văn Oí
1418	Phạm Thị Dur	Ba Thành	Tuất liệt sĩ	41554	500.000		vợ	Phạm Văn Tiếng
1419	Phạm Thị Chây	Ba Thành	Tuất liệt sĩ	26385	500.000		vợ	Phạm Hoa(Ngoạt)
1420	Phạm Thị Nhía	Ba Thành	Tuất liệt sĩ	1264	500.000		vợ	Phạm Văn Huân
1421	Phạm Thị Thao	Ba Thành	Tuất liệt sĩ	41559	500.000		vợ	Phạm Văn Chín
1422	Phạm Văn Thung	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	953	500.000		con	Đinh Chiêu
1423	Phạm Văn Hín	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	955	500.000		con	Đinh PRóc
1424	Phạm Văn Thung	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6554	500.000		con	Đinh Thị Thân
1425	Nguyễn Trí Thúc	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6021	500.000		em rể	Đinh Văn Được
1426	Đinh Xuân Mạnh	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6111	500.000		con	Đinh Văn Ếch

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1427	Phạm Thị Thắm	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26444	500.000		em	Phạm Lăng
1428	Phạm Văn Lộ	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26447	500.000		anh	Phạm Lấp
1429	Phạm Thị Biêu	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	5093	500.000		con	Phạm Thị Bea
1430	Phạm Thị Niêu	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	2189	500.000		con	Phạm Thị Bên
1431	Phạm Văn Đe	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	2188	500.000		em	Phạm Thị Đó(Bó)
1432	Nguyễn Trí Thức	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	5210	500.000		con rể	Phạm Thị Bốn
1433	Phạm Văn Tuấn	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6774	500.000		cháu	Phạm Thị Đâm
1434	Phạm Thị Dáy	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3313	500.000		chị	Phạm Thị Dộc
1435	Đình Hùng Cường	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6043	500.000		con	Phạm Thị Đọi
1436	Phạm Văn Lục	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4146	500.000		con	Phạm Thị Đọi
1437	Phạm Thị Thương	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	2649	500.000		con	Phạm Thị Ích
1438	Phạm Văn Bin	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3317	500.000		con	Phạm Thị Ích
1439	Phạm Thị Sen	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6934	500.000		con	Phạm Thị Lan
1440	Phạm Thị Lịch	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6778	500.000		cháu	Phạm Thị Lập
1441	Phạm Thị Tiểu	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4761	500.000		con	Phạm Thị Nheo
1442	Phạm Văn Ten	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3858	500.000		cháu	Phạm Thị Re
1443	Phạm Thị Ánh Hòa	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4764	500.000		cháu	Phạm Thị Sáu
1444	Phạm Văn Khánh	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4762	500.000		cháu	Phạm Thị Sơn

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1445	Phạm Thị Sương	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26412	500.000		cháu	Phạm Tùng
1446	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	579	500.000		cháu	Phạm Văn A (Rập)
1447	Phạm Văn Độc	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	47235	500.000		em	Phạm Văn Bều
1448	Phạm Thị Sang	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4766	500.000		con	Phạm Văn Bô
1449	Phạm Văn Trưa	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26378	500.000		cháu	Phạm Văn Bời
1450	Phạm Thị Sinh	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	47441	500.000		cháu	Phạm Văn Bon
1451	Phạm Thị Huy	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	131	500.000		em	Phạm Văn Bút
1452	Phạm Thị Lát	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3315	500.000		con	Phạm Văn Cò
1453	Phạm Thị Bêm	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	47229	500.000		cháu	Phạm Văn De
1454	Phạm Thị Ương	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1267	500.000		cháu	Phạm Văn Đé
1455	Phạm Văn Điền	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6575	500.000		cháu	Phạm Văn Deo
1456	Phạm Văn Tông	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4144	500.000		cháu	Phạm Văn Đi
1457	Phạm Thị Thiều	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26379	500.000		em	Phạm Văn Điền
1458	Phạm Văn Hầm	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1377	500.000		con	Phạm Văn Đổ
1459	Phạm Văn Ụa	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6024	500.000		con	Phạm Văn Duân
1460	Phạm Thị Thiều	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	12364	500.000		chị	Phạm Văn Đường
1461	Phạm Thị Ny	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4768	500.000		cháu	Phạm Văn Dút
1462	Phạm Thị Nga	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26448	500.000		cháu	Phạm Văn Ghí

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1463	Phạm Thị Tý	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6976	500.000		con	Phạm Văn Gốt
1464	Phạm Thị Dư	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26431	500.000		cháu	Phạm Văn Hai
1465	Phạm Thị Cháy	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1710	500.000		con	Phạm Văn Hanh
1466	Trần Thị Kim Hoa	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4757	500.000		chị dâu	Phạm Văn Hiệu
1467	Phạm Văn Dấu	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	41562	500.000		con	Phạm Văn Hội
1468	Phạm Thị Bân	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6776	500.000		con	Phạm Văn Hợi
1469	Phạm Thị Hồng	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4763	500.000		cháu	Phạm Văn Hon
1470	Phạm Văn Thanh	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4756	500.000		cháu	Phạm Văn Hựa
1471	Phạm Thị Nga	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4767	500.000		con	Phạm Văn Ka
1472	Phạm Thị Thắm	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3865	500.000		con	Phạm Văn Kia
1473	Phạm Thị Lan	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26388	500.000		chị	Phạm Văn Là
1474	Phạm Thị Thơm	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	18898	500.000		con	Phạm Văn Lăm
1475	Phạm Văn Vênh	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3311	500.000		con	Phạm Văn Láo
1476	Phạm Văn Minh	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6023	500.000		cháu	Phạm Văn Lắt
1477	Phạm Thị Hoang	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26389	500.000		cháu	Phạm Văn Le
1478	Phạm Thị Hà	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	957	500.000		cháu	Phạm Văn Lệ
1479	Phạm Văn Đưa	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6775	500.000		con	Phạm Văn Lịch
1480	Phạm Thị Thiều	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	12365	500.000		chị	Phạm Văn Loa (Bênh)

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1481	Phạm Văn Bền	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	18877	500.000		con	Phạm Văn Mĩ
1482	Phạm Thị Tích	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	55946	500.000		em	Phạm Văn Miên
1483	Phạm Thị A	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	2333	500.000		cô	Phạm Văn Miếu
1484	Phạm Văn Néo	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	2331	500.000		con	Phạm Văn Mít
1485	Phạm Văn Lợi	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1260	500.000		con	Phạm Văn Mua
1486	Phạm Văn Tông	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4145	500.000		con	Phạm Văn Năm
1487	Phạm Văn Tuấn	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	57985	500.000		cháu	Phạm Văn Năng
1488	Phạm Thị Vành	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	958	500.000		con	Phạm Văn Nặng
1489	Phạm Văn Đơn	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26419	500.000		cháu	Phạm Văn Nghèo
1490	Phạm Thị Cờ	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26401	500.000		cháu	Phạm Văn Nghiệp
1491	Phạm Thị U	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1261	500.000		con	Phạm Văn Nghiệt
1492	Phạm Văn Len	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1715	500.000		con	Phạm Văn Người
1493	Phạm Văn Tuấn	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6770	500.000		cháu	Phạm Văn Nhanh
1494	Phạm Văn Nhóc	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	956	500.000		con	Phạm Văn Nhiên
1495	Phạm Thị Thường	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26422	500.000		cháu	Phạm Văn Nhiệt (Tri)
1496	Phạm Văn Tom	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	2247	500.000		con	Phạm Văn Nhiều
1497	Phạm Văn Mùm	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26409	500.000		cháu	Phạm Văn Nhìn
1498	Phạm Thị KRơ	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3875	500.000		cháu	Phạm Văn Nhựa

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1499	Phạm Thị Bên	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6935	500.000		con	Phạm Văn Nhuận
1500	Phạm Thị Thường	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	18791	500.000		em	Phạm Văn Nhường
1501	Phạm Văn Xuân	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1259	500.000		con	Phạm Văn Nhút
1502	Phạm Văn Me	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1270	500.000		con	Phạm Văn Pa Lơi
1503	Phạm Văn Tuấn	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	18896	500.000		cháu	Phạm Văn Phem
1504	Phạm Văn Rét	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	959	500.000		cháu	Phạm Văn Phen
1505	Phạm Thị Dây	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3318	500.000		con	Phạm Văn Préo
1506	Phạm Văn Choi	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4765	500.000		cháu	Phạm Văn Quân
1507	Phạm Văn Mừng	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	2782	500.000		cháu	Phạm Văn Ra
1508	Phạm Văn Trung	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3319	500.000		con	Phạm Văn Rìa
1509	Phạm Văn Khót	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4770	500.000		con	Phạm Văn Rịa
1510	Phạm Thị Bông	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3312	500.000		cháu	Phạm Văn Riều
1511	Phạm Văn Công	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	18891	500.000		cháu	Phạm Văn Ruông
1512	Phạm Thị Í	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26418	500.000		con	Phạm Văn Sang
1513	Phạm Thị Tiên	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4166	500.000		con	Phạm Văn Sao
1514	Phạm Thị KLêu	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	55949	500.000		chị	Phạm Văn Xông
1515	Phạm Thị Đế	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6019	500.000		con	Phạm Văn Tang
1516	Phạm Thị Ếch	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	12344	500.000		cháu	Phạm Văn Tanh

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1517	Phạm Thị Trước	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	2289	500.000		con	Phạm Văn Thanh
1518	Phạm Văn Trung	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	954	500.000		cháu	Phạm Văn Thơ
1519	Phạm Thị Lòi	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4769	500.000		con	Phạm Văn Thốt
1520	Phạm Thị Bảy	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6811	500.000		em	Phạm Văn Tiêu
1521	Phạm Văn Lộ	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4755	500.000		bác	Phạm Văn Tin
1522	Phạm Văn Găm	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	18792	500.000		cháu	Phạm Văn Tôn
1523	Phạm Văn Choi	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1101	500.000		cháu	Phạm Văn Troang
1524	Phạm Thị Y	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26402	500.000		em dâu	Phạm Văn Trúc
1525	Phạm Văn Tuân	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6773	500.000		cháu	Phạm Văn Tử
1526	Phạm Thị Đen	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3314	500.000		em	Phạm Văn Ủa
1527	Phạm Thị Tểu	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6777	500.000		con	Phạm Văn Un
1528	Phạm Thị Biêu	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	961	500.000		con	Phạm Văn Việt
1529	Phạm Thị Tỏi	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26416	500.000		cháu	Phạm Văn Xang
1530	Phạm Thị Nụ	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	4732	500.000		con	Phạm Văn Xoang
1531	Phạm Văn Xiếc	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6017	500.000		cháu	Phạm Văn Xui
1532	Phạm Văn Hay	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1712	500.000		cháu	Phạm Văn Ý
1533	Phạm Văn Rũa	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	18897	500.000		cháu	Phạm Văn Ua
1534	Phạm Thị Nú	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	47231	500.000		chị	Phạm Văn Đắc

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1535	Nguyễn Đức Mỹ	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26399	500.000		cháu	Nguyễn Văn Khánh
1536	Phạm Văn Vong	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	22340	500.000		cháu	Phạm Văn Sắt(Đá)
1537	Võ Hùng Vương	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3105	500.000		cháu	VõThị Thụy
1538	Ngô Văn Hùng	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	24458	500.000		em	Ngô Văn Thái
1539	Phạm Thị Hương	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6779	500.000		cháu	Phạm Văn Èa
1540	Phạm Văn Đam	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	824	500.000		cháu	Phạm Văn Nhôm
1541	Phạm Văn Hin	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	5904	500.000		cháu	Đinh Văn Bờ
1542	Phạm Thị Chiêm	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1432	500.000		em	Phạm Văn Chộc
1543	Phạm Thị Ếch	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1263	500.000		con	Phạm Văn Ngheo
1544	Phạm Văn Minh	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	26429	500.000		cháu	Phạm Văn Tôn
1545	Phạm Văn Minh	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	18818	500.000		cháu	Phạm Văn Tiêu
1546	Phạm Thị Sang	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	41538	500.000		cháu	Phạm Văn Dừng
1547	Phạm Thị Đin	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	951	500.000		con	Phạm Văn Mươn
1548	Phạm Văn Đằm	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	19354	500.000		em	Phạm Văn Bay
1549	Phạm Văn Non	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1262	500.000		con	Phạm Văn Heo
1550	Phạm Thị Đoàn	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6025	500.000		con	Phạm Văn Vớt
1551	Phạm Văn Nác	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	976	500.000		cháu	Phạm Văn Xơ
1552	Phạm Thị Duyên	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	6771	500.000		cháu	Phạm Văn Lũ

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1553	Phạm Thị Sơn	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	2190	500.000		cháu	Phạm Văn Dân
1554	Phạm Thị Mấy	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3310	500.000		cháu	Phạm Văn Phần
1555	Phạm Thị Thoa	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	3862	500.000		cháu	Phạm Văn Ngai
1556	Phạm Thị Cúc	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	1266	500.000		con	Phạm Văn Năm
1557	Phạm Thị Bông	Ba Thành	thờ cúng Liệt sĩ	18900	500.000		cháu	Phạm Văn Đa
1558	Đinh Thị Trung	Ba Trang	TB (21%)	141593	500.000			
1559	Phạm Văn Xế	Ba Trang	TB (41%)	5862	500.000			
1560	Phạm Văn Tân	Ba Trang	TB (31%)	30680	500.000			
1561	Phạm Văn Bắp	Ba Trang	TB (21%)	85773	500.000			
1562	Phạm Văn Trước	Ba Trang	TB (21%)	117633	500.000			
1563	Phạm Thị Riều	Ba Trang	TB (21%)	118992	500.000			
1564	Phạm Văn Thân	Ba Trang	TB (21%)	138987	500.000			
1565	Phạm Thị Thật	Ba Trang	TB (21%)	140901	500.000			
1566	Phạm Thị Ba	Ba Trang	TB (21%)	143447	500.000			
1567	Đinh Văn Hùng	Ba Trang	TB (25%)	133138	500.000			
1568	Đinh Văn Kinh	Ba Trang	TB (21%)	130641	500.000			
1569	Phạm Văn Nĩa	Ba Trang	BB (50%)	178	500.000			
1570	Phạm Văn Núi	Ba Trang	BB (50%)	203	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1571	Phạm Văn Ghe	Ba Trang	BB (50%)	216	500.000			
1572	Phạm Văn Gùr	Ba Trang	BB (50%)	217	500.000			
1573	Phạm Thị Tái	Ba Trang	BB (50%)	352	500.000			
1574	Phạm Văn Ăng (Ăn)	Ba Trang	BB (50%)	1364	500.000			
1575	Phạm Văn Gun	Ba Trang	BB (50%)	748	500.000			
1576	Phạm Văn Gút	Ba Trang	BB (50%)	839	500.000			
1577	Phạm Văn Chia (Thu)	Ba Trang	BB (50%)	1314	500.000			
1578	Phạm Văn Vo	Ba Trang	BB (50%)	1173	500.000			
1579	Phạm Văn Qua (Quà)	Ba Trang	BB (55%)	1204	500.000			
1580	Phạm Văn Tiễn	Ba Trang	BB (61%)	1270	500.000			
1581	Phạm văn Tích	Ba Trang	BB (61%)	67429	500.000			
1582	Phạm văn Tiệp	Ba Trang	BB (63%)	67432	500.000			
1583	Phạm Văn Hanh	Ba Trang	BB (62%)	70465	500.000			
1584	Phạm Văn Riết	Ba Trang	BB (62%)	70467	500.000			
1585	Phạm văn Rứa	Ba Trang	BB (61%)	70466	500.000			
1586	Phạm Văn Rum	Ba Trang	BB (62%)	70463	500.000			
1587	Phạm Văn Rúi	Ba Trang	BB (62%)	70462	500.000			
1588	Phạm Văn Nói	Ba Trang	BB (61%)	70464	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1589	Phạm Thị Diệc (Diết)	Ba Trang	CCGĐCMCB	5635	500.000			
1590	Phạm Thị Rết	Ba Trang	CCGĐCMCB	6121	500.000			
1591	Phạm Thị Veo	Ba Trang	CCGĐCMCB	6242	500.000			
1592	Phạm Thị Sin (Xinh)	Ba Trang	CCGĐCMCB	6277	500.000			
1593	Phạm Thị Kiên	Ba Trang	CCGĐCMCB	6321	500.000			
1594	Phạm Thị Tiểu	Ba Trang	CCGĐCMCB	11374	500.000			
1595	Phạm Thị Rura (Rùr)	Ba Trang	CCGĐCMCB	11376	500.000			
1596	Phạm Thị Thiên	Ba Trang	CCGĐCMCB	11707	500.000			
1597	Phạm Văn Đót	Ba Trang	CĐHHTT (trực tiếp)	538	500.000			
1598	Phạm Thị Út	Ba Trang	Tuất liệt sĩ	3874	500.000		Vợ	Phạm Văn Hắc
1599	Phạm Văn Vai	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	1773	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Thanh
1600	Phạm Văn Sâm	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18817	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Mù
1601	Phạm Thị Nhị	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	4577	500.000		Em dâu	Phạm Văn Thê
1602	Phạm Văn Ía	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	41543	500.000		Con rể	Phạm Văn Dáo
1603	Phạm Văn Xoan	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	41524	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Đếp
1604	Phạm Văn Chín	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	41525	500.000		Em ruột	Phạm Văn Nhá
1605	Phạm Văn Canh	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	57654	500.000		Cháu ruột	Đình Văn Giáo
1606	Phạm Thị Nhát	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	47482	500.000		Con ruột	Phạm Văn Danh

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1607	Phạm Thị Chu	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	24518	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Gù
1608	Đình Văn Gỏi	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	2645	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Tốt
1609	Phạm Thị Nép	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18761	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Hành
1610	Phạm Văn De	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18878	500.000		Con ruột	Phạm Văn Nhay
1611	Phạm Văn Qua	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18950	500.000		Em ruột	Phạm Văn Nghĩa
1612	Phạm Thị Gon	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	2641	500.000		Con ruột	Phạm Văn Va Rur
1613	Phạm Văn Cừ	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	2642	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Bui
1614	Phạm Thị Máu	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	2643	500.000		Con ruột	Phạm Văn Tý
1615	Phạm Thị Gon	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	2644	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Sỏi
1616	Phạm Văn Tiêu	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	2646	500.000		Em ruột	Phạm Thị Thiết
1617	Phạm Văn Mía	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	2647	500.000		Con ruột	Phạm Văn Ba
1618	Phạm Thị Răn (nhây)	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	2781	500.000		Con ruột	Phạm Văn Tri
1619	Phạm Thị Veo	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3769	500.000		Con ruột	Phạm Văn Nhung
1620	Phạm Văn Vo	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3770	500.000		Em ruột	Phạm Văn Riều
1621	Phạm Thị Với	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3774	500.000		Em ruột	Phạm Văn Đem
1622	Phạm Văn Móc	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3775	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Éa
1623	Phạm Thị Riều	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3776	500.000		Em ruột	Phạm Văn Rum
1624	Phạm Thị Còi	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3857	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Từa

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1625	Phạm Thị Lái	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3867	500.000		Chị ruột	Phạm Văn Tân
1626	Phạm Thị Nép	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3869	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Roi
1627	Phạm Văn Chờ	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3872	500.000		Em ruột	Phạm Văn Chiêu
1628	Phạm Văn Hùng	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3873	500.000		Anh ruột	Phạm Văn Tiến
1629	Phạm Thị Goi	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	4582	500.000		Em ruột	Phạm Văn Tết
1630	Phạm Thị Mía	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	6018	500.000		Em ruột	Phạm Văn Tổ
1631	Phạm Văn Thanh	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	6022	500.000		Em ruột	Phạm Văn Thon
1632	Phạm Thị Tái	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	6786	500.000		Em ruột	Phạm Văn Siêng
1633	Phạm Văn Đát	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	6933	500.000		Em ruột	Phạm Văn Sự
1634	Phạm Thị Ghía	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18825	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Biên
1635	Phạm Thị Nhui	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18836	500.000		Con ruột	Phạm Văn Khang
1636	Phạm Thị Vác	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18852	500.000		Con dâu	Phạm Văn Ngúi
1637	Phạm Văn Dung	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18857	500.000		Con ruột	Phạm Văn Vành
1638	Phạm Thị Thao (hiều)	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18864	500.000		Em ruột	Phạm Văn Ngủ
1639	Phạm Thị Rết	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18873	500.000		Em ruột	Phạm Văn Ngô
1640	Phạm Thị Tía	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18881	500.000		Con ruột	Phạm Văn Lấy
1641	Phạm Văn Rế	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18908	500.000		Con ruột	Phạm Văn Lướt
1642	Phạm Văn Mía	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18909	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Bốn

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1643	Phạm Thị Nhiên	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18946	500.000		Chị ruột	Phạm Văn Nha (nhu)
1644	Phạm Văn Tích	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	24432	500.000		Con ruột	Phạm Hồng
1645	Phạm Văn Bắc	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	24443	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Núi
1646	Phạm Thị Điếc	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	24521	500.000		Chị ruột	Phạm Văn Bàn
1647	Phạm Văn Nin	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	35452	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Thành
1648	Phạm Văn Coi	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18874	500.000		Con ruột	Phạm Văn Thùng
1649	Phạm Văn Ri	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3771	500.000		Con ruột	Phạm Văn Hết,
1650	Phạm Văn Mon	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	24476	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Nhớ
1651	Phạm Văn Mon	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	1772	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Vừa
1652	Phạm Thị Xá	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3445	500.000		Cháu ruột	Phan Đình Xuôi
1653	Phạm Thị O	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	18853	500.000		Em ruột	Phạm Văn Đũa
1654	Phạm Văn Ứ	Ba Trang	Thờ cúng liệt sĩ	3868	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Xanh
1655	Trần Văn Trung	Xã Ba Vì	TB 81%	27955	500.000			
1656	Phạm Văn Téo	Xã Ba Vì	TB 47%	5226	500.000			
1657	Phạm Văn Nồng	Xã Ba Vì	TB 21%	17214	500.000			
1658	Trần Luận	Xã Ba Vì	TB 41%	1345	500.000			
1659	Trần Xuân Mộc	Xã Ba Vì	TB 43%	64229	500.000			
1660	Bui Duy Khang	Xã Ba Vì	TB 35%	65021	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1661	Phạm Văn Găm	Xã Ba Vì	TB 54%	66113	500.000			
1662	Nguyễn Đăng	Xã Ba Vì	TB 41%	127172	500.000			
1663	Nguyễn Thị Hạnh	Xã Ba Vì	TB 31%	47651	500.000			
1664	Phạm Văn Lạ	Xã Ba Vì	TB 21%	135690	500.000			
1665	Phạm Văn Ngựa	Xã Ba Vì	TB 21%	137286	500.000			
1666	Nguyễn Sanh	Xã Ba Vì	TB 61%	13121	500.000			
1667	Phạm Thị Sen	Xã Ba Vì	BB 45%	165	500.000			
1668	Phạm Văn Miên	Xã Ba Vì	BB 45%	167	500.000			
1669	Phạm Văn Anh	Xã Ba Vì	BB 45%	226	500.000			
1670	Phạm Văn Nhìn	Xã Ba Vì	BB 50%	1177	500.000			
1671	Phạm Thị Cậy	Xã Ba Vì	BB 50%	1196	500.000			
1672	Phạm Văn Hang	Xã Ba Vì	BB 50%	1135	500.000			
1673	Phạm Thị Nảy	Xã Ba Vì	BB 50%	1284	500.000			
1674	Phạm Văn Lã	Xã Ba Vì	BB 45%	1246	500.000			
1675	Phạm Văn Tân	Xã Ba Vì	BB 55%	168	500.000			
1676	Phạm Văn Hót	Xã Ba Vì	BB 55%	174	500.000			
1677	Phạm Thị Lum	Xã Ba Vì	BB 55%	1249	500.000			
1678	Phạm Thị Đĩa	Xã Ba Vì	BB 55%	1133	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1679	Phạm Thị Xí	Xã Ba Vì	BB 61%	1384	500.000			
1680	Phạm Văn Trung	Xã Ba Vì	BB 61%	66573	500.000			
1681	Phạm Thị Huê	Xã Ba Vì	BB 61%	66565	500.000			
1682	Phạm Văn Khen	Xã Ba Vì	BB 61%	66545	500.000			
1683	Phạm Văn Ấng	Xã Ba Vì	BB 61%	66585	500.000			
1684	Phạm Văn Hoài	Xã Ba Vì	BB 61%	66538	500.000			
1685	Phạm Văn Hỏ	Xã Ba Vì	BB 61%	66556	500.000			
1686	Phạm Thị Yêu	Xã Ba Vì	BB 61%	66557	500.000			
1687	Phạm Thị Véo	Xã Ba Vì	BB 61%	66549	500.000			
1688	Phạm Thị Ót	Xã Ba Vì	BB 61%	66550	500.000			
1689	Phạm Thị Ba	Xã Ba Vì	BB 61%	66541	500.000			
1690	Phạm Văn Thắm	Xã Ba Vì	BB 61%	66547	500.000			
1691	Phạm Thị Leng	Xã Ba Vì	BB 64%	67460	500.000			
1692	Phạm Thị Lép	Xã Ba Vì	BB 62%	67551	500.000			
1693	Phạm Thị Hoá	Xã Ba Vì	BB 62%	67959	500.000			
1694	Phạm Thị Hải	Xã Ba Vì	BB 61%	67960	500.000			
1695	Phạm Văm Âm	Xã Ba Vì	BB 63%	67459	500.000			
1696	Phạm Văn Dách	Xã Ba Vì	BB 61%	67457	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1697	Phạm Văn Phúc	Xã Ba Vì	BB 61%	67456	500.000			
1698	Phạm Thị Mãi	Xã Ba Vì	BB 61%	67453	500.000			
1699	Phạm Văn Tích	Xã Ba Vì	BB 61%	67961	500.000			
1700	Phạm Văn Xùa	Xã Ba Vì	BB 62%	70439	500.000			
1701	Phạm Văn Dèo	Xã Ba Vì	BB 61%	70438	500.000			
1702	Phạm Văn Hên	Xã Ba Vì	BB 62%	70436	500.000			
1703	Phạm Thị Sáu	Xã Ba Vì	BB 61%	70435	500.000			
1704	Phạm Văm Chè	Xã Ba Vì	BB 61%	70434	500.000			
1705	Phạm Van Thân	Xã Ba Vì	BB 62%	70433	500.000			
1706	Phạm Văn Tức	Xã Ba Vì	BB 61%	7	500.000			
1707	Đinh Văn Hành	Xã Ba Vì	BB 61%	33	500.000			
1708	Đinh Văn Cần	Xã Ba Vì	BB 61%	40	500.000			
1709	Phạm Văn Êch	Xã Ba Vì	BB 61%	39	500.000			
1710	Phạm Văn Nghít	Xã Ba Vì	BB 61%	663	500.000			
1711	Phạm Văn Nhi	Xã Ba Vì	BB 61%	749	500.000			
1712	Phạm Văn Nét	Xã Ba Vì	BB 61%	1152	500.000			
1713	Đinh Thị Loan	Xã Ba Vì	BB 61%	1186	500.000			
1714	Phạm Thị Ní	Xã Ba Vì	BB 61%	1177	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1715	Phạm Thị Hĩa	Xã Ba Vì	CCGĐCMCB	5994	500.000			
1716	Phạm Thị Ry	Xã Ba Vì	CCGĐCMCB	5237	500.000			
1717	Đỗ Thị Thanh Nga	Xã Ba Vì	tù, đầy	704	500.000			
1718	Phạm Thị Mễa	Xã Ba Vì	Đại diện TNLS	47217	500.000		Vợ	Phạm Văn Ven
1719	Phạm Thị Yêu	Xã Ba Vì	Đại diện TNLS	4749	500.000		Vợ	Phạm Văn Nhũ
1720	Lê Tấn Đưọc	Xã Ba Vì	Đại diện TNLS	5713	500.000		Con	Lê Thị Mậu
1721	Phạm Văn Ý	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18812	500.000		Cháu	Phạm Văn Bắc
1722	Phạm Văn Téo	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	22290	500.000		Anh	Đinh Văn Tha
1723	Phạm Văn Tây	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18803	500.000		Cháu	Phạm Văn Trâm
1724	Phạm Thị Hu	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24492	500.000		Chị	Phạm Văn Biên
1725	Phạm Văn Túp	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24525	500.000		Cháu	Phạm Văn Rét
1726	Phạm Văn Tiếp	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18797	500.000		cháu	Phạm Văn Ban
1727	Phạm Thị Bé	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18851	500.000		Cháu	Phạm Văn Ngheo
1728	Phạm Văn Rầy	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18796	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhoi
1729	Phạm Thị Bai	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24490	500.000		Cháu	Đinh Văn Huê
1730	Phạm Thị K Rơ	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18931	500.000		Con	Phạm Văn Ghep
1731	Phạm Thị Hĩa	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18922	500.000		Con	Phạm Văn Lươn
1732	Phạm Thị Eng	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	6717	500.000		Cháu	Phạm Văn Nghiều

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1733	Phạm Thị Xét	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	2680	500.000		Con	Phạm Văn Xăng
1734	Phạm Văn Đối	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24439	500.000		Em	Phạm Văn Trấp
1735	Phạm Thị Trục	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	5718	500.000		Cháu	Phạm Văn Rắp
1736	Phạm Thị Nhắc	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18923	500.000		Con	Phạm Thị Xích
1737	Phạm Thị Bút	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	3871	500.000		Con	Phạm Thị Lang
1738	Phạm Văn Bốp	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24488	500.000		Cháu	Phạm Văn Tót
1739	Phạm Văn Nanh	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	4728	500.000		Con	Phạm Văn Ư
1740	Phạm Văn Tôn	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24486	500.000		Cháu	Phạm Văn Dum (Muối)
1741	Phạm Thị Dỗi	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	5946	500.000		Con	Phạm Văn Miêu
1742	Phạm Thị Loa	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24455	500.000		Cháu	Phạm Văn Bờ
1743	Phạm Thị Ngơ	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	5947	500.000		Con	Phạm Văn Nía
1744	Phạm Thị Khải	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	47208	500.000		Cháu	Phạm Văn Nây
1745	Phạm Văn Pắc	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	5095	500.000		Cháu	Phạm Văn Nòa
1746	Phạm Thị Thóp	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	56740	500.000		Con	Phạm Văn Xa
1747	Phạm Văn Xi	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18804	500.000		Cháu	Phạm Thị Êu
1748	Phạm Thị Bộ	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24428	500.000		Con	Phạm Văn Bem
1749	Phạm Văn Ngóa	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24453	500.000		Em	Phạm Văn Ngút
1750	Phạm Thị Sang	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	35387	500.000		Cháu	Phạm Văn Búi

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1751	Phạm Văn Dấp	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	41544	500.000		Con	Phạm Văn Nghêà
1752	Phạm Văn Dấp	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18920	500.000		Cháu	Phạm Văn KLăm
1753	Phạm Văn Dấp	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18858	500.000		Cháu	Phạm Văn Nghiêu
1754	Phạm Vaăn Ré	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18884	500.000		Cháu	Phạm Văn Đào
1755	Phạm Văn Thuông	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	1093	500.000		Em	Phạm Văn Dết
1756	PhạmVăn Mênh	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24485	500.000		Em	Phạm Thị Rĩa
1757	Phạm Văn Vóc	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	1250	500.000		Cháu	Phạm Văn Tiểu
1758	Phạm văn Hoách	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	4149	500.000		Con	Phạm Văn Nậy
1759	Phạm Văn Tân	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18926	500.000		Con	Phạm Văn Mí
1760	Phạm Thị Chuôi	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	4730	500.000		Em	Phạm Văn Hín
1761	Phạm Văn Săn (Điều)	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24456	500.000		Cháu	Phạm Nhát
1762	Phạm Thị Ry	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18801	500.000		Chị	Phạm Văn Điều
1763	Phạm Thị Ry	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	5948	500.000		Chị	Phạm Văn Xa
1764	Phạm Thị Ry	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	18802	500.000		Chị	Phạm Văn Xoang
1765	Phạm Thị Leng	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	35345	500.000		Cháu	Phạm Văn Nghĩa
1766	Trần Xuân Mộc	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	43140	500.000		Em	Trần Văn Giống
1767	Trần Mạnh Bạo	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	1424	500.000		Con	Trần Bắ
1768	Đào Thị Choang	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	1097	500.000		Con	Đào Xuân Chênh

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1769	Nguyễn Thị Hồng	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	4027	500.000		Con	Lương Công Trục
1770	Lê Thận	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	49609	500.000		Con	Lê Cẩn
1771	Huỳnh Nam	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	3321	500.000		Con	Huỳnh Luân
1772	Trần Duy Kỳ	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	24889	500.000		Em	Trần Văn Kỳ
1773	Dương On	Xã Ba Vì	Thờ cúng liệt sĩ	453	500.000		Con	Dương Mua
1774	Phạm Thị No	Ba Vinh	TB (28%)	137289	500.000			
1775	Phạm Văn Mênh	Ba Vinh	TB (21%)	138982	500.000			
1776	Phạm Thị Át	Ba Vinh	TB (21%)	138983	500.000			
1777	Phạm Văn Mói	Ba Vinh	TB (21%)	138986	500.000			
1778	Phạm Văn Ép	Ba Vinh	TB (21%)	139317	500.000			
1779	Phạm Thị Hoi	Ba Vinh	TB (21%)	138984	500.000			
1780	Phạm Thị Đề	Ba Vinh	TB (21%)	138985	500.000			
1781	Phạm Ngọc Dương	Ba Vinh	TB (21%)	78734	500.000			
1782	Phạm Văn Truyền	Ba Vinh	TB (21%)	142721	500.000			
1783	Phạm Thị Re	Ba Vinh	TB (21%)	141237	500.000			
1784	Phạm Thị Niêu	Ba Vinh	TB 21(%)	143452	500.000			
1785	Phạm Văn Ế	Ba Vinh	TB (21%)	143455	500.000			
1786	Phạm Thị Âm	Ba Vinh	TB (21%)	143456	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1787	Phạm Thị Ốp	Ba Vinh	TB (21%)	143457	500.000			
1788	Phạm Văn Trưa	Ba Vinh	TB (21%)	143458	500.000			
1789	Phạm Thị Minh	Ba Vinh	TB (21%)	143459	500.000			
1790	Phạm Thị Bể	Ba Vinh	TB (21%)	143461	500.000			
1791	Phạm Thị Chép	Ba Vinh	TB (21%)	143963	500.000			
1792	Phạm Văn Gỡ	Ba Vinh	TB (21%)	68	500.000			
1793	Phạm Văn Mo	Ba Vinh	TB (21%)	202	500.000			
1794	Phạm Thị Kinh	Ba Vinh	TB (21%)	64	500.000			
1795	Phạm Văn Roi	Ba Vinh	TB (41%)	9942	500.000			
1796	Phạm Văn Mót	Ba Vinh	TB (22%)	4734	500.000			
1797	Phạm Văn Dân	Ba Vinh	TB (21%)	85356	500.000			
1798	Phạm Văn Deo	Ba Vinh	TB (45%)	5657	500.000			
1799	Phạm Thị Dung	Ba Vinh	TB (21%)	30674	500.000			
1800	Phạm Văn Nỗ	Ba Vinh	TB (31%)	30654	500.000			
1801	Phạm Văn Mang	Ba Vinh	TB (35%)	28870	500.000			
1802	Phạm Văn Đức	Ba Vinh	TB (41%)	21304	500.000			
1803	Phạm Văn Gội	Ba Vinh	TB (21%)	30653	500.000			
1804	Phạm Văn Ghí	Ba Vinh	TB (22%)	105061	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1805	Phạm Văn ÉP	Ba Vinh	TB (24%)	118300	500.000			
1806	Phạm Văn Lợi	Ba Vinh	TB (21%)	127179	500.000			
1807	Đinh Văn Ái	Ba Vinh	TB (41%)	42243	500.000			
1808	Phạm Văn Bầy	Ba Vinh	TB (21%)	132112	500.000			
1809	Phạm Thị Đào	Ba Vinh	TB (42%)	132105	500.000			
1810	Phạm Văn Sỹ	Ba Vinh	TB (25%)	132115	500.000			
1811	Phạm Thị Ế	Ba Vinh	TB (27%)	135604	500.000			
1812	Phạm Thị Yếu	Ba Vinh	TB (21%)	135601	500.000			
1813	Phạm Văn Diêu	Ba Vinh	BB (50%)	48	500.000			
1814	Phạm Văn Thang	Ba Vinh	BB (50%)	229	500.000			
1815	Đinh Văn Đập	Ba Vinh	BB (50%)	254	500.000			
1816	Phạm Văn Thôn	Ba Vinh	BB (50%)	347	500.000			
1817	Phạm Văn Âm	Ba Vinh	BB (45%)	351	500.000			
1818	Phạm Văn Đứp	Ba Vinh	BB (45%)	358	500.000			
1819	Phạm Văn Bắp	Ba Vinh	BB (45%)	369	500.000			
1820	Phạm Văn Bong	Ba Vinh	BB (45%)	494	500.000			
1821	Phạm Văn Đim	Ba Vinh	BB (50%)	495	500.000			
1822	Phạm Văn Mã	Ba Vinh	BB (50%)	963	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1823	Phạm Văn Êm	Ba Vinh	BB (50%)	966	500.000			
1824	Phạm Văn Lập	Ba Vinh	BB (50%)	968	500.000			
1825	Phạm Văn Xía	Ba Vinh	BB (45%)	969	500.000			
1826	Phạm Văn Rân	Ba Vinh	BB (50%)	970	500.000			
1827	Phạm Văn Là	Ba Vinh	BB (45%)	971	500.000			
1828	Phạm Thị Gơn	Ba Vinh	BB (50%)	974	500.000			
1829	Phạm Thị Ngon	Ba Vinh	BB (50%)	975	500.000			
1830	Phạm Thị Bay	Ba Vinh	BB (45%)	981	500.000			
1831	Phạm Văn Út	Ba Vinh	BB (45%)	983	500.000			
1832	Phạm Văn Đẹp	Ba Vinh	BB (50%)	989	500.000			
1833	Phạm Văn Đốp	Ba Vinh	BB (45%)	990	500.000			
1834	Phạm Văn Xa	Ba Vinh	BB (50%)	994	500.000			
1835	Phạm Văn Vầu	Ba Vinh	BB (50%)	995	500.000			
1836	Phạm Văn Oai	Ba Vinh	BB (45%)	357	500.000			
1837	Phạm Thị Nghị	Ba Vinh	BB (50%)	1288	500.000			
1838	Phạm Văn Hin	Ba Vinh	BB (50%)	1304	500.000			
1839	Phạm Thị Nếu	Ba Vinh	BB (50%)	1262	500.000			
1840	Phạm Văn Đói	Ba Vinh	BB (50%)	1139	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1841	Phạm Văn Đắp	Ba Vinh	BB (55%)	159	500.000			
1842	Phạm Thị Lân	Ba Vinh	BB (55%)	233	500.000			
1843	Phạm Văn Đông	Ba Vinh	BB (55%)	359	500.000			
1844	Phạm Thị Bảo	Ba Vinh	BB (55%)	978	500.000			
1845	Phạm Văn Lãng	Ba Vinh	BB (55%)	980	500.000			
1846	Phạm Thị Gúa	Ba Vinh	BB (55%)	992	500.000			
1847	Phạm Thị Xuyên	Ba Vinh	BB (55%)	1286	500.000			
1848	Phạm Văn Cò	Ba Vinh	BB (55%)	1137	500.000			
1849	Đinh Thị Đin	Ba Vinh	BB (61%)	3806	500.000			
1850	Đinh Văn Ép	Ba Vinh	BB (61%)	118530	500.000			
1851	Phạm Văn BRót	Ba Vinh	BB (61%)	38	500.000			
1852	Phạm Văn Tùng	Ba Vinh	BB (61%)	41	500.000			
1853	Phạm Ngọc Reng	Ba Vinh	BB (61%)	50	500.000			
1854	Phạm Văn Ghê	Ba Vinh	BB (61%)	524	500.000			
1855	Phạm Thị Điền	Ba Vinh	BB (61%)	533	500.000			
1856	Phạm Văn Tóc	Ba Vinh	BB (61%)	537	500.000			
1857	Phạm Văn Tên	Ba Vinh	BB (61%)	638	500.000			
1858	Phạm Văn Nhông	Ba Vinh	BB (61%)	640	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1859	Phạm Văn Ngọ	Ba Vinh	BB (61%)	641	500.000			
1860	Phạm Văn Ghía	Ba Vinh	BB (61%)	668	500.000			
1861	Phạm Thị Gỏi	Ba Vinh	BB (61%)	731	500.000			
1862	Phạm Văn Xía	Ba Vinh	BB (61%)	527	500.000			
1863	Phạm Thị Bơi	Ba Vinh	BB (61%)	1379	500.000			
1864	Phạm Văn Đình	Ba Vinh	BB (61%)	1332	500.000			
1865	Phạm Văn Ít	Ba Vinh	BB (61%)	1383	500.000			
1866	Phạm Văn Lờ	Ba Vinh	BB (61%)	1250	500.000			
1867	Phạm Thị Thương	Ba Vinh	BB (61%)	1278	500.000			
1868	Phạm Văn Kế	Ba Vinh	BB (61%)	1346	500.000			
1869	Phạm Văn Hách	Ba Vinh	BB (61%)	2208	500.000			
1870	Phạm Văn Xề	Ba Vinh	BB (61%)	66567	500.000			
1871	Phạm Văn Đền	Ba Vinh	BB (61%)	66554	500.000			
1872	Phạm Văn Nĩa	Ba Vinh	BB (61%)	67945	500.000			
1873	Phạm Thị Nur	Ba Vinh	BB (63%)	67946	500.000			
1874	Phạm Văn Ấy	Ba Vinh	BB (62%)	67947	500.000			
1875	Phạm Văn Ui	Ba Vinh	BB (61%)	67948	500.000			
1876	Phạm Văn Điêu	Ba Vinh	BB (61%)	67949	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1877	Phạm Văn Đệ	Ba Vinh	BB (61%)	67950	500.000			
1878	Phạm Văn Mước	Ba Vinh	BB (63%)	67952	500.000			
1879	Phạm Thị Đàng	Ba Vinh	BB (63%)	67944	500.000			
1880	Phạm Văn Ré	Ba Vinh	BB (61%)	67943	500.000			
1881	Phạm Văn Xóm	Ba Vinh	BB (61%)	67942	500.000			
1882	Phạm Văn Bàu	Ba Vinh	BB (61%)	67941	500.000			
1883	Phạm Văn Lễ	Ba Vinh	BB (63%)	67940	500.000			
1884	Phạm Văn Thới	Ba Vinh	BB (61%)	67939	500.000			
1885	Phạm Văn Dơ	Ba Vinh	BB (61%)	67938	500.000			
1886	Phạm Văn Meo	Ba Vinh	BB (61%)	67937	500.000			
1887	Phạm Thị Uốc	Ba Vinh	BB (61%)	67935	500.000			
1888	Phạm Văn Béch	Ba Vinh	BB (61%)	67934	500.000			
1889	Phạm Văn Đàng	Ba Vinh	BB (65%)	67933	500.000			
1890	Phạm Văn Út	Ba Vinh	BB (67%)	67932	500.000			
1891	Phạm Văn Vẻ	Ba Vinh	BB (63%)	67416	500.000			
1892	Phạm Thị Đoà	Ba Vinh	BB (67%)	67415	500.000			
1893	Phạm Thị Thật	Ba Vinh	BB (67%)	67414	500.000			
1894	Phạm Văn Khi	Ba Vinh	BB (50%)	132113	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1895	Phạm Thị Lê	Ba Vinh	BB (75%)	528	500.000			
1896	Phạm Văn Tia	Ba Vinh	BB (71%)	644	500.000			
1897	Phạm Văn Ven	Ba Vinh	BB (61%)	73056B	500.000			
1898	Phạm Thị Tư	Ba Vinh	BB (61%)	73233B	500.000			
1899	Phạm Văn Tranh	Ba Vinh	BB (61%)	73059B	500.000			
1900	Phạm Văn Đác	Ba Vinh	BB (61%)	73060B	500.000			
1901	Phạm Văn Oà	Ba Vinh	BB (61%)	74629	500.000			
1902	Phạm Văn Uông	Ba Vinh	BB (71%)	74632	500.000			
1903	Phạm Thị Ổ	Ba Vinh	BB (61%)	74409	500.000			
1904	Phạm Thị Thư	Ba Vinh	CĐHHTT	30	500.000			
1905	Phạm Thị Sơn	Ba Vinh	CĐHHTT	35	500.000			
1906	Phạm Văn Oanh	Ba Vinh	CĐHHTT	26	500.000			
1907	Phạm Văn Quyết	Ba Vinh	CĐHHTT	125	500.000			
1908	Phạm Thị Ngã	Ba Vinh	CCGĐCMCB	5222	500.000			
1909	Phạm Thị Phố	Ba Vinh	CCGĐCMCB	5226	500.000			
1910	Phạm Thị Nái	Ba Vinh	CCGĐCMCB	5454	500.000			
1911	Phạm Thị Tim	Ba Vinh	CCGĐCMCB	5655	500.000			
1912	Phạm Thị Nưn	Ba Vinh	Đại diện thân nhân liệt sĩ	1268	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1913	Phạm Thị Thái	Ba Vinh	Đại diện thân nhân liệt sĩ	10016	500.000			
1914	Phạm Thị Hu	Ba Vinh	Đại diện thân nhân liệt sĩ	3239	500.000			
1915	Phạm Thị Thành	Ba Vinh	Đại diện thân nhân liệt sĩ	6801	500.000			
1916	Phạm Thị Klư	Ba Vinh	Đại diện thân nhân liệt sĩ	4372	500.000			
1917	Phạm Thị Nhứt	Ba Vinh	Đại diện thân nhân liệt sĩ	6764	500.000			
1918	Phạm Thị Tiêu	Ba Vinh	Đại diện thân nhân liệt sĩ	10037	500.000			
1919	Phạm Thị Ổ	Ba Vinh	Đại diện thân nhân liệt sĩ	2780	500.000			
1920	Phạm Văn Thụi	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	49605	500.000		Cháu	Phạm Văn Tăng
1921	Phạm Thị Klinh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22360	500.000		Em	Phạm Rìa
1922	Phạm Thị Minh Tú	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22347	500.000		Em	Phạm Văn Đường
1923	Phạm Văn Ung	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10044	500.000		Em	Phạm Văn Nhất
1924	Phạm Văn Roi	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22460	500.000		Em	Phạm Văn Cây
1925	Phạm Thị Oi	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	35342	500.000		Cháu	Phạm Văn Đung
1926	Phạm Văn Ên	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22345	500.000		Em	Phạm Văn Nhứt
1927	Phạm Thị Biên	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6765	500.000		Cháu	Phạm Thị Nhôm
1928	Phạm Thị Hoi	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6767	500.000		Con	Phạm Thị Heng
1929	Phạm Văn Đĩa	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	2067	500.000		Con	Phạm Văn Dổ
1930	Phạm Thị Nại	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22464	500.000		Chú	Phạm Đót

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1931	Phạm Thị Bề	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6768	500.000		Con	Phạm Thị Hút
1932	Phạm Thị Nga	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	2751	500.000		Con	Phạm Thị Xăng
1933	Phạm Thị Tư	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6800	500.000		Con dâu	Phạm Văn Rôn
1934	Phạm Thị Chói	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	2453	500.000		Em dâu	Phạm Ngọ
1935	Phạm Văn Thiêng	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22459	500.000		Cháu	Phạm Điều
1936	Phạm Thị Chê	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22356	500.000		Cháu	Phạm Văn Su
1937	Phạm Thị Lợi	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3746	500.000		Con	Phạm Văn Rơ
1938	Phạm Thị U	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22257	500.000		chị dâu	Phạm Vang
1939	Hô Thị Xuân	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22466	500.000		Chị dâu	Phạm Văn Xăng
1940	Phạm Thị Tra	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	5941	500.000		Con dâu	Phạm Văn Tâm
1941	Phạm Văn Gên	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10068	500.000		Chú	Phạm Văn Lu
1942	Phạm Văn Thới	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	5715	500.000		Con	Phạm Thị Lề
1943	Phạm Văn Rãi	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22454	500.000		Cháu	Phạm Văn Dâng
1944	Phạm Văn Thốt	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	41561	500.000		Cháu	Phạm Roan
1945	Phạm Thị Ương	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10077	500.000		Em	Phạm Thị Nhái
1946	Phạm Thị Chính	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	35455	500.000		Con	Phạm Thung
1947	Phạm Thị Sĩ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3748	500.000		Em	Phạm Văn Dung
1948	Phạm Văn Đức	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	1763	500.000		Con	Phạm Văn Sung

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1949	Phạm Thị Anh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	1769	500.000		Cháu	Phạm Văn Thời
1950	Phạm Thị Inh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10008	500.000		Con	Phạm Văn Ngay
1951	Phạm Văn Bình	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22362	500.000		Cháu	Phạm Văn Cua
1952	Phạm Văn Út	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6809	500.000		Em	Phạm Thị Ang
1953	Phạm Văn Lênh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22339	500.000		Cháu	Phạm Mạnh
1954	Phạm Văn Lênh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	2327	500.000		Cháu	Phạm Văn Lui
1955	Phạm Thị Thao	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22298	500.000		Cháu	Phạm Mẹo
1956	Phạm Thị Mung	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	1771	500.000		Con	Phạm Văn Ngon (Ngoi)
1957	Phạm Thị Kinh (Lon)	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	5714	500.000		Em	Phạm Văn Đị
1958	Phạm Thị Đòa	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3744	500.000		Con	Phạm Văn Diệu
1959	Phạm Thị Nga	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10048	500.000		Cháu	Phạm Văn Ne
1960	Phạm Thị Ôn	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10080	500.000		Cháu nội	Phạm Văn Nghĩa (nghia)
1961	Phạm Văn Lục	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22263	500.000		Cháu nội	Phạm Văn Ngọc
1962	Phạm Thị Lon	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	54860	500.000		Chị	Phạm Văn Lơ
1963	Phạm Văn Truyền	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22364	500.000		Anh	Phạm Văn Nờ
1964	Phạm Thị Đào	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22361	500.000		Chị	Phạm Rò
1965	Phạm Thị KLôm	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3747	500.000		Con	Phạm Văn Tùì
1966	Phạm Văn Lâm	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10018	500.000		Con	Phạm Văn Mệ

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1967	Phạm Văn Vầu	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22352	500.000		Em	Phạm Thị Thiết
1968	Phạm Thị Vo	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	50822	500.000		Em dâu	Đình Cao
1969	Phạm Thị Tri	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22337	500.000		Cháu	Phạm Văn Bê
1970	Phạm Thị Nam	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	55945	500.000		Con	Phạm Văn Thi
1971	Phạm Văn Khơ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22350	500.000		Anh	Phạm Văn Lái
1972	Phạm Thị Dổ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22299	500.000		Em ruột	Phạm Dâng
1973	Phạm Thị Yêu	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10015	500.000		Con dâu	Phạm Văn Dốt
1974	Phạm Văn Rân	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22280	500.000		Cháu	Phạm Văn Gội
1975	Phạm Thị Minh Ái	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22468	500.000		Em	Phạm Gòn
1976	Phạm Thị Tư	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6766	500.000		Chú	Phạm Thị Đoàn
1977	Phạm Văn Thêu	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10036	500.000		Con	Phạm Văn Hanh
1978	Phạm Thị Âm	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22260	500.000		Em	Phạm Văn Rênh
1979	Phạm Thị Sĩ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	54858	500.000		Chị	Phạm Văn Khia
1980	Đình Thị Đê Na	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3745	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhẫu
1981	Phạm Văn Chơi	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3714	500.000		Con	Phạm Văn Đen
1982	Phạm Văn Thiên	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10054	500.000		Anh	Phạm Văn Lái (Lai)
1983	Phạm Văn Võ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22295	500.000		Cháu	Phạm Văn Gỡ
1984	Phạm Thị Biên	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22346	500.000		Cháu	Phạm Văn Sỷ

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
1985	Phạm Thị Khinh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	18893	500.000		Con	Phạm Văn Trung
1986	Phạm Thị Lệ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22335	500.000		Em	Phạm Văn Biên
1987	Phạm Thị Thao	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22265	500.000		Cháu	Phạm Văn Toan
1988	Phạm Thị Bảo	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10073	500.000		Chú	Phạm Văn Ngô
1989	Phạm Thị Đú	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22349	500.000		chị dâu	Phạm Văn Gạch
1990	Phạm Thị Sơn	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10075	500.000		Cháu	Phạm Văn Quy (Huy)
1991	Phạm Văn Ngành	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22467	500.000		Con dâu	Phạm Con (Yên)
1992	Phạm Thị Chút	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	18868	500.000		Cháu	Phạm Văn Nghèo
1993	Phạm Thị Ây	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	18839	500.000		Cháu	Phạm Văn Khô
1994	Phạm Thị Giải	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22449	500.000		Em	Phạm My
1995	Phạm Văn Hen	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	35384	500.000		Thím	Phạm Đầy
1996	Phạm Thị Ái Hà	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	54859	500.000		Cháu	Phạm Văn Gút
1997	Phạm Thị Thành	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3706	500.000		Con	Phạm Văn Vây
1998	Phạm Thị Đú	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10028	500.000		Chị	Phạm Văn Đế
1999	Phạm Thị Nhi	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	1770	500.000		Em	Phạm Văn Tơ
2000	Phạm Văn Đim	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22255	500.000		Con	Phạm Văn Minh
2001	Phạm Thị To	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10074	500.000		Em	Phạm Văn Tiền
2002	Phạm Thị Hành	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10069	500.000		Cháu	Phạm Văn Gheo

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2003	Phạm Văn Vun	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	35363	500.000		Cô	Phạm Thị Khiêng
2004	Phạm Văn Rầy	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22300	500.000		Anh	Phạm Văn Nôm
2005	Phạm Văn Mân	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	2653	500.000		Con	Phạm Văn Ứn
2006	Phạm Văn Vêu	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22297	500.000		Em	Phạm Văn Đức
2007	Phạm Văn Chia	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22468	500.000		Cháu	Phạm Văn Chân
2008	Phạm Thị Thư	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22359	500.000		Cháu	Phạm Dục
2009	Phạm Văn Rí	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10047	500.000		Cháu	Phạm Văn Hoi
2010	Phạm Văn Mế	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3766	500.000		Cháu	Phạm Văn Lê
2011	Phạm Thị Sau	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	2328	500.000		Chị	Phạm Văn Gim
2012	Phạm Thị Đễ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10076	500.000		Cháu	Phạm Văn Ia
2013	Phạm Văn Đắp	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3750	500.000		Cháu	Phạm Văn To
2014	Phạm Văn Cát	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22458	500.000		Cháu	Phạm Văn Tiêu
2015	Phạm Văn Cát	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22334	500.000		Cháu	Phạm Gửi
2016	Phạm Văn Đây	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	4489	500.000		Con	Phạm Văn Dặc
2017	Phạm Văn Đơ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22444	500.000		Con	Phạm Văn Lịch
2018	Phạm Thị Tây	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10070	500.000		Con	Phạm Văn trương (trường)
2019	Phạm Văn E	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22367	500.000		Cháu	Phạm Văn Thao
2020	Phạm Thị Thân	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22452	500.000		Em	Phạm Xiêm

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2021	Phạm Văn Mương	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	1217	500.000		Anh	Phạm Văn Lã
2022	Phạm Thị Đe	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3749	500.000		Cháu	Phạm Văn Mật
2023	Phạm Thị Dung	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	11508	500.000		Em	Phạm Văn Rồi
2024	Phạm Thị Đâm	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22457	500.000		Cháu	Phạm Văn Má
2025	Phạm Văn Bầu	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	50804	500.000		Em	Đinh Vập
2026	Phạm Thị Giông	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3765	500.000		Cháu	Phạm Văn Tia
2027	Phạm Thị Nha	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22264	500.000		Em	Phạm Văn Cây
2028	Phạm Thị Đà	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	4370	500.000		Em	Phạm Văn Lênh
2029	Phạm Văn Dân	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10072	500.000		Em	Phạm Văn Him
2030	Phạm Văn Kỳ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10053	500.000		Cháu	Phạm Văn Ya
2031	Phạm Văn Vay	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10056	500.000		Cháu	Phạm Văn Như
2032	Phạm Văn Nĩa	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6804	500.000		Con	Phạm Văn Tà
2033	Phạm Thị Mật	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22445	500.000		Cháu	phạm Chê
2034	Phạm Thị Xiên	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22429	500.000		Cháu	Phạm Văn Ngự
2035	Phạm Thị Quách	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	2290	500.000		Con	Phạm Văn Ngoi
2036	Phạm Thị Năng	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3708	500.000		Cháu	Phạm Thị Nú
2037	Phạm Văn Nga	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	4371	500.000		Con	Phạm Văn Xăng
2038	Phạm Văn Né	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	4571	500.000		Cháu	Phạm Văn Nghệ

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2039	Phạm Văn Nấu	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	4573	500.000		Em	Phạm Văn Nị
2040	Phạm Thị Chí	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	4754	500.000		Con	Phạm Văn Rinh
2041	Phạm Thị In	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	5087	500.000		cháu	Phạm Văn Hoanh
2042	Phạm Văn Bềnh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	5942	500.000		Con	Phạm Văn Déo
2043	Phạm Văn Ê	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6805	500.000		Con	Phạm Văn Mậu
2044	Phạm Thị Thành	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6806	500.000		Con	Phạm Thị Yên
2045	Phạm Văn Đệ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6807	500.000		Con rể	Phạm Văn Nheo
2046	Phạm Văn Sinh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6810	500.000		cháu	Phạm Văn Nghèo
2047	Phạm Thị Ngụ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10033	500.000		Con	Phạm Văn Dực
2048	Phạm Văn Thôn	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22343	500.000		Em	Phạm Văn Thanh
2049	Phạm Thị Thăng	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22537	500.000		Cháu	Phạm Văn Tiến
2050	Phạm Thị Vàng	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22366	500.000		Cháu	Phạm Văn Bay
2051	Phạm Thị Thăng	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22456	500.000		Cháu	Phạm Văn Chiến
2052	Phạm Văn Quang	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22463	500.000		cháu	Phạm Văn Đền
2053	Phạm Thị Yêu	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22461	500.000		Cháu	Phạm Mun
2054	Phạm Văn Chân	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	2654	500.000		cháu	Phạm Văn Liễu
2055	Phạm Thị Klen	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	5089	500.000		Con	Phạm Văn Nhiều
2056	Phạm Thị Ốc (Út)	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3751	500.000		Con	Phạm Văn Nhó

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2057	Phạm Văn Mây	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3709	500.000		Cháu	Phạm Văn Quýt
2058	Phạm Ả Rin	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	26446	500.000		Cháu	Phạm Xôm
2059	Phạm Thị Ôn	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22258	500.000		Cháu	Phạm Văn Ló
2060	Phạm Văn Mong	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22365	500.000		Anh	Phạm Rương
2061	Phạm Thị Inh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22259	500.000		Em	Phạm Văn Hiền
2062	Phạm Thị Lé	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22353	500.000		Con	Phạm Văn Rằm
2063	Phạm Văn Thê	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10019	500.000		Em	Phạm Văn Xa
2064	Phạm Thị Liên	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22446	500.000		Em	Phạm Văn Đát
2065	Phạm Văn Lurm	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22296	500.000		Cháu	Phạm Văn Gài
2066	Phạm Văn Lễ	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22354	500.000		Cháu	Phạm Văn Cúp
2067	Đình Quang Đối	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	6803	500.000		Con	Phạm Văn Nung
2068	Phạm Văn Éo	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	26408	500.000		Cháu	Phạm Văn Về
2069	Phạm Văn Lạc (Lác)	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22276	500.000		Cháu	Phạm Văn Quế
2070	Phạm Văn Vái	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22262	500.000		Cháu	Phạm Văn Vi
2071	Phạm Văn Dê	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22636	500.000		Em	Phạm Văn Đô
2072	Phạm Thị Ung	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10040	500.000		mẹ ghê	Phạm Văn Mập
2073	Phạm Thị Thay (thái)	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10052	500.000		Chị	Phạm Văn Nơi
2074	Phạm Văn Xôm	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22363	500.000		Anh rể	Phạm Văn Khuya (Né)

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2075	Phạm Thị Xít	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22338	500.000		Cháu	Phạm Hoay
2076	Phaạm Văn Gên	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	4575	500.000		Cháu	Phạm Văn Tương
2077	Phạm Thị Vãn	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	24522	500.000		Con	Phạm Văn Long
2078	Phạm Thị Ung	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10055	500.000		Chị dâu	Phạm Văn Ếch
2079	Phạm Văn Dân	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	5088	500.000		Em	Phạm Văn thật
2080	Phạm Văn Nia	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	19353	500.000		Cháu	Phạm Văn Nây
2081	Phạm Thị Thăng	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	2287	500.000		Con	Phạm Văn Trập
2082	Phạm Văn Trăm	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	4572	500.000		Con	Phạm Văn Ghiên
2083	Phạm Thị Lép	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	5086	500.000		Con dâu	Phạm Văn Phú
2084	Phạm Thị Yều	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	10021	500.000		Em	Phạm Văn Ghi
2085	Phạm Thị Điều	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	3712	500.000		Con dâu	Phạm Văn Trừ
2086	Phaạm Thị Lê	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	26391	500.000		Chị	Đinh Văn Tái
2087	Phạm Thị Hạnh	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	22261	500.000		Em	Phạm Tú
2088	Phạm Thị Lát	Ba Vinh	Thờ cúng Liệt sĩ	38603	500.000		Con	Phạm Văn Nga
2089	Phạm Văn Đồi	Ba Giang	TB 41%	11311	500.000			
2090	Phạm Văn Hè	Ba Giang	TB 21%	3939	500.000			
2091	Phạm Văn Dơ	Ba Giang	TB 31%	79546	500.000			
2092	Phạm Văn Trung	Ba Giang	TB 21%	58649	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2093	Phạm Văn Đẻ	Ba Giang	TB 21%	118293	500.000			
2094	Phạm Văn Nữ	Ba Giang	TB 26%	122263	500.000			
2095	Phạm Thị Đoi	Ba Giang	TB 28%	132132	500.000			
2096	Phạm Văn Đồng	Ba Giang	TB 21%	132142	500.000			
2097	Phạm Thị Đên	Ba Giang	TB 28%	132141	500.000			
2098	Phạm Văn Loa	Ba Giang	TB 21%	135614	500.000			
2099	Phạm Văn Trường	Ba Giang	BB 45%	1355	500.000			
2100	Phạm Văn Tổ	Ba Giang	BB 50%	1180	500.000			
2101	Phạm Văn Rin	Ba Giang	BB 50%	1171	500.000			
2102	Phạm Văn Rương	Ba Giang	BB 45%	370	500.000			
2103	Phạm Văn Đài	Ba Giang	BB 50%	250	500.000			
2104	Phạm Văn Ngủ	Ba Giang	BB 45%	243	500.000			
2105	Phạm Văn Long	Ba Giang	BB 50%	224	500.000			
2106	Phạm Văn Đênh	Ba Giang	BB 50%	123	500.000			
2107	Phạm Văn Ngoan	Ba Giang	BB 50%	115	500.000			
2108	Phạm Văn Hoàn	Ba Giang	BB 55%	84	500.000			
2109	Phạm văn Tường	Ba Giang	BB 62%	70498	500.000			
2110	Phạm Thị Si	Ba Giang	BB 61%	67441	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2111	Phạm Văn Ngheo	Ba Giang	BB 61%	67443	500.000			
2112	Phạm Thị Bay	Ba Giang	BB 61%	67450	500.000			
2113	Phạm Văn Choa	Ba Giang	BB 61%	67897	500.000			
2114	Phạm Văn Nghin	Ba Giang	BB 61%	67892	500.000			
2115	Phạm Văn Châu	Ba Giang	BB 61%	67893	500.000			
2116	Đinh Đức Phạ	Ba Giang	BB 61%	67902	500.000			
2117	Phạm văn rếp	Ba Giang	BB 61%	66581	500.000			
2118	Phạm Văn Dân	Ba Giang	BB 61%	719	500.000			
2119	Phạm văn Nha	Ba Giang	BB 71%	70487	500.000			
2120	Phạm Thị Nho	Ba Giang	Tuất liệt sĩ	21235	500.000			
2121	Phạm Thị Ư	Ba Giang	Tuất liệt sĩ	2685	500.000			
2122	Phạm Thị Ré	Ba Giang	Tuất liệt sĩ	21298	500.000			
2123	Phạm Thị Uông	Ba Giang	Tuất liệt sĩ	5965	500.000			
2124	Phạm Thị Nĩa	Ba Giang	NCC giúp đỡ CM	5765	500.000			
2125	Phạm Thị Nghiã	Ba Giang	NCC giúp đỡ CM	5234	500.000			
2126	Phạm Thị Đường	Ba Giang	NCC giúp đỡ CM	5434	500.000			
2127	Phạm Thị Ngõi	Ba Giang	NCC giúp đỡ CM	5235	500.000			
2128	Phạm Thị Hoang	Ba Giang	NCC giúp đỡ CM	5227	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2129	Phạm Văn Bó	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2694	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhén
2130	Phạm Thị Lương	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2700	500.000		Em	Phạm Văn Nửa
2131	Phạm văn Ngoanh	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2698	500.000		Con	Phạm Thị Di
2132	Phạm Văn Gấp	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21289	500.000		Con	Phạm Văn Hêu
2133	Phạm Văn Lép	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21239	500.000		Cháu	Phạm Văn Soát
2134	Phạm Thị Tát	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3726	500.000		Cháu dâu	Phạm Văn Rót
2135	Phạm văn Mít	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	4159	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhêu
2136	Phạm văn Đẻ	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3772	500.000		Con	Phạm Văn Va Lách
2137	Phạm Văn Nhin	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21270	500.000		Cháu nội	Phạm Văn Lên
2138	Phạm văn Dân	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21248	500.000		Anh	Phạm Văn Đồ
2139	Phạm Văn Hè	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21303	500.000		Anh	Phạm Văn Sinh
2140	Phạm Thị Cốp	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21226	500.000		Cháu	Phạm Văn Pép
2141	Phạm Thị Đước	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	4140	500.000		Cháu	Phạm Thị Chá (thá)
2142	Phạm Thị Đút	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	4157	500.000		Cháu	Phạm Văn Va Lía
2143	Phạm Thị Tiêu	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2701	500.000		Con	Phạm Văn Nhua
2144	Phạm Thị Ngõi	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21251	500.000		Em	Phạm Văn Bạc
2145	Phạm Thị Đút	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21234	500.000		Cháu	Phạm Văn Gà
2146	Phạm Văn Dân	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3853	500.000		Em	Phạm Thị Pư

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2147	Phạm Văn Dôm	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2699	500.000		Con	Phạm Văn Viêu
2148	Phạm Thị Xong	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21236	500.000		Cháu	Phạm Văn Trào
2149	Phạm Văn Vẽ	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	26438	500.000		Cháu	Phạm Văn Kéo
2150	Phạm Văn Oang	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21224	500.000		Em	Phạm Văn Dầy
2151	Phạm Văn Dung	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3733	500.000		em	Phạm văn Đỗ
2152	Phạm Văn Chênh	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3735	500.000		Cháu	Phạm Thị Êu
2153	Phạm Văn Chếu	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	4156	500.000		Anh	Phạm Văn Hua
2154	Phạm Văn Chếu	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3773	500.000		Cháu	Phạm văn Rua
2155	Phạm Văn Nữ	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3738	500.000		Anh	Phạm văn Hìng
2156	Phạm Thị Oi	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2702	500.000		Con	Phạm văn Đong
2157	Phạm Văn Chia	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	26439	500.000		Cháu	Đinh Cách
2158	Phạm Thị Ngật	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21238	500.000		Chị	Phạm Văn Thế
2159	Phạm Văn Meo	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3740	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhói
2160	Phạm Thị Đên	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	4160	500.000		Cháu	Phạm văn Nhân
2161	Phạm Thị Choa	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	4270	500.000		Con	Phạm văn Dơi
2162	Phạm Thị Lác	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3729	500.000		Cháu	Phạm văn Múa
2163	Phạm Thị Lói	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3720	500.000		Cháu	Phạm Văn Dậu
2164	Phạm Thị Ró	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3722	500.000		Cháu	Phạm Văn Troi

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2165	Phạm Thị Lơ	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	5967	500.000		Cháu	Phạm Thị Nura
2166	Phạm Văn Nho	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	5960	500.000		Con	Phạm Thị Nốc
2167	Phạm Văn Đất	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2708	500.000		Con	Phạm Văn Tói
2168	Phạm Thị Ngọt	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2668	500.000		Con	Phạm Văn Mùn
2169	Phạm Thị Chóa	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3711	500.000		Cháu	Phạm Văn Day
2170	Phạm Thị Mẹ	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	1930	500.000		Con	Phạm Văn Nắp
2171	Phạm Văn Tang	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2652	500.000		Con	Phạm văn Nghèo
2172	Phạm Thị Nhâm	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21273	500.000		Con dâu	Phạm Văn Ngeo
2173	Phạm Văn Ngữ	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21237	500.000		Anh	Phạm văn Đồng
2174	Phạm Văn Đênh	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	26392	500.000		Em	Đinh Lăng
2175	Phạm Văn Bảy	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21306	500.000		Cháu	Phạm Văn Tim
2176	Phạm Văn Ngoanh	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21305	500.000		Con	Phạm Văn Rong
2177	Phạm Văn Bường	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21282	500.000		Con	Phạm văn Lốc
2178	Phạm Thị Đin	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21281	500.000		Con	Phạm Văn Đăng
2179	Phạm Văn Theo	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3850	500.000		Cháu ruột	Phạm văn Đắp
2180	Phạm Văn Rệt	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21240	500.000		Cháu	Phạm Văn Tha
2181	Phạm Văn Nha	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	5964	500.000		Cháu	Phạm văn Đoàn
2182	Phạm Thị Ni	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2670	500.000		Con	Phạm Thị Xuya

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2183	Phạm Thị Gai	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21278	500.000		Con	Phạm văn Thuê
2184	Phạm Thị Goa	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21227	500.000		Em	Phạm Văn Thái
2185	Phạm Thị Ngủ	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21241	500.000		Em	Phạm văn Thập
2186	Phạm Thị Bênh	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21263	500.000		Cháu	Phạm Văn Tiên
2187	Phạm Văn Chur	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3737	500.000		Em	Phạm Văn Trêu
2188	Phạm Thị Tiên	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3741	500.000		Chị	Phạm Thị Mạnh
2189	Phạm Thị Đin	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2705	500.000		Em	Phạm Thị Rể
2190	Phạm Thị Nhĩa	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	4139	500.000		Cháu	Phạm Văn Va Lũa
2191	Phạm Văn Ngũ	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	4162	500.000		Cháu ruột	Phạm Thị Huých
2192	UBND xã Ba Giang	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	26377	500.000		CQ QL	Phạm Nơi
2193	Phạm Văn Vách	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3856	500.000		Cháu ruột	Phạm Thị Xăm
2194	Phạm Thị Tranh	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2667	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Ruông
2195	Phạm Thị Ắng	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21277	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Nghịt
2196	Phạm Văn Mót	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	4137	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Hười
2197	Phạm Văn Xói	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	26437	500.000		Cháu ruột	Đinh Văn Lập
2198	Phạm Thị Chả	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	3739	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Kịa
2199	Phạm Văn Theo	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	21228	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Đúc
2200	Phạm Văn Yêu	Ba Giang	Thờ cúng liệt sĩ	2288	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Chây

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2201	Phạm Văn Hùi	Ba Xa	TB 21 %	135575	500.000			
2202	Phạm Văn Mùa	Ba Xa	TB 24 %	135577	500.000			
2203	Phạm Thị Kim Bin	Ba Xa	TB 21%	135408	500.000			
2204	Phạm Thị Tách	Ba Xa	BB 50%	1178	500.000			
2205	Phạm Văn Rí	Ba Xa	BB 45%	1175	500.000			
2206	Phạm Văn Nghiều	Ba Xa	BB 50%	1317	500.000			
2207	Phạm Văn Dăng	Ba Xa	BB 50%	1035	500.000			
2208	Phạm Văn Nhen	Ba Xa	BB 50%	1017	500.000			
2209	Phạm Văn Xí	Ba Xa	BB 50%	962	500.000			
2210	Phạm Thị Tinh (Thinh)	Ba Xa	BB 50%	961	500.000			
2211	Phạm Văn Nghéa	Ba Xa	BB 50%	916	500.000			
2212	Phạm Văn Đi	Ba Xa	BB 50%	864	500.000			
2213	Phạm Văn Na	Ba Xa	BB 50%	863	500.000			
2214	Phạm Văn Hỹ	Ba Xa	BB 50%	862	500.000			
2215	Phạm Văn Bong	Ba Xa	BB 50%	282	500.000			
2216	Phạm Văn Nghị	Ba Xa	BB 45%	162	500.000			
2217	Phạm Văn Nhòa	Ba Xa	BB 55%	1333	500.000			
2218	Phạm Thị Pa Léch	Ba Xa	BB 55%	960	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2219	Phạm Thị Hoa	Ba Xa	BB 55%	154	500.000			
2220	Phạm Văn Niều	Ba Xa	BB 62%	70490	500.000			
2221	Phạm Văn Nga	Ba Xa	BB 61%	70478	500.000			
2222	Phạm Văn Lễ	Ba Xa	BB 61%	67417	500.000			
2223	Phạm Thị Đui	Ba Xa	BB 61%	67418	500.000			
2224	Phạm Văn Giảng	Ba Xa	BB 61%	67985	500.000			
2225	Phạm Văn Nùm	Ba Xa	BB 61%	67984	500.000			
2226	Phạm Thị Ní	Ba Xa	BB 61%	67983	500.000			
2227	Phạm Văn Máy	Ba Xa	BB 62%	67982	500.000			
2228	Phạm Văn Dây	Ba Xa	BB 63%	67981	500.000			
2229	Phạm Văn Trĩa	Ba Xa	BB 61%	67980	500.000			
2230	Phạm Văn Ram	Ba Xa	BB 61%	67979	500.000			
2231	Phạm Văn Thúc	Ba Xa	BB 61%	1252	500.000			
2232	Phạm Thị Lia	Ba Xa	BB 61%	1355	500.000			
2233	Phạm Văn Đòà	Ba Xa	BB 61%	1339	500.000			
2234	Phạm Văn A Bu	Ba Xa	BB 61%	1357	500.000			
2235	Phạm Văn Minh	Ba Xa	BB 61%	1375	500.000			
2236	Phạm Thị Nhe	Ba Xa	BB 61%	585	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2237	Phạm Văn La	Ba Xa	BB 61%	1246	500.000			
2238	Đình Văn Inh	Ba Xa	BB 61%	4491	500.000			
2239	Phạm Văn Tăng	Ba Xa	BB 71%	70477	500.000			
2240	Phạm Thị Éa	Ba Xa	Tuất liệt sĩ	6551	500.000			
2241	Phạm Thị Hò	Ba Xa	Tuất liệt sĩ	6553	500.000			
2242	Phạm Văn Đỗ	Ba Xa	CCGĐCMCB	11016	500.000			
2243	Phạm Thị Đĩa	Ba Xa	CCGĐCMCB	11009	500.000			
2244	Phạm Thị Ró	Ba Xa	CCGĐCMCB	6267	500.000			
2245	Phạm Thị Niên	Ba Xa	CCGĐCMCB	5744	500.000			
2246	Phạm Thị Lốp	Ba Xa	CCGĐCMCB	5769	500.000			
2247	Phạm Thị Rớ	Ba Xa	CCGĐCMCB	5724	500.000			
2248	Phạm Thị Ya	Ba Xa	CCGĐCMCB	5459	500.000			
2249	Phạm Thị Lú	Ba Xa	CCGĐCMCB	5457	500.000			
2250	Phạm Thị Lầy	Ba Xa	CCGĐCMCB	5437	500.000			
2251	Phạm Thị Hối	Ba Xa	CCGĐCMCB	5426	500.000			
2252	Phạm Văn Rên	Ba Xa	CĐHH TT	672	500.000			
2253	Phạm Thị Đa	Ba Xa	CĐHH TT	670	500.000			
2254	Phạm Thị Thê	Ba Xa	CĐHH TT	669	500.000			

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2255	Phạm Văn Riêu	Ba Xa	CĐHH TT	667	500.000			
2256	Phạm Thị Quyền	Ba Xa	CĐHH TT	659	500.000			
2257	Phạm Thị Hý	Ba Xa	Tù đầy	103416	500.000			
2258	Phạm Văn Piêu	Ba Xa	TCLS	24496	500.000		Em	Đinh Tiêng
2259	Phạm Thị Đề	Ba Xa	TCLS	12374	500.000		con	Phạm Văn Rê
2260	Phạm Thị Tắc	Ba Xa	TCLS	35347	500.000		con	Phạm Thị Hơ
2261	Phạm Văn Xun	Ba Xa	TCLS	6782	500.000		con	Phạm Văn Bói
2262	Phạm Thị Nghin	Ba Xa	TCLS	12386	500.000		Em	Phạm Văn Nghêu
2263	Phạm Thị Xương	Ba Xa	TCLS	18782	500.000		Vợ tái giá	Phạm Văn Nhao
2264	Phạm Văn Mà Rĩ	Ba Xa	TCLS	47220	500.000		Con	Phạm Văn Ta Gót
2265	Phạm Văn Bong	Ba Xa	TCLS	18783	500.000		Em	Phạm Văn Tinh
2266	Phạm Văn Diếp	Ba Xa	TCLS	18856	500.000		Con	Phạm Văn Lãng
2267	Phạm Thị Pút	Ba Xa	TCLS	12382	500.000		Con	Phạm Văn Chiên
2268	Phạm Văn Nghệ	Ba Xa	TCLS	18917	500.000		Con	Phạm Văn Búp
2269	Phạm Văn Họ	Ba Xa	TCLS	18906	500.000		Con	Phạm Văn Thia
2270	Phạm Thị Lên	Ba Xa	TCLS	18860	500.000		Cháu	Phạm Văn Tắc
2271	Phạm Văn Đốc	Ba Xa	TCLS	24440	500.000		Cháu	Đinh Chóa
2272	Phạm Văn Rê	Ba Xa	TCLS	18780	500.000		Con	Phạm Văn Tăng

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2273	Phạm Văn Phúc	Ba Xa	TCLS	12373	500.000		Cháu	Phạm Văn Nghê
2274	Phạm Văn Bừa	Ba Xa	TCLS	24436	500.000		Anh	Đình Nui
2275	Phạm Thị Nin	Ba Xa	TCLS	24495	500.000		Em	Đình Đến
2276	Phạm Thị Nái	Ba Xa	TCLS	6552	500.000		Con	Phạm Văn VRút
2277	Phạm Văn Nùm	Ba Xa	TCLS	18786	500.000		Em	Phạm Văn Tầm
2278	Phạm Thị Tạch	Ba Xa	TCLS	4731	500.000		Em	Phạm Thị Đầu
2279	Phạm Văn Nghiều	Ba Xa	TCLS	4729	500.000		Em	Phạm Thị Nghệ
2280	Phạm Văn Hoắc	Ba Xa	TCLS	18771	500.000		Em	Phạm Văn Puốc
2281	Phạm Văn Dách	Ba Xa	TCLS	50293	500.000		Con	Phạm Văn Niêu
2282	Phạm Văn Ría	Ba Xa	TCLS	24437	500.000		Cháu	Đình RGầm
2283	Phạm Thị Roang	Ba Xa	TCLS	12387	500.000		Con	Phạm Văn Néo
2284	Phạm Văn Ổ	Ba Xa	TCLS	18886	500.000		Cháu	Phạm Văn Hạnh
2285	Phạm Văn Rịa	Ba Xa	TCLS	18773	500.000		Em	Phạm Văn Bua
2286	Phạm Thị Men	Ba Xa	TCLS	6784	500.000		Con	Phạm Văn Hú
2287	Phạm Thị Đãi	Ba Xa	TCLS	12340	500.000		Em	Phạm Văn Nao
2288	Phạm Văn Doi	Ba Xa	TCLS	12380	500.000		Con	Phạm Văn Đanh
2289	Phạm Văn Tá	Ba Xa	TCLS	12366	500.000		Con	Phạm Văn Đàng
2290	Phạm Thị Hon (Onh)	Ba Xa	TCLS	24434	500.000		Em	Phạm Văn Bôn

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2291	Phạm Văn Ứng	Ba Xa	TCLS	12378	500.000		Anh	Phạm Văn Pa Rĩa
2292	Phạm Thị Chi	Ba Xa	TCLS	35343	500.000		Cháu	Phạm Văn Khia
2293	Phạm Văn Mau	Ba Xa	TCLS	12375	500.000		Em	Phạm Văn Đạt
2294	Phạm Văn K Róc	Ba Xa	TCLS	24429	500.000		Con	Đinh Văn Thê
2295	Phạm Văn Tài	Ba Xa	TCLS	54862	500.000		Em	Phạm Văn Tia
2296	Phạm Thị Thê	Ba Xa	TCLS	29004	500.000		Em	Đinh Hà Rập
2297	Phạm Văn Yên	Ba Xa	TCLS	24441	500.000		Em	Phạm Văn Lên
2298	Phạm Văn Lưng	Ba Xa	TCLS	12372	500.000		con	Phạm Văn Nông
2299	Phạm Văn Ty	Ba Xa	TCLS	18894	500.000		Cháu	Phạm Thị Gút
2300	Phạm Thị Lốp	Ba Xa	TCLS	6783	500.000		Em	Phạm Văn Oăng
2301	Phạm Văn Dói	Ba Xa	TCLS	6781	500.000		Em	Phạm Văn Xía
2302	Phạm Văn Dục	Ba Xa	TCLS	18781	500.000		con	Phạm Thị Ngã
2303	Phạm Thị Leo	Ba Xa	TCLS	12385	500.000		Em	Phạm Văn Phối
2304	Phạm Thị Nghiêm	Ba Xa	TCLS	24500	500.000		Cháu	Đinh Văn Chín
2305	Phạm Văn Lem	Ba Xa	TCLS	35395	500.000		Cháu	Phạm Văn Lềa
2306	Phạm Thị Liên	Ba Xa	TCLS	6780	500.000		Chị	Phạm Văn Gân
2307	Phạm Văn Hùng	Ba Xa	TCLS	24438	500.000		Con	Đinh Văn Be(Lấp)
2308	Phạm Văn Oi	Ba Xa	TCLS	18784	500.000		Cháu	Phạm Văn Dưới

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2309	Phạm Thị Lữ	Ba Xa	TCLS	12376	500.000		Cháu	Phạm Văn Chính
2310	Phạm Thị Ngự	Ba Xa	TCLS	18785	500.000		Chị	Phạm Văn Sinh
2311	Phạm Thị Qua	Ba Xa	TCLS	35362	500.000		Con	Đinh Văn Nghĩ
2312	Phạm Văn Thăm	Ba Xa	TCLS	24499	500.000		Cháu	Đinh Văn Chả
2313	Phạm Thị Pa Léch	Ba Xa	TCLS	51620	500.000		Vợ tái giá	Đinh Lai
2314	Phạm Thị Đây	Ba Xa	TCLS	18938	500.000		Chị dâu	Phạm Văn Mưa
2315	Phạm Văn Lai	Ba Xa	TCLS	18885	500.000		Cháu	Phạm Văn KRênh
2316	Phạm Thị Nhe	Ba Xa	TCLS	18927	500.000		Cháu	Phạm Văn Cà Rên
2317	Phạm Thị Dóc	Ba Xa	TCLS	18937	500.000		Con	Phạm Văn Lập
2318	Phạm Thị Kiệp	Ba Xa	TCLS	4581	500.000		Cháu	Phạm Văn Bí
2319	Phạm Thị Thừa	Ba Xa	TCLS	12342	500.000		Cháu	Phạm Văn Câng
2320	Phạm Văn Sơn	Ba Xa	TCLS	4760	500.000		Em	Phạm Văn Biéch
2321	Phạm Thị Đạo	Ba Xa	TCLS	24497	500.000		Em	Đinh Văn Rốt
2322	Phạm Văn Triều	Ba Xa	TCLS	18787	500.000		Cháu	Phạm Văn Nhừ
2323	Phạm Văn Xế	Ba Xa	TCLS	12341	500.000		Cháu	Phạm Văn Noát
2324	Phạm Văn Thun	Ba Xa	TCLS	24433	500.000		Cháu	Đinh Văn Điện
2325	Phạm Văn Đar	Ba Xa	TCLS	12381	500.000		Cháu	Phạm Văn Chiêm
2326	Phạm Văn Vóc	Ba Xa	TCLS	35355	500.000		Con	Phạm Văn Răng

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2327	Phạm Thị Dí	Ba Xa	TCLS	18892	500.000		Con	Phạm Văn Ngẫu
2328	Phạm Văn Thứ	Ba Xa	TCLS	1462	500.000		Cháu	Phạm Văn Đừa
2329	Phạm Văn Cách	Ba Liên	TB 31%	85351	500.000			
2330	Đình Văn Lê	Ba Liên	TB 41%	28798	500.000			
2331	Phạm Văn Chỗ	Ba Liên	TB 31%	14457	500.000			
2332	Phạm Văn Gú	Ba Liên	TB 61%	14189	500.000			
2333	Phạm Văn Luom	Ba Liên	TB 41%	38307	500.000			
2334	Đình Ngát	Ba Liên	TB 27%	7263	500.000			
2335	Phạm Văn Ngày	Ba Liên	BB 61%	67413	500.000			
2336	Phạm Văn Rúi	Ba Liên	BB 61%	70424	500.000			
2337	Phạm Văn Hương	Ba Liên	BB 66%	73034	500.000			
2338	Phạm Thị Điếc	Ba Liên	BB 50%	1028	500.000			
2339	Phạm Thị Gai	Ba Liên	BB 50%	795	500.000			
2340	Phạm Thị Chiếc	Ba Liên	BB 50%	176	500.000			
2341	Phạm Thị Út	Ba Liên	BB 50%	335	500.000			
2342	Phạm Thị Tia	Ba Liên	BB 50%	1194	500.000			
2343	Phạm Thị Nguyên	Ba Liên		962/TNNCC	500.000			
2344	Phạm Văn Nhé	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	47479	500.000		Cháu	Phạm Văn Cu

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2345	Phạm Văn Dôi	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	3864	500.000		Con ruột	Phạm Văn Rũa
2346	Phạm Văn Dý	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	3893	500.000		Em	Phạm Thị Du
2347	Phạm Văn Guôn	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	12355	500.000		Em	Phạm Thị Điếc
2348	Phạm Văn Thìn	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	41549	500.000		Con đẻ	Phạm Văn Định
2349	Phạm Thị Loan	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	36309	500.000		Anh	Phạm Thị Gai
2350	Phạm Văn Ra Ót	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	4163	500.000		Cháu ruột	Phạm Văn Hai
2351	Phạm Văn Ban	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	35385	500.000		Thím dâu	Phạm Thị Huyền
2352	Phạm Văn Tô	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	26435	500.000		Cháu ruột	Phạm Thị Lê
2353	Phạm Văn Nập	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	24451	500.000		Em	Phạm Thị Nâu
2354	Phạm Văn Sết (Sét)	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	18888	500.000		Con ruột	Phạm Thị Nít
2355	Phạm Văn Chử	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	4727	500.000		Em	Phạm Thị Nura
2356	Phạm Văn Nghề	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	4146	500.000		Mẹ kế	Phạm Thị Ngập
2357	Phạm Thân	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	26432	500.000		Em R ruột	Phạm Văn Ngậy
2358	Phạm Văn Tía	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	47216	500.000		Con đẻ	Phạm Văn Nghét
2359	Phạm Văn Chế	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	18889	500.000		Cháu	Phạm Văn Nghin
2360	Phạm Văn Nhũa	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	47230	500.000		Con dâu	Phạm Thị Rĩa
2361	Phạm Văn Xĩa	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	6539	500.000		Con dâu	Phạm Thị Rin
2362	Phạm Văn Phong	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	26452	500.000		Cháu	Phạm Văn Rơi

TT	Họ và tên	Địa chỉ (xã, thị trấn)	Loại đối tượng	Số hồ sơ	Mức quà tặng	Ký nhận	Quan hệ với liệt sĩ	Họ và tên liệt sĩ
2363	Phạm Văn Thiêu	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	26411	500.000		Cháu	Phạm Văn Su
2364	Phạm Văn Êm	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	35391	500.000		Em	Phạm Thị Tất
2365	Phạm Thị Bình	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	3855	500.000		Em	Phạm Thị Tết
2366	Phạm ThịThiệt	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	36037	500.000		Con	Phạm Thị Thùng
2367	Phạm Văn Dang	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	4459	500.000		Con đẻ	Phạm Thị Trồng
2368	Phạm Giảng	Ba Liên	Thờ cúng liệt sĩ	6579	500.000		Con đẻ	Phạm Thị Liễu
	Tổng cộng:		2368 người		1.184.000.000			